

Số: 15858/HD-SGTVT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 12 năm 2023

HƯỚNG DẪN

Thực hiện một số quy định về quản lý và sử dụng tạm thời một phần lòng đường, hè phố trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh

Căn cứ Nghị quyết số 15/2023/NQ-HĐND ngày 19 tháng 9 năm 2023 của Hội đồng nhân dân Thành phố về mức phí sử dụng tạm thời một phần lòng đường, hè phố trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây viết tắt là Nghị quyết 15/2023/NQ-HĐND);

Căn cứ Quyết định số 32/2023/QĐ-UBND ngày 26 tháng 7 năm 2023 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về quản lý và sử dụng tạm thời một phần lòng đường, hè phố trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây viết tắt là Quyết định 32/2023/QĐ-UBND).

Thực hiện Kế hoạch số 6132/KH-UBND ngày 05 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về ban hành kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 15/2023/NQ-HĐND ngày 19 tháng 9 năm 2023 của Hội đồng nhân dân Thành phố về mức phí sử dụng tạm thời một phần lòng đường, hè phố trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh, Sở Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện một số quy định về quản lý và sử dụng tạm thời một phần lòng đường, hè phố trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh như sau:

I. Hướng dẫn chung

1. Lòng đường và hè phố chỉ được sử dụng cho mục đích giao thông, trường hợp được phép sử dụng ngoài mục đích giao thông phải đáp ứng điều kiện theo Điều 4, Quyết định 32/2023/QĐ-UBND.

2. Việc khai thác, sử dụng tạm thời lòng đường, hè phố ngoài mục đích giao thông cần đảm bảo công khai, minh bạch, tạo điều kiện thuận lợi để người dân tham gia kiểm tra, giám sát, phản ánh; đơn vị quản lý đường bộ phải xây dựng kế hoạch, giải pháp, lộ trình, phân công trách nhiệm cụ thể, lựa chọn các tuyến đường, khu vực đáp ứng các tiêu chí, quy chuẩn, tiêu chuẩn, quy định tại Quyết định 32/2023/QĐ-UBND.

3. Các đơn vị quản lý đường bộ có trách nhiệm kiểm tra, giám sát việc tổ chức triển khai thực hiện, kịp thời đánh giá, rút kinh nghiệm để nhân rộng; bảo đảm thống nhất đồng bộ trên toàn địa bàn quản lý và trên toàn thành phố.

4. Bề rộng hè phố khi xem xét sử dụng tạm thời ngoài mục đích giao thông không tính đến phạm vi chiếm dụng của cây xanh, mảng xanh, công trình hạ tầng kỹ thuật, công trình tạm hiện hữu.

5. Tổ chức, cá nhân sử dụng tạm thời hè phố để kinh doanh dịch vụ, mua, bán hàng hóa, để xe hai bánh không thu tiền dịch vụ trông, giữ xe, điểm trung chuyển vật liệu, phế thải xây dựng để phục vụ thi công công trình, điểm trông, giữ xe có thu phí trên hè phố thực hiện theo danh mục các tuyến đường do Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành.

6. Việc thi công, lắp đặt các công trình trong phạm vi lòng đường, hè phố thực hiện theo quy định về thi công trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành¹.

7. Tra cứu thông tin về Quyết định giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, bộ thủ tục hành chính trong lĩnh vực đường bộ thuộc phạm vi chức năng của Sở Giao thông vận tải; các văn bản quy định liên quan đến quản lý, thu phí sử dụng tạm thời một phần lòng đường, hè phố;... trên Trang thông tin điện tử của Sở Giao thông vận tải <https://sgtvt.hochiminhcity.gov.vn/> hoặc quét mã QR bên dưới²

II. Cấp phép, thu nộp phí, trách nhiệm sử dụng tạm thời lòng đường, hè phố

1. Trình tự, cách thức cấp giấy phép sử dụng

- Sở Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân quận, huyện, Thành phố Thủ Đức (sau đây gọi tắt là Ủy ban nhân dân cấp huyện) xem xét cấp phép sử dụng tạm thời một phần lòng đường, hè phố theo quyết định giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

¹ Quyết định số 09/2014/QĐ-UBND ngày 20 tháng 02 năm 2014 của Ủy ban nhân dân thành phố quy định về thi công xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; Quyết định số 30/2018/QĐ-UBND ngày 04 tháng 9 năm 2018 về Sửa đổi, bổ sung một số điều tại Quyết định số 09/2014/QĐ-UBND ngày 20 tháng 02 năm 2014 của Ủy ban nhân dân thành phố; Hướng dẫn 6460/HD-SGTVT ngày 12 tháng 11 năm 2018 của Sở Giao thông vận tải về Thực hiện một số nội dung của Quy định về thi công xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.



- Trình tự, cách thức thực hiện thủ tục hành chính thực hiện theo Điều 12 Quyết định 32/2023/QĐ-UBND và Quyết định số 4697/QĐ-UBND ngày 13 tháng 10 năm 2023 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về công bố thủ tục hành chính đặc thù trong lĩnh vực đường bộ thuộc phạm vi chức năng của Sở Giao thông vận tải (đính kèm).

2. Đơn vị được giao nhiệm vụ thu phí:

Theo Kế hoạch số 6132/KH-UBND ngày 05 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, đơn vị được giao nhiệm vụ thu phí:

- Sở Giao thông vận tải tổ chức thu phí sử dụng tạm thời lòng đường (bao gồm dải phân cách, đảo giao thông) trên các tuyến đường do Sở Giao thông vận tải quản lý theo quyết định giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

- Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức thu phí sử dụng tạm thời lòng đường, hệ phố đối với các tuyến đường do Ủy ban nhân dân cấp huyện quản lý theo quyết định giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

3. Mức phí sử dụng tạm thời một phần lòng đường, hệ phố

Công thức để xác định mức phí sử dụng tạm thời lòng đường, hệ phố như sau:

$$\left(\begin{array}{c} \text{Số phí sử dụng tạm thời} \\ \text{một phần lòng đường, hệ phố} \end{array} \right) = \left(\begin{array}{c} \text{Mức phí của} \\ \text{tuyến đường} \end{array} \right) \times \left(\begin{array}{c} \text{Diện tích} \\ \text{sử dụng} \end{array} \right) \times \left(\begin{array}{c} \text{Thời gian} \\ \text{sử dụng} \end{array} \right)$$

Trong đó:

- Mức phí của tuyến đường được xác định theo Điều 2 Nghị quyết 15/2023/NQ-HĐND và danh mục các tuyến đường được phép sử dụng tạm thời một phần lòng đường, hệ phố do Sở Giao thông vận tải và Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành, trong đó xác định rõ các tuyến đường trung tâm và các tuyến đường không phải trung tâm. Danh mục các tuyến đường trung tâm của 05 khu vực đính kèm tại Phụ lục III Hướng dẫn này.

- Thời gian sử dụng:

+ Nếu số ngày sử dụng tạm lòng đường, hệ phố dưới 15 ngày trong tháng, thời gian sử dụng là 0,5 tháng.

+ Nếu số ngày sử dụng tạm lòng đường, hệ phố từ 15 ngày trở lên trong tháng, thời gian sử dụng là 01 tháng.

4. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân sử dụng tạm thời lòng đường, hệ phố, cơ quan quản lý đường bộ các cơ quan, đơn vị phối hợp liên quan.

Các trường hợp sử dụng tạm thời một phần lòng đường hè phố (bao gồm phải cấp giấy phép, không cấp giấy phép, thu phí, không thu phí sử dụng) và trách nhiệm của tổ chức, cá nhân liên quan được tóm tắt tại Phụ lục I đính kèm hướng dẫn này.

Sở Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân cấp huyện sắp xếp, bố trí nhân sự để tổ chức cấp phép, chấp thuận sử dụng, thu phí sử dụng và kiểm tra giám sát việc sử dụng tạm thời lòng đường, hè phố đối với các tuyến đường do các đơn vị quản lý theo quy định.

III. Ban hành danh mục các tuyến đường theo thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp huyện và Sở Giao thông vận tải

Các đơn vị xây dựng kế hoạch, giải pháp, lộ trình, phân công trách nhiệm cụ thể, lựa chọn một số tuyến đường, khu vực để triển khai thực hiện trên cơ sở bám sát các tiêu chí, tiêu chuẩn, quy định tại Quyết định 32/2023/QĐ-UBND, chú trọng kiểm tra, giám sát việc thực hiện, kịp thời đánh giá rút kinh nghiệm để nhân rộng (theo Kết luận số 727-KL/TU của Ban Thường vụ Thành ủy về ban hành Quy định thu phí sử dụng tạm thời lòng đường, hè phố trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh).

1. Ban hành danh mục các tuyến đường theo thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp huyện

Điểm b Khoản 2, Điều 17, Quyết định 32/2023/QĐ-UBND quy định Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành danh mục: đường có hè phố làm điểm kinh doanh dịch vụ, mua, bán hàng hóa (Khoản 2, Điều 7); trung chuyển vật liệu, phế thải xây dựng để phục vụ thi công công trình (Khoản 3, Điều 8); trông, giữ xe có thu phí (Khoản 4, Điều 8).

Quá trình rà soát, khảo sát, lập danh mục, Ủy ban nhân dân cấp huyện phải thuyết minh giải pháp tổ chức thực hiện phù hợp, khả thi cho từng vị trí, đoạn đường dự kiến ban hành với các nội dung như sau:

- Hiện trạng vị trí, đoạn đường đề xuất
- + Vị trí đề xuất: vị trí, lý trình (hoặc đoạn từ đường A đến đường B).
- + Tổ chức giao thông hiện hữu: chiều lưu thông, các loại xe được phép/cấm lưu thông, hệ thống tín hiệu giao thông hiện hữu (đèn tín hiệu, biển báo, vạch sơn); Bề rộng mặt đường, hè phố; kết cấu bề mặt; điều kiện khai thác.
- + Công trình hạ tầng kỹ thuật, xã hội, thiết yếu gồm công trình ngầm và nổi: cấp nước; thoát nước; chiếu sáng công cộng; cây xanh; điện lực, viễn thông (vị trí, kích thước, phạm vi chiếm dụng, chiều sâu, đường kính thân, bồn gốc cây, loại cây,...).

+ Công trình tạm: trụ, bảng quảng cáo, cỗ động chính trị, nhà vệ sinh công cộng, nhà để xe,... (vị trí, kích thước, phạm vi chiếm dụng).

- Các giải pháp tổ chức thực hiện tại vị trí đề xuất:

+ Mục đích khai thác: kinh doanh dịch vụ, mua, bán hàng hóa; để xe hai bánh không thu tiền dịch vụ;...

+ Thời gian khai thác: thời gian khai thác trong ngày.

+ Phương án bảo đảm an toàn giao thông, duy tu bảo dưỡng, vệ sinh môi trường (phương tiện, thiết bị được phép sử dụng; lối đi còn lại lưu thông bộ hành, người khuyết tật; phương án chiếu sáng, rào chắn cảnh báo, biển báo, vạch sơn đường, giải pháp xử lý chướng ngại vật (nếu có); thời gian vệ sinh trong ngày; chu kỳ tiến hành duy tu, bảo dưỡng lòng đường, hè phố (bao gồm các hạng mục gắn liền như vạch sơn, biển báo,...)).

+ Phương án nhận diện, kiểm tra, giám sát.

- Tham vấn đồng thuận của tổ chức, cá nhân trên phạm vi ảnh hưởng trực tiếp từ việc sử dụng tạm thời lòng đường, hè phố.

Ủy ban nhân dân cấp huyện sau khi tổng hợp danh mục (kèm thuyết minh giải pháp tổ chức thực hiện nêu trên) gửi Công an Thành phố, Ban An toàn giao thông Thành phố, Sở Giao thông vận tải và các tổ chức liên quan có ý kiến. Sau khi tổng hợp ý kiến, Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét quyết định ban hành danh mục, công khai (trên trang thông tin điện tử, niêm yết tại địa điểm tiếp công dân thuộc Văn phòng Ủy ban nhân dân cấp xã, cấp huyện), tổ chức triển khai thực hiện theo quy định.

2. Ban hành danh mục theo thẩm quyền của Sở Giao thông vận tải

2.1. Các tuyến đường có hè phố tổ chức điểm bố trí các công trình, tiện ích phục vụ giao thông công cộng (Khoản 4 Điều 7)

- Trung tâm Quản lý giao thông công cộng chủ trì, phối hợp với Trung tâm Quản lý hạ tầng giao thông đường bộ, Trung tâm Quản lý điều hành giao thông đô thị, Ủy ban nhân dân cấp huyện và các tổ chức liên quan rà soát các tuyến đường quản lý dự kiến đủ điều kiện để tổ chức bố trí các công trình, tiện ích phục vụ giao thông công cộng; lập danh mục và thuyết minh giải pháp tổ chức thực hiện cụ thể (tương tự Mục 1 Phần III) cho các trường hợp đề xuất, gửi Sở Giao thông vận tải để xem xét, có ý kiến làm cơ sở thực hiện.

- Sở Giao thông vận tải ban hành công khai danh mục (kèm thuyết minh giải pháp tổ chức thực hiện theo Mục 1, Phần III) cho từng trường hợp cụ thể trên trang thông tin điện tử, niêm yết tại địa điểm tiếp nhận, trả hồ sơ thuộc Sở Giao thông vận tải, tổ chức triển khai thực hiện theo quy định.

2.2. Các tuyến đường có lòng đường đủ điều kiện tổ chức điểm trung chuyển rác thải sinh hoạt của doanh nghiệp vệ sinh môi trường đô thị (Khoản 2 Điều 9)

- Trung tâm Quản lý hạ tầng giao thông đường bộ, Trung tâm Quản lý điều hành giao thông đô thị phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện, Sở Tài nguyên và Môi trường và các tổ chức liên quan rà soát các tuyến đường quản lý dự kiến đủ điều kiện để tổ chức điểm trung chuyển rác thải sinh hoạt của doanh nghiệp vệ sinh môi trường đô thị; lập danh mục, gửi Sở Giao thông vận tải để xem xét, có ý kiến làm cơ sở thực hiện.

- Sở Giao thông vận tải ban hành danh mục cho từng trường hợp cụ thể và công khai trên cổng thông tin điện tử, điểm tiếp nhận, trả hồ sơ của Sở Giao thông vận tải, tổ chức triển khai thực hiện theo quy định.

2.3. Các tuyến đường có lòng đường đủ điều kiện tổ chức làm điểm trông, giữ xe có thu tiền dịch vụ trông giữ xe (Khoản 3 Điều 9)

- Trung tâm Quản lý hạ tầng giao thông đường bộ, Trung tâm Quản lý điều hành giao thông đô thị phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện và các tổ chức liên quan rà soát các tuyến đường quản lý dự kiến đủ điều kiện để tổ chức điểm trông, giữ xe có thu tiền dịch vụ; lập danh mục, gửi Sở Giao thông vận tải để xem xét, có ý kiến làm cơ sở thực hiện.

- Sở Giao thông vận tải ban hành danh mục cho từng trường hợp cụ thể và công khai trên cổng thông tin điện tử, điểm tiếp nhận, trả hồ sơ của Sở Giao thông vận tải, tổ chức triển khai thực hiện theo quy định.

IV. Hướng dẫn về giải pháp tổ chức thực hiện quản lý, sử dụng tạm thời hè phố

1. Kinh doanh dịch vụ, mua, bán hàng hóa (Khoản 2 Điều 7)

1.1. Ủy ban nhân dân cấp huyện chủ trì thực hiện ban hành danh mục các tuyến đường đủ điều kiện tổ chức kinh doanh dịch vụ, mua bán hàng hóa trên hè phố theo các bước tại Phần III Hướng dẫn này.

1.2. Về triển khai thực hiện:

- Việc sử dụng tạm thời hè phố để kinh doanh dịch vụ, mua, bán hàng hóa trên địa bàn phải đảm bảo đồng bộ trên từng đoạn tuyến đường, khu vực và phải được Ủy ban nhân dân cấp huyện thông qua, thu phí theo quy định.

- Ủy ban nhân dân cấp huyện căn cứ hiện trạng sử dụng, đặc thù, tính chất của từng tuyến đường, đoạn đường của khu vực để xây dựng giải pháp tổ chức thực hiện, thời gian hoạt động (theo giờ) cho phù hợp.

- Phạm vi hè phố để tổ chức kinh doanh dịch vụ, mua, bán hàng hóa phải được giới hạn (bằng gạch màu hoặc vạch sơn phản quang màu vàng, hàng rào) để phân định với các hoạt động khác và được bố trí xen giữa bồn gốc cây xanh, mảng xanh hiện hữu trên hè phố.

1.3. Điều kiện sử dụng

- Hè phố có bề rộng từ 3,0 mét trở lên.

- Tổ chức, cá nhân sử dụng hè phố có trách nhiệm thực hiện theo đúng giải pháp tổ chức thực hiện tại vị trí thuộc danh mục do Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành.

- Khi tổ chức hoạt động này, hè phố còn lại dành cho người đi bộ bảo đảm rộng tối thiểu 1,5m (không tính đến phạm vi bồn gốc cây, ô đất trồng cây xanh và khu vực bố trí hệ thống hạ tầng kỹ thuật trên hè phố chiếm dụng), thông suốt liên tục và không có chướng ngại vật cản trở (cho từng đoạn, tuyến).

- Hạn chế tối đa thực hiện tại một số vị trí khu vực ảnh hưởng đến hoạt động của các cơ quan, công sở, trụ sở ngoại giao, cơ sở tôn giáo, y tế, trường học.

1.4. Một số mẫu hình thức bố trí:

+ Mẫu 1: Bố trí phía trước sát mép nhà dân (Phụ lục II, hình 1, 2).

+ Mẫu 2: Bố trí phía trước sát mép hè phố (Phụ lục II, hình 3, 4).

+ Mẫu 3: Bố trí phía trước tại 02 khu vực (sát mép nhà dân và sát mép hè phố), có thể kết hợp điểm đỗ xe hai bánh không thu tiền dịch vụ trông, giữ xe (Phụ lục II, hình 5, 6).

2. Để xe hai bánh không thu tiền dịch vụ trông, giữ xe (Khoản 3 Điều 7)

2.1. Ủy ban nhân dân cấp huyện chủ trì thực hiện ban hành danh mục các tuyến đường đủ điều kiện tổ chức để xe hai bánh không thu tiền dịch vụ trông, giữ xe trên hè phố theo các bước tại Phần III Hướng dẫn này.

2.2. Về triển khai thực hiện:

- Việc để xe hai bánh không thu tiền dịch vụ trông, giữ xe tạm thời trên hè phố chỉ thực hiện trên các tuyến đường thuộc danh mục được Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành.

- Để xe hai bánh không thu tiền dịch vụ trông, giữ xe có thể bố trí theo phương án xếp xe hai bánh vuông góc 90° so với chiều lưu thông hoặc nghiêng góc 45° so với chiều lưu thông (Phụ lục II, hình 7, 8).

- Ủy ban nhân dân cấp huyện căn cứ hiện trạng sử dụng, đặc thù, tính chất của từng tuyến đường, đoạn đường của khu vực để quy định thời gian sử dụng

(theo giờ); các khu vực có công trình tập trung đông người, như: cơ sở y tế, giáo dục, trung tâm thương mại cần hạn chế sử dụng vào khung giờ cao điểm.

- Phạm vi hè phố để làm điểm đỗ xe hai bánh không thu tiền dịch vụ trông, giữ xe phải được kẻ vạch sơn phản quang màu trắng để phân định với các hoạt động khác và được bố trí xen giữa bồn gốc cây xanh, mảng xanh hiện hữu trên hè phố.

2.3. Điều kiện sử dụng:

- Hè phố có bề rộng từ 3,0 mét trở lên.

- Tổ chức, cá nhân sử dụng hè phố có trách nhiệm thực hiện theo đúng phương án đề xuất và phương án tại vị trí thuộc danh mục do Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành.

- Khi tổ chức hoạt động này, hè phố còn lại dành cho người đi bộ bảo đảm rộng tối thiểu 1,5m (không tính đến phạm vi bồn gốc cây, ô đất trồng cây xanh và khu vực bố trí hệ thống hạ tầng kỹ thuật trên hè phố chiếm dụng), thông suốt liên tục và không có chướng ngại vật cản trở (cho từng đoạn, tuyến).

2.4. Một số mẫu hình thức bố trí:

Cách thức bố trí tương tự như các trường hợp tổ chức kinh doanh dịch vụ, mua, bán hàng hóa.

+ Mẫu 1: Bố trí phía trước sát mép nhà dân (Phụ lục II, hình 9).

+ Mẫu 2: Bố trí phía trước sát mép hè phố (Phụ lục II, hình 10).

+ Mẫu 3: Bố trí phía trước tại 02 khu vực (sát mép nhà dân và sát mép hè phố), có thể kết hợp điểm kinh doanh, mua, bán hàng hóa (Phụ lục II, hình 11).

+ Mẫu 4: Bố trí 1 phần trên hè phố và 1 phần trong ranh kiến trúc hiện hữu (Phụ lục II, hình 12, 13).

3. Điểm bố trí, lắp đặt các công trình, tiện ích phục vụ giao thông công cộng, lắp đặt các công trình tạm, các công trình phục vụ tổ chức giao thông trên hè phố, dải phân cách, đảo giao thông

3.1. Điểm bố trí, lắp đặt các công trình, tiện ích phục vụ giao thông công cộng

- Trung tâm Quản lý giao thông công cộng phối hợp Ủy ban nhân dân cấp huyện và các tổ chức liên quan rà soát các tuyến đường có hè phố dự kiến đủ điều kiện để lắp đặt các công trình tiện ích phục vụ giao thông công cộng; lập giải pháp tổ chức thực hiện cụ thể, gửi Sở Giao thông vận tải để xem xét, có ý kiến làm cơ sở thực hiện.

- Sở Giao thông vận tải xem xét chấp thuận các công trình tiện ích phục vụ giao thông công cộng và tổ chức thu phí theo quy định.

3.2. Điểm lắp đặt các công trình tạm, các công trình phục vụ tổ chức giao thông

- Trung tâm Quản lý hạ tầng giao thông đường bộ, Trung tâm Quản lý điều hành giao thông đô thị, Ủy ban nhân dân cấp huyện và các tổ chức liên quan rà soát các tuyến đường quản lý có hệ phố dự kiến đủ điều kiện để lắp đặt các công trình tạm (trụ quảng cáo tạm, trụ tuyên truyền, cổ động chính trị, buồng vệ sinh công cộng,...); lập giải pháp tổ chức thực hiện cụ thể, gửi Sở Giao thông vận tải để xem xét, có ý kiến làm cơ sở thực hiện.

- Sở Giao thông vận tải xem xét chấp thuận lắp đặt các công trình tạm (kèm thuyết minh giải pháp tổ chức thực hiện), tổ chức triển khai thực hiện và tổ chức thu phí theo quy định.

4. Bố trí đường dành cho xe đạp

- Trung tâm Quản lý hạ tầng giao thông đường bộ, Trung tâm Quản lý điều hành giao thông đô thị phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện và các tổ chức liên quan rà soát các tuyến đường quản lý có hệ phố dự kiến đủ điều kiện để tổ chức bố trí đường dành cho xe đạp kèm thuyết minh giải pháp tổ chức thực hiện cụ thể, gửi Sở Giao thông vận tải để xem xét, có ý kiến làm cơ sở thực hiện.

Lưu ý: Tham khảo quy định về đường xe đạp tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia các công trình hạ tầng kỹ thuật - công trình giao thông QCVN 07-4:2016/BXD, Tiêu chuẩn quốc gia về Đường đô thị - Yêu cầu thiết kế TCVN 12592:2022 và Hướng dẫn thiết kế đường dành cho xe đạp trong đô thị (do Cục Hạ tầng kỹ thuật - Bộ Xây dựng ban hành).

V. Một số giải pháp tăng cường bảo đảm an toàn giao thông

1. Thực hiện việc kẻ vạch giới hạn, lắp đặt biển báo đối với các trường hợp sử dụng tạm thời lòng đường, hè phố

1.1. Tổ chức kết nối giao thông từ các công trình xây dựng vào đường bộ hiện hữu: Kết cấu mẫu hè phố và kết nối giao thông từ các công trình xây dựng khi kết nối vào đường bộ theo hướng dẫn kết cấu mẫu vỉa hè, bó vỉa của hè phố của Sở Giao thông vận tải.

1.2. Các trường hợp sử dụng tạm thời lòng đường, hè phố

Trong các phương án sử dụng tạm thời lòng đường, hè phố phải thực hiện biện pháp tăng cường bảo đảm an toàn giao thông, đảm bảo đầy đủ hệ thống báo hiệu đường bộ, gồm: biển báo, vạch sơn, rào chắn, đèn báo hiệu ban đêm, màng

phản quan, người điều tiết giao thông,... theo quy định tại QCVN 41: 2019/BGTVT.

Một số phương án tăng cường đảm bảo an toàn giao thông áp dụng để phục vụ sử dụng tạm thời lòng đường, hè phố:

(1) Tổ chức các hoạt động văn hóa (Phụ lục II, hình 14, 15).

(2) Tổ chức trông, giữ xe 02 bánh dưới lòng đường (Phụ lục II hình 16, 18).

(3) Điểm trung chuyển rác thải sinh hoạt của doanh nghiệp vệ sinh môi trường đô thị (Phụ lục II, hình 18, 19).

(4) Điểm trung chuyển vật liệu, phế thải xây dựng để phục vụ thi công công trình (Phụ lục II, hình 20, 21).

(5) Phương án che chắn không gian bên trên hè phố (Phụ lục II, hình 22, 23).

(6) Đường giới hạn phạm vi sử dụng tạm hè phố (Phụ lục II, hình 24, 25).

1.3. Khuyến khích các tổ chức, cá nhân thực hiện công tác đầu tư, cải tạo, bảo trì, vệ sinh kết cấu hè phố theo hướng dẫn chung của Sở Giao thông vận tải hoặc Ủy ban nhân dân cấp huyện (nếu có).

2. Đường chưa có hè phố hoặc có hè phố nhưng chưa bảo đảm bề rộng tối thiểu theo quy định

2.1. Nguyên tắc chung:

- Trường hợp hè phố không đủ hoặc đường không có hè phố, có thể bố trí tối thiểu 0,75 mét dưới lòng đường cho người đi bộ và phải có giải pháp bảo đảm an toàn giao thông phù hợp như: sơn kẻ vạch đường, lắp đặt biển báo, cọc tiêu,...

- Đối với tuyến đường tổ chức giao thông 01 chiều có bề rộng từ 5,00 mét trở lên, bố trí làn đường đi bộ rộng tối thiểu 0,75 mét sát bên phải chiều xe chạy.

- Đối với tuyến đường tổ chức giao thông 02 chiều có bề rộng từ 7,50 mét trở lên, bố trí làn đường đi bộ 02 bên rộng tối thiểu 0,75 mét sát bên phải chiều xe chạy mỗi bên.

- Phần đường đi bộ phải cách ly với phần đường dành cho phương tiện giao thông cơ giới bằng dải phân cách, cọc tiêu, vạch sơn kết hợp với biển báo hiệu đường bộ theo Quy chuẩn hiện hành. (Phụ lục II, hình 26, 27).

2.2. Các giải pháp tăng cường an toàn giao thông: Lắp đặt cọc tiêu, hàng rào, hệ thống biển cảnh báo Chú ý quan sát, Đi chậm (W.245a,b), Điểm bắt đầu người đi bộ (I.423c) theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu giao thông đường bộ.

2.3. Các đơn vị quản lý các công trình hạ tầng kỹ thuật, các công trình thiết yếu đang lắp đặt dưới lòng đường, trên hè phố đường (điện lực, viễn thông, chiếu sáng, cấp thoát nước, cây xanh, trụ tuyên truyền cổ động chính trị...) chủ động rà soát, điều chỉnh, di dời các công trình do đơn vị quản lý nhằm đảm bảo điều kiện an toàn giao thông, ưu tiên cho người đi bộ, khuyết tật lưu thông an toàn trên hè phố.

VI. Phối hợp với các tổ chức liên quan đẩy mạnh ứng dụng công nghệ trong công tác quản lý lòng đường, hè phố

Các đơn vị quản lý đường bộ chủ động, phối hợp Sở Giao thông vận tải đề số hóa dữ liệu về lòng đường, hè phố hiện hữu; phối hợp triển khai thực hiện dự án “Thuê dịch vụ phục vụ hệ thống quản lý cấp phép, thu phí sử dụng tạm thời lòng đường, hè phố” để công khai việc cấp giấy phép, đóng phí sử dụng tạm thời lòng đường, hè phố trên địa bàn Thành phố.

Sở Giao thông vận tải đề nghị các đơn vị nghiên cứu, tổ chức triển khai thực hiện. Trong quá trình thực hiện, các đơn vị có khó khăn vướng mắc, kiến nghị cụ thể vui lòng gửi thông tin về Sở Giao thông vận tải (qua Phòng Quản lý khai thác hạ tầng giao thông đường bộ) để có hướng dẫn và điều chỉnh kịp thời./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND TPHCM: “đề báo cáo”;
- VP BATGT TPHCM; CA TPHCM;
- Sở VHTT; Sở XD; Sở QHKT; Sở CT;
- UBND TPTĐ, các quận, huyện;
- Ban QLGT; Ban QLĐS; Ban QLHT;
- Sở GTVT (Ban GĐ);
- Các phòng, đơn vị thuộc SGTVT;
- Lưu: VT, KTHT. Ltk *QL*

GIÁM ĐỐC



Trần Quang Lâm



Phụ lục I

CÁC TRƯỜNG HỢP SỬ DỤNG TẠM THỜI LÒNG ĐƯỜNG, HÈ PHỐ, TRÁCH NHIỆM CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN CƠ QUAN QUẢN LÝ ĐƯỜNG BỘ CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ LIÊN QUAN

(Kèm theo Hướng dẫn số 15858/HD-SGTVT ngày 25 tháng 12 năm 2023 của Sở Giao thông vận tải)

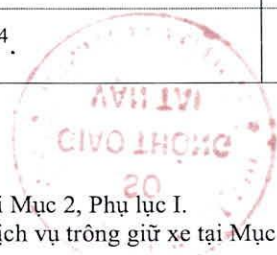
1. Tóm tắt các trường hợp sử dụng tạm thời lòng đường, hè phố được miễn cấp phép/cấp phép, miễn thu phí/thu phí

STT	Nội dung sử dụng	Giấy phép sử dụng		Nộp Phí sử dụng		Ghi chú
		Có	Không	Có	Không	
I	Hè phố					
1	Tổ chức đám cưới, đám tang và điếm trông, giữ xe phục vụ đám cưới, đám tang.		X		X	
2	Điếm tổ chức kinh doanh dịch vụ, mua, bán hàng hóa ¹ .		X	X		(*) Phải trong danh mục và được UBND cấp huyện cấp thuận.
3	Điếm để xe hai bánh không thu tiền dịch vụ trông, giữ xe ² .		X		X	Phải trong danh mục được UBND cấp huyện chấp thuận.
4	Điếm bố trí các công trình, tiện ích phục vụ giao thông công cộng, lắp đặt các công trình tạm, các công trình phục vụ tổ chức giao thông trên hè phố, dải phân cách, đảo giao thông.		X	X		Sở Giao thông vận tải xem xét chấp thuận.

¹ Lưu ý hướng dẫn về Trường hợp kinh doanh dịch vụ, mua, bán hàng hóa tại Mục 2, Phụ lục I

² Lưu ý hướng dẫn về Trường hợp để xe hai bánh không thu tiền dịch vụ trông, giữ xe tại Mục 2, Phụ lục I.

STT	Nội dung sử dụng	Giấy phép sử dụng		Nộp Phí sử dụng		Ghi chú
		Có	Không	Có	Không	
5	Bố trí đường dành cho xe đạp.		X		X	Sở Giao thông vận tải xem xét chấp thuận.
6	Tổ chức các hoạt động văn hóa (thể thao, diễu hành, lễ hội), tuyên truyền chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước.	X		X		(**)
7	Điểm trông, giữ xe phục vụ hoạt động văn hóa (thể thao, diễu hành, lễ hội).	X		X		(**)
8	Điểm trung chuyển vật liệu, phế thải xây dựng để phục vụ thi công công trình.	X		X		
9	Điểm trông, giữ xe có thu tiền dịch vụ trông giữ xe ³ .	X		X		(*)
II	Lòng đường					
1	Tổ chức các hoạt động văn hóa (thể thao, diễu hành, lễ hội) và điểm trông, giữ xe ô tô phục vụ các hoạt động văn hóa.	X		X		(**)
2	Điểm trung chuyển rác thải sinh hoạt của doanh nghiệp vệ sinh môi trường đô thị.	X		X		
3	Điểm trông, giữ xe có thu tiền dịch vụ trông giữ xe ⁴ .	X		X		(*)



³ Lưu ý hướng dẫn về Trường hợp tổ chức Điểm trông, giữ xe có thu phí tại Mục 2, Phụ lục I.

⁴ Lưu ý hướng dẫn về Trường hợp tổ chức Điểm trông, giữ xe có thu tiền dịch vụ trông giữ xe tại Mục 2, Phụ lục I.

Ghi chú:

- Trách nhiệm của tổ chức, các nhân sử dụng trình bày chi tiết tại Mục 2, Phụ lục này.
- (*) Các trường hợp này phải thực hiện theo danh mục do Ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc Sở Giao thông vận tải ban hành.
- (**) Các trường hợp được Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành kế hoạch cụ thể sẽ không phải cấp giấy phép, nộp phí.

2. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân cơ quan quản lý đường bộ các các cơ quan, đơn vị liên quan

STT	Nội dung	Trách nhiệm cá nhân, tổ chức, cơ quan, đơn vị liên quan			Ghi chú
		Tổ chức, cá nhân sử dụng	Cơ quan quản lý đường bộ chủ trì	Cơ quan quản lý phối hợp	
I	Hệ phố				
1	Tổ chức đám cưới, đám tang và điếm trông, giữ xe phục vụ đám cưới, đám tang (Khoản 1, Điều 7)	<ul style="list-style-type: none"> - Thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú để được hỗ trợ giải quyết. - Thực hiện theo hướng dẫn, giám sát của Ủy ban nhân dân cấp xã. 	<ul style="list-style-type: none"> - UBND cấp huyện: Hướng dẫn cụ thể các hình thức thông báo phù hợp, bảo đảm thuận lợi cho hộ gia đình khi có nhu cầu tổ chức sử dụng tạm thời hệ phố và thống nhất trên địa bàn quản lý. - UBND cấp xã: Hướng dẫn, giám sát việc thực hiện và tạo điều kiện, hỗ trợ hộ gia đình các biện pháp về bảo đảm trật tự, an toàn giao thông, vệ sinh môi trường, mỹ quan đô thị. 		
2	Tổ chức kinh doanh dịch vụ, mua, bán hàng hóa (Khoản 2, Điều 7)	<ul style="list-style-type: none"> - Chỉ được thực hiện trên phạm vi thuộc danh mục do Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành. - Có phương án sử dụng tạm thời hệ phố theo thuyết minh giải pháp tổ chức thực hiện và danh mục tuyến đường cụ thể do Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành và được chấp thuận. - Tổ chức sử dụng theo phương án thông qua, đảm bảo an toàn giao thông, vệ sinh môi trường theo quy định trong suốt quá trình sử dụng. - Nộp phí sử dụng tạm thời hệ phố theo Nghị quyết số 15/2023/NQ-HĐND. 	<ul style="list-style-type: none"> - UBND cấp huyện: <ul style="list-style-type: none"> + Xây dựng danh mục kèm thuyết minh giải pháp tổ chức thực hiện và ban hành danh mục vị trí đủ điều kiện tổ chức làm điếm tổ chức kinh doanh dịch vụ, mua, bán hàng hóa; + Công khai trên trang thông tin điện tử, niêm yết tại địa điểm tiếp công dân. + Tổ chức hướng dẫn thống nhất phạm vi phục vụ kinh doanh dịch vụ, mua, bán hàng hóa từng trường hợp cụ thể. + Có đánh giá sự phù hợp và thông qua phương án do tổ chức, cá nhân có nhu cầu 	<ul style="list-style-type: none"> - Sở Công Thương: <ul style="list-style-type: none"> + Nghiên cứu ban hành hướng dẫn chung về trưng bày sản phẩm, hàng hóa, hoạt động phục vụ ẩm thực trên hệ phố; bán hàng lưu động và các hoạt động khác liên quan đến mua, bán hàng hóa. + Phối hợp Ủy ban nhân dân cấp huyện hướng dẫn việc sắp xếp kinh doanh, mua, bán hàng hóa phù hợp với từng tuyến đường. - Văn phòng Ban An toàn giao thông, Công an TPHCM, Sở Giao thông vận tải: 	

STT	Nội dung	Trách nhiệm cá nhân, tổ chức, cơ quan, đơn vị liên quan			Ghi chú
		Tổ chức, cá nhân sử dụng	Cơ quan quản lý đường bộ chủ trì	Cơ quan quản lý phối hợp	
		<p>- Tiến hành nhận bản giao mặt bằng ghi nhận hiện trạng trước khi thực hiện.</p>	<p>sử dụng với thuyết minh giải pháp tổ chức thực hiện khai thác được ban hành.</p> <p>+ Phổ biến cho các tổ chức, cá nhân về tiêu chí và xây dựng phương án bố trí, khai thác các hoạt động kinh doanh dịch vụ, mua, bán hàng hóa.</p> <p>+ Tổ chức bảo trì và thực hiện việc kẻ vạch sơn, lắp đặt biển báo.</p> <p>+ Lấy ý kiến Văn phòng Ban An toàn giao thông Thành phố Hồ Chí Minh, Công an Thành phố Hồ Chí Minh, Sở Giao thông vận tải về danh mục trước khi ban hành.</p> <p>+ Thu phí sử dụng tạm thời hè phố theo Nghị quyết số 15/2023/NQ-HĐND.</p> <p>+ Tổ chức kiểm tra, giám sát việc sử dụng tạm thời lòng đường, hè phố theo thẩm quyền.</p>	<p>+ Phối hợp Ủy ban nhân dân cấp huyện góp ý danh mục.</p> <p>+ Theo dõi, kiểm tra, giám sát theo chức năng, nhiệm vụ.</p> <p>+ Đánh giá quá trình thực hiện; đề nghị nhân rộng hoặc chấm dứt nếu hoạt động gây mất trật tự an toàn giao thông.</p>	
3	<p>Đề xe hai bánh không thu tiền dịch vụ trông, giữ xe (Khoản 3, Điều 7)</p>	<p>- Chỉ được thực hiện trên phạm vi thuộc danh mục do Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành.</p> <p>- Có phương án sử dụng tạm thời hè phố theo thuyết minh giải pháp tổ chức thực hiện và danh mục tuyến đường cụ thể do Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành và được chấp thuận.</p>	<p>- UBND cấp huyện:</p> <p>+ Xây dựng danh mục kèm thuyết minh giải pháp tổ chức thực hiện và ban hành danh mục vị trí đủ điều kiện tổ chức làm điểm để xe hai bánh không thu tiền dịch vụ trông, giữ xe.</p> <p>+ Công khai trên trang thông tin điện tử, niêm yết tại địa điểm tiếp công dân.</p>	<p>- Văn phòng Ban An toàn giao thông, Công an TPHCM, Sở Giao thông vận tải:</p> <p>+ Phối hợp Ủy ban nhân dân cấp huyện góp ý danh mục.</p> <p>+ Theo dõi, kiểm tra, giám sát theo chức năng, nhiệm vụ.</p>	

STT	Nội dung	Trách nhiệm cá nhân, tổ chức, cơ quan, đơn vị liên quan			Ghi chú
		Tổ chức, cá nhân sử dụng	Cơ quan quản lý đường bộ chủ trì	Cơ quan quản lý phối hợp	
		<ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức sử dụng theo phương án thông qua, đảm bảo an toàn giao thông, vệ sinh môi trường theo quy định trong suốt quá trình sử dụng. - Có đăng ký cư trú, đăng ký hoạt động kinh doanh tại địa điểm sử dụng tạm hè phố. - Tiến hành nhận bàn giao mặt bằng ghi nhận hiện trạng trước khi thực hiện. 	<ul style="list-style-type: none"> + Tổ chức hướng dẫn thống nhất phạm vi để xe hai bánh không thu tiền dịch vụ trông, giữ xe. + Có đánh giá sự phù hợp và thông qua phương án do tổ chức, cá nhân có nhu cầu sử dụng với thuyết minh giải pháp tổ chức thực hiện được ban hành. + Tổ chức bảo trì và thực hiện việc kẻ vạch sơn, lắp đặt biển báo. + Phổ biến cho các tổ chức, cá nhân về tiêu chí và xây dựng phương án bố trí, khai thác các hoạt động để xe hai bánh không thu tiền dịch vụ trông, giữ xe. + Lấy ý kiến Văn phòng Ban An toàn giao thông Thành phố Hồ Chí Minh, Công an Thành phố Hồ Chí Minh, Sở Giao thông vận tải về danh mục trước khi ban hành. + Tổ chức kiểm tra, giám sát việc sử dụng tạm thời lòng đường, hè phố theo thẩm quyền. 	<ul style="list-style-type: none"> + Đánh giá quá trình thực hiện; đề nghị nhân rộng hoặc chấm dứt nếu hoạt động gây mất trật tự an toàn giao thông. 	
4	Bố trí các công trình, tiện ích phục vụ giao thông công cộng, các công trình phục vụ tổ chức giao thông, các công trình tạm	<ul style="list-style-type: none"> - Có phương án xây dựng, lắp đặt và phương án bảo đảm trật tự, an toàn giao thông trong quá trình thi công và khai thác gửi Sở Giao thông vận tải. - Có phương án sử dụng tạm thời hè phố theo thuyết minh giải pháp tổ chức 	<ul style="list-style-type: none"> - Sở Giao thông vận tải: + Rà soát, thông qua danh mục vị trí đủ điều kiện tổ chức thực hiện. + Công khai trên trang thông tin điện tử, niêm yết tại địa điểm tiếp công dân. 	<ul style="list-style-type: none"> - Văn phòng Ban An toàn giao thông, Công an TPHCM, UBND cấp huyện: + Phối hợp Sở Giao thông vận tải trong việc ban hành danh mục (đủ điều kiện bố trí các công trình, tiện ích phục vụ 	

STT	Nội dung	Trách nhiệm cá nhân, tổ chức, cơ quan, đơn vị liên quan			Ghi chú
		Tổ chức, cá nhân sử dụng	Cơ quan quản lý đường bộ chủ trì	Cơ quan quản lý phối hợp	
	trên hè phố, dải phân cách, đảo giao thông (Khoản 4, Điều 7)	<p>thực hiện và danh mục tuyến đường cụ thể do Sở Giao thông vận tải ban hành và được chấp thuận.</p> <p>- Tổ chức sử dụng theo phương án thông qua, đảm bảo an toàn giao thông, vệ sinh môi trường theo quy định trong suốt quá trình sử dụng.</p> <p>- Nộp phí sử dụng tạm thời hè phố theo Nghị quyết số 15/2023/NQ-HĐND.</p>	<p>+ Xem xét chấp thuận phương án.</p> <p>+ Hướng dẫn triển khai thực hiện việc kẻ vạch giới hạn, lắp đặt biển báo.</p> <p>+ Thu phí sử dụng tạm thời hè phố theo Nghị quyết số 15/2023/NQ-HĐND.</p> <p>+ Tổ chức kiểm tra, giám sát việc sử dụng tạm thời lòng đường, hè phố theo thẩm quyền.</p>	<p>giao thông công cộng, các công trình phục vụ tổ chức giao thông).</p> <p>+ Theo dõi, kiểm tra, giám sát theo chức năng, nhiệm vụ.</p> <p>+ Đánh giá quá trình thực hiện; đề nghị nhân rộng hoặc chấm dứt nếu hoạt động gây mất trật tự an toàn giao thông.</p>	
5	Bố trí đường dành cho xe đạp (Khoản 5, Điều 7)	<p>- Có phương án xây dựng, lắp đặt và phương án bảo đảm trật tự, an toàn giao thông trong quá trình thi công và khai thác gửi Sở Giao thông vận tải.</p>	<p>- Sở Giao thông vận tải:</p> <p>+ Xem xét chấp thuận phương án.</p> <p>+ Hướng dẫn triển khai thực hiện việc kẻ vạch giới hạn, lắp đặt biển báo</p> <p>+ Đánh giá, tổng kết quá trình thực hiện.</p> <p>+ Tổ chức kiểm tra, giám sát việc sử dụng tạm thời lòng đường, hè phố theo thẩm quyền.</p>	<p>- Văn phòng Ban An toàn giao thông, Công an TPHCM, UBND cấp huyện:</p> <p>+ Theo dõi, kiểm tra, giám sát theo chức năng, nhiệm vụ.</p> <p>+ Đánh giá quá trình thực hiện; đề nghị nhân rộng hoặc chấm dứt nếu hoạt động gây mất trật tự an toàn giao thông.</p>	
6	Tổ chức các hoạt động văn hóa (thể thao, diễu hành, lễ hội), tuyên truyền chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà	<p>- Gửi văn bản đề nghị kèm phương án bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đến cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền trước ngày diễn ra hoạt động văn hoá ít nhất là 10 ngày làm việc.</p>	<p>- UBND cấp huyện:</p> <p>+ Thông qua phương án bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đối với hoạt động văn hóa trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận văn bản đề nghị.</p>	<p>- Văn phòng Ban An toàn giao thông, Công an TPHCM, Sở Giao thông vận tải:</p> <p>+ Theo dõi, kiểm tra, giám sát theo chức năng, nhiệm vụ.</p>	

STT	Nội dung	Trách nhiệm cá nhân, tổ chức, cơ quan, đơn vị liên quan			Ghi chú
		Tổ chức, cá nhân sử dụng	Cơ quan quản lý đường bộ chủ trì	Cơ quan quản lý phối hợp	
	nước. (Khoản 1, Điều 8)	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện thủ tục đề nghị cấp giấy phép sử dụng hè phố quy định tại Điều 12. - Có thể gửi cùng thời điểm đến cơ quan có thẩm quyền Văn bản đề nghị xem xét phương án bảo đảm trật tự, an toàn giao thông và Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép sử dụng (theo hướng dẫn của Ủy ban nhân dân cấp huyện). - Triển khai phương án bảo đảm trật tự, an toàn giao thông được cơ quan có thẩm quyền thông qua và theo giấy phép được cấp. - Nộp phí sử dụng tạm thời hè phố theo Nghị quyết số 15/2023/NQ-HĐND. - Tiến hành nhận bàn giao mặt bằng ghi nhận hiện trạng trước khi thực hiện. - Quá trình lập phương án cần lưu ý về thuyết minh giải pháp tổ chức thực hiện tại Mục 1, Phần III. 	<ul style="list-style-type: none"> + Cấp giấy phép sử dụng tạm thời một phần hè phố trong 05 (năm) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định. + Thu phí sử dụng tạm thời hè phố theo Nghị quyết số 15/2023/NQ-HĐND. + Hướng dẫn việc nộp Văn bản đề nghị xem xét phương án bảo đảm trật tự, an toàn giao thông và hồ sơ đề nghị cấp giấy phép sử dụng. + Tổ chức kiểm tra, giám sát việc sử dụng tạm thời lòng đường, hè phố theo thẩm quyền. 	<ul style="list-style-type: none"> + Đánh giá quá trình thực hiện; đề nghị nhân rộng hoặc chấm dứt nếu hoạt động gây mất trật tự an toàn giao thông. 	
7	Tổ chức trông, giữ xe phục vụ hoạt động văn hóa (thể thao, diễu hành, lễ hội). (Khoản 2, Điều 8)	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện thủ tục đề nghị cấp giấy phép sử dụng hè phố quy định tại Điều 12. - Triển khai các biện pháp bảo đảm trật tự, an toàn giao thông trong quá trình sử dụng theo giấy phép được cấp. 	<p>- UBND cấp huyện:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Cấp giấy phép sử dụng tạm thời một phần hè phố trong 05 (năm) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định. + Thu phí sử dụng tạm thời hè phố theo Nghị quyết số 15/2023/NQ-HĐND. 	<p>- Văn phòng Ban An toàn giao thông, Công an TPHCM, Sở Giao thông vận tải:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Theo dõi, kiểm tra, giám sát theo chức năng, nhiệm vụ. 	

STT	Nội dung	Trách nhiệm cá nhân, tổ chức, cơ quan, đơn vị liên quan			Ghi chú
		Tổ chức, cá nhân sử dụng	Cơ quan quản lý đường bộ chủ trì	Cơ quan quản lý phối hợp	
		<ul style="list-style-type: none"> - Nộp phí sử dụng tạm thời hè phố theo Nghị quyết số 15/2023/NQ-HĐND. - Tiến hành nhận bàn giao mặt bằng ghi nhận hiện trạng trước khi thực hiện. - Quá trình lập phương án cần lưu ý về thuyết minh giải pháp tổ chức thực hiện tại Mục 1, Phần III. 	<ul style="list-style-type: none"> + Tổ chức kiểm tra, giám sát việc sử dụng tạm thời lòng đường, hè phố theo thẩm quyền. 	<ul style="list-style-type: none"> + Đánh giá quá trình thực hiện; đề nghị nhân rộng hoặc chấm dứt nếu hoạt động gây mất trật tự an toàn giao thông. 	
8	Tổ chức trung chuyển vật liệu, phế thải xây dựng để phục vụ thi công công trình. (Khoản 3, Điều 8)	<ul style="list-style-type: none"> - Công trình xây dựng được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng hoặc công trình xây dựng của tổ chức, cá nhân thuộc các trường hợp được miễn cấp giấy phép xây dựng (theo Luật Xây dựng). - Thực hiện thủ tục đề nghị cấp giấy phép sử dụng hè phố quy định tại Điều 12. - Thời gian được phép thực hiện: từ 22 giờ đến 06 giờ ngày hôm sau. - Triển khai các biện pháp bảo đảm trật tự, an toàn giao thông trong quá trình sử dụng theo giấy phép được cấp. - Nộp phí sử dụng tạm thời hè phố theo Nghị quyết số 15/2023/NQ-HĐND. - Tiến hành nhận bàn giao mặt bằng ghi nhận hiện trạng trước khi thực hiện. 	<ul style="list-style-type: none"> - UBND cấp huyện: + Cấp giấy phép sử dụng tạm thời một phần hè phố trong 05 (năm) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định. + Thu phí sử dụng tạm thời hè phố theo Nghị quyết số 15/2023/NQ-HĐND. + Tổ chức kiểm tra, giám sát việc sử dụng tạm thời lòng đường, hè phố theo thẩm quyền. 	<ul style="list-style-type: none"> - Văn phòng Ban An toàn giao thông, Công an TPHCM, Sở Giao thông vận tải: theo dõi, kiểm tra, giám sát theo chức năng, nhiệm vụ. 	

STT	Nội dung	Trách nhiệm cá nhân, tổ chức, cơ quan, đơn vị liên quan			Ghi chú
		Tổ chức, cá nhân sử dụng	Cơ quan quản lý đường bộ chủ trì	Cơ quan quản lý phối hợp	
		- Quá trình lập phương án cần lưu ý về thuyết minh giải pháp tổ chức thực hiện tại Mục 1, Phần III.			
9	Tổ chức điểm trông, giữ xe có thu phí. (Khoản 4, Điều 8)	<ul style="list-style-type: none"> - Đáp ứng yêu cầu kinh doanh hoạt động trông, giữ xe có thu tiền dịch vụ theo quy định. - Chỉ được thực hiện trên phạm vi thuộc danh mục do Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành. - Thực hiện thủ tục đề nghị cấp giấy phép sử dụng hè phố quy định tại Điều 12. - Triển khai các biện pháp bảo đảm trật tự, an toàn giao thông trong quá trình sử dụng theo giấy phép được cấp. - Nộp phí sử dụng tạm thời hè phố theo Nghị quyết số 15/2023/NQ-HĐND. - Tiến hành nhận bàn giao mặt bằng ghi nhận hiện trạng trước khi thực hiện. - Quá trình lập phương án cần lưu ý về thuyết minh giải pháp tổ chức thực hiện tại Mục 1, Phần III. 	<ul style="list-style-type: none"> - UBND cấp huyện: + Ban hành danh mục vị trí đủ điều kiện tổ chức điểm trông, giữ xe có thu phí. + Cấp giấy phép sử dụng tạm thời một phần hè phố trong 05 (năm) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định. + Thu phí sử dụng tạm thời hè phố theo Nghị quyết số 15/2023/NQ-HĐND. + Tổ chức kiểm tra, giám sát việc sử dụng tạm thời lòng đường, hè phố theo thẩm quyền. 	<ul style="list-style-type: none"> - Văn phòng Ban An toàn giao thông, Công an TPHCM, Sở Giao thông vận tải: + Phối hợp Ủy ban nhân dân cấp huyện góp ý danh mục. + Đánh giá quá trình thực hiện; đề nghị nhân rộng hoặc chấm dứt nếu hoạt động gây mất trật tự an toàn giao thông. + Theo dõi, kiểm tra, giám sát theo chức năng, nhiệm vụ. 	
II	Lòng đường				

STT	Nội dung	Trách nhiệm cá nhân, tổ chức, cơ quan, đơn vị liên quan			Ghi chú
		Tổ chức, cá nhân sử dụng	Cơ quan quản lý đường bộ chủ trì	Cơ quan quản lý phối hợp	
1	Tổ chức các hoạt động văn hóa (thể thao, diễu hành, lễ hội) và điếm trống, giữ xe ô tô phục vụ các hoạt động văn hóa. (Khoản 1, Điều 9)	<ul style="list-style-type: none"> - Gửi văn bản đề nghị kèm phương án bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đến cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền trước ngày diễn ra hoạt động văn hoá ít nhất là 10 ngày làm việc. - Thực hiện thủ tục đề nghị cấp giấy phép sử dụng lòng đường quy định tại Điều 12. - Văn bản đề nghị xem xét phương án bảo đảm trật tự, an toàn giao thông và hồ sơ đề nghị cấp giấy phép sử dụng có thể gửi cùng thời điểm đến cơ quan có thẩm quyền. - Triển khai phương án bảo đảm trật tự, an toàn giao thông được cơ quan có thẩm quyền thông qua và theo giấy phép được cấp. - Nộp phí sử dụng tạm thời lòng đường theo Nghị quyết số 15/2023/NQ-HĐND. - Tiến hành nhận bàn giao mặt bằng ghi nhận hiện trạng trước khi thực hiện. - Quá trình lập phương án cần lưu ý về thuyết minh giải pháp tổ chức thực hiện tại Mục 1, Phần III. 	<ul style="list-style-type: none"> - Sở Giao thông vận tải hoặc UBND cấp huyện (theo phân cấp quản lý): + Hướng dẫn chung về phương án bảo đảm an toàn giao thông (kê vạch giới hạn, lắp đặt biển báo, bố trí rào chắn,...). + Thông qua phương án bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đối với hoạt động văn hóa trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận văn bản đề nghị. + Cấp giấy phép sử dụng tạm thời một phần lòng đường trong 05 (năm) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định. + Thu phí sử dụng tạm thời lòng đường theo Nghị quyết số 15/2023/NQ-HĐND. + Tổ chức kiểm tra, giám sát việc sử dụng tạm thời lòng đường, hè phố theo thẩm quyền. 	<ul style="list-style-type: none"> - Văn phòng Ban An toàn giao thông, Công an TPHCM: + Theo dõi, kiểm tra, giám sát theo chức năng, nhiệm vụ. + Đánh giá quá trình thực hiện; đề nghị nhân rộng hoặc chấm dứt nếu hoạt động gây mất trật tự an toàn giao thông. 	

STT	Nội dung	Trách nhiệm cá nhân, tổ chức, cơ quan, đơn vị liên quan			Ghi chú
		Tổ chức, cá nhân sử dụng	Cơ quan quản lý đường bộ chủ trì	Cơ quan quản lý phối hợp	
2	Tổ chức làm điểm trung chuyên rác thải sinh hoạt của doanh nghiệp vệ sinh môi trường đô thị. (Khoản 2, Điều 9)	<ul style="list-style-type: none"> - Các doanh nghiệp vệ sinh môi trường đô thị đáp ứng các điều kiện về hoạt động trung chuyên rác thải theo quy định. - Chỉ được thực hiện trên phạm vi thuộc danh mục do Sở Giao thông vận tải ban hành. - Thời gian được phép thực hiện: từ 22 giờ đến 06 giờ ngày hôm sau. - Thực hiện thủ tục đề nghị cấp giấy phép sử dụng lòng đường quy định tại Điều 12. - Triển khai các biện pháp bảo đảm trật tự, an toàn giao thông trong quá trình sử dụng theo giấy phép được cấp. - Nộp phí sử dụng tạm thời lòng đường theo Nghị quyết số 15/2023/NQ-HĐND. - Tiến hành nhận bàn giao mặt bằng ghi nhận hiện trạng trước khi thực hiện. - Quá trình lập phương án cần lưu ý về thuyết minh giải pháp tổ chức thực hiện tại Mục 1, Phần III. 	<ul style="list-style-type: none"> - Sở Giao thông vận tải: <ul style="list-style-type: none"> + Hướng dẫn chung về phương án bảo đảm an toàn giao thông (kê vạch giới hạn, lắp đặt biển báo, bố trí rào chắn,...). + Rà soát, ban hành danh mục các vị trí, tuyến đường có lòng đường đủ điều kiện bố trí điểm trung chuyên rác thải sinh hoạt của doanh nghiệp vệ sinh môi trường đô thị. - Sở Giao thông vận tải hoặc UBND cấp huyện (theo phân cấp quản lý): <ul style="list-style-type: none"> + Cấp giấy phép sử dụng tạm thời một phần lòng đường trong 05 (năm) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định. + Thu phí sử dụng tạm thời lòng đường theo Nghị quyết số 15/2023/NQ-HĐND. + Tổ chức kiểm tra, giám sát việc sử dụng tạm thời lòng đường, hè phố theo thẩm quyền. 	<ul style="list-style-type: none"> - Văn phòng Ban An toàn giao thông, Công an TPHCM, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND cấp huyện: <ul style="list-style-type: none"> + Phối hợp Sở Giao thông vận tải góp ý danh mục. + Theo dõi, kiểm tra, giám sát theo chức năng, nhiệm vụ. + Đánh giá quá trình thực hiện; đề nghị nhân rộng hoặc chấm dứt nếu hoạt động gây mất trật tự an toàn giao thông. 	

STT	Nội dung	Trách nhiệm cá nhân, tổ chức, cơ quan, đơn vị liên quan			Ghi chú
		Tổ chức, cá nhân sử dụng	Cơ quan quản lý đường bộ chủ trì	Cơ quan quản lý phối hợp	
3	Tổ chức làm điểm trông, giữ xe có thu phí. (Khoản 3, Điều 9)	<ul style="list-style-type: none"> - Đáp ứng yêu cầu kinh doanh hoạt động trông, giữ xe có thu phí theo quy định. - Chỉ được thực hiện trên phạm vi thuộc danh mục do Sở Giao thông vận tải ban hành. - Thực hiện thủ tục đề nghị cấp giấy phép sử dụng hệ phổ quy định tại Điều 12. - Triển khai các biện pháp bảo đảm trật tự, an toàn giao thông trong quá trình sử dụng theo giấy phép được cấp. - Nộp phí sử dụng tạm thời lòng đường theo Nghị quyết số 15/2023/NQ-HĐND. - Tiến hành nhận bàn giao mặt bằng ghi nhận hiện trạng trước khi thực hiện. - Quá trình lập phương án cần lưu ý về thuyết minh giải pháp tổ chức thực hiện tại Mục 1, Phần III. 	<ul style="list-style-type: none"> - Sở Giao thông vận tải: + Hướng dẫn chung về phương án bảo đảm an toàn giao thông (kẻ vạch giới hạn, lắp đặt biển báo, bố trí rào chắn,...). + Ra soát, ban hành danh mục các vị trí, tuyến đường có lòng đường đủ điều kiện trông, giữ xe có thu phí. - Sở Giao thông vận tải hoặc UBND cấp huyện (theo phân cấp quản lý): + Cấp giấy phép sử dụng tạm thời một phần lòng đường trong 05 (năm) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định (theo phân cấp quản lý). + Hướng dẫn triển khai thực hiện việc kẻ vạch giới hạn, lắp đặt biển báo. + Thu phí sử dụng tạm thời lòng đường theo Nghị quyết số 15/2023/NQ-HĐND. + Tổ chức kiểm tra, giám sát việc sử dụng tạm thời lòng đường, hệ phổ theo thẩm quyền. 	<ul style="list-style-type: none"> - Văn phòng Ban An toàn giao thông, Công an TPHCM, UBND cấp huyện: + Phối hợp Sở Giao thông vận tải góp ý danh mục. + Theo dõi, kiểm tra, giám sát theo chức năng, nhiệm vụ. + Đánh giá quá trình thực hiện; đề nghị nhân rộng hoặc chấm dứt nếu hoạt động gây mất trật tự an toàn giao thông. 	

SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI.



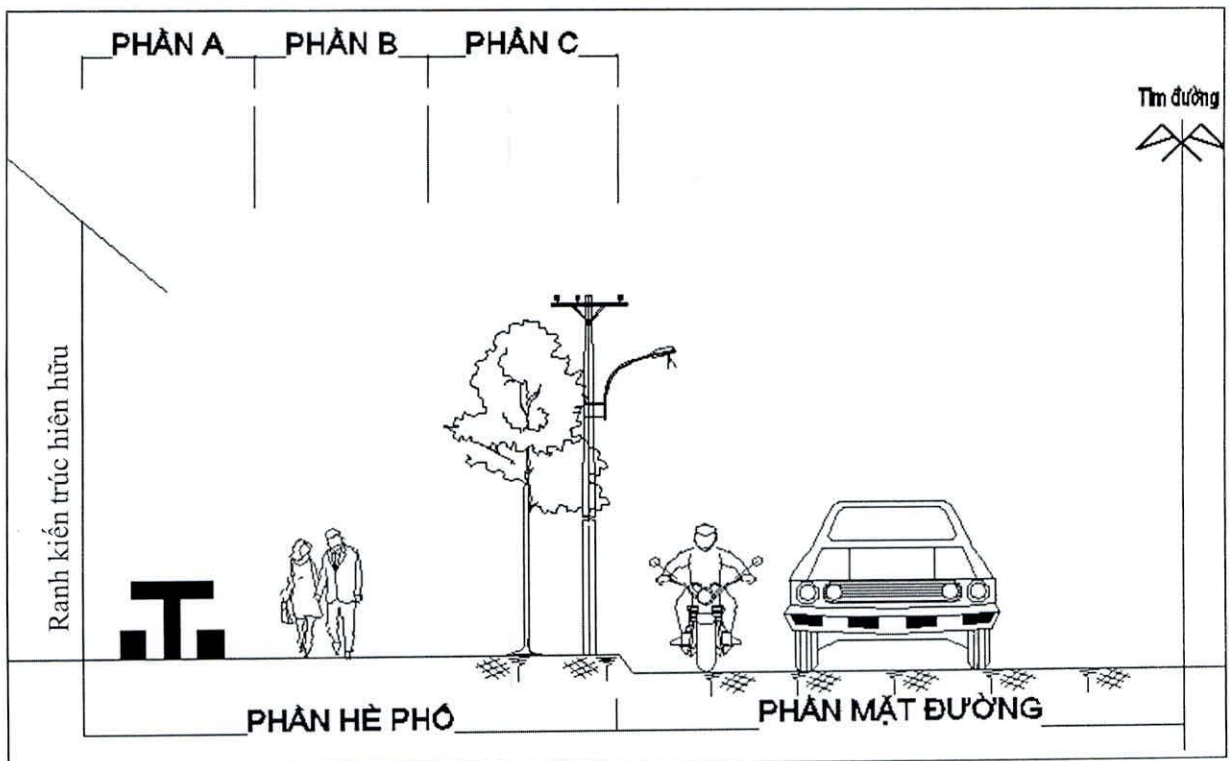
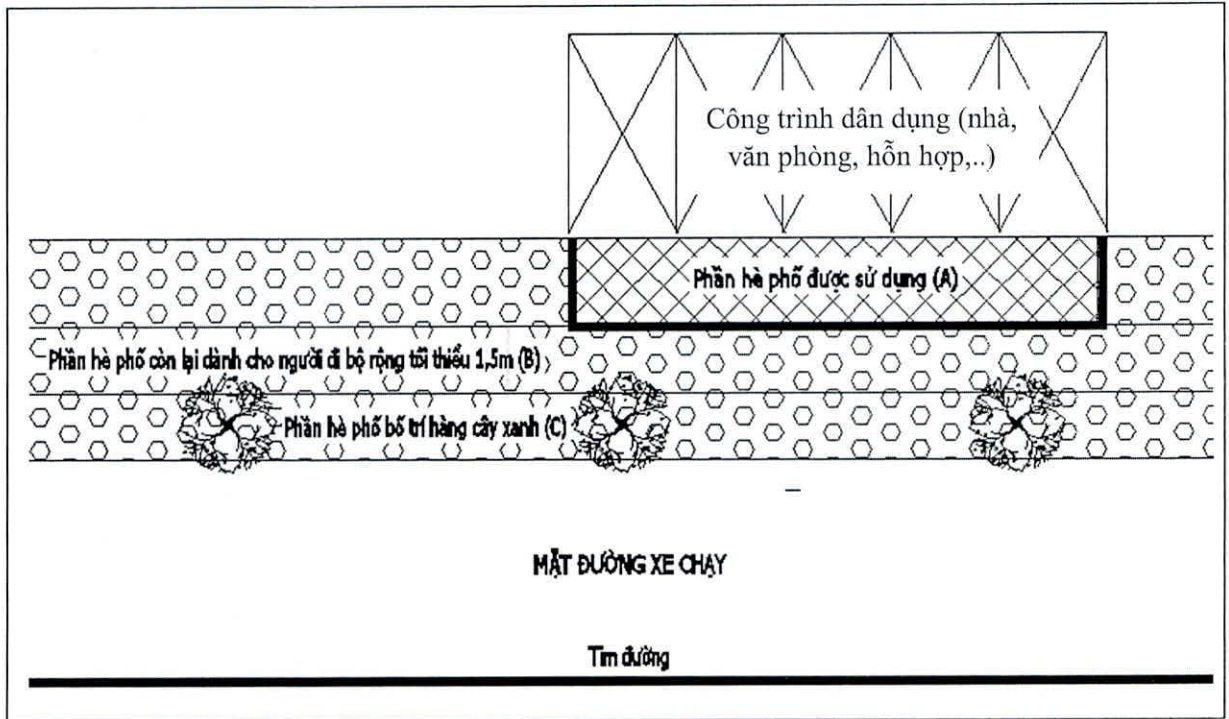


Phụ lục II
SƠ HỌA PHƯƠNG AN BỐ TRÍ MỘT SỐ TRƯỜNG HỢP
SỬ DỤNG TẠM THỜI LÒNG ĐƯỜNG, HÈ PHỐ

(Kèm theo Hướng dẫn số 15858/HD-SGTVT ngày 22 tháng 12 năm 2023 của Sở
Giao thông vận tải)

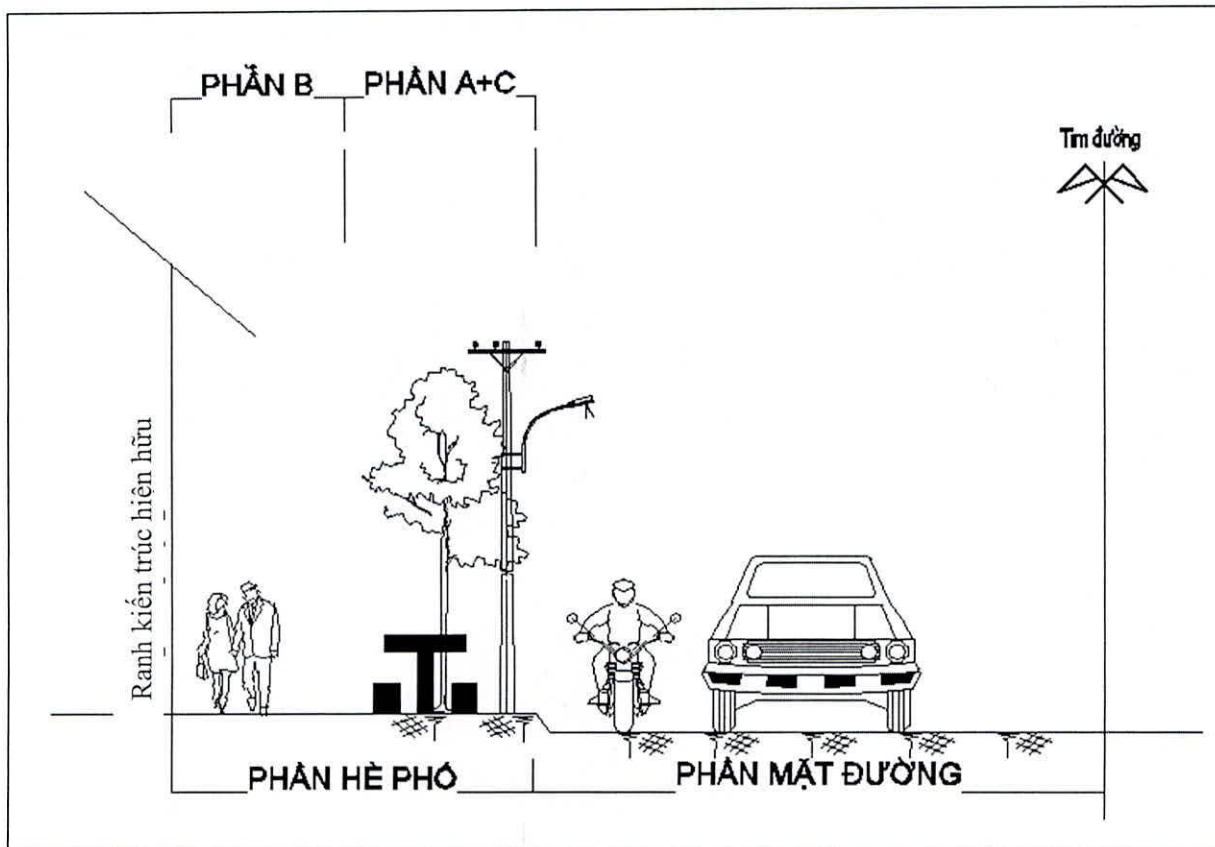
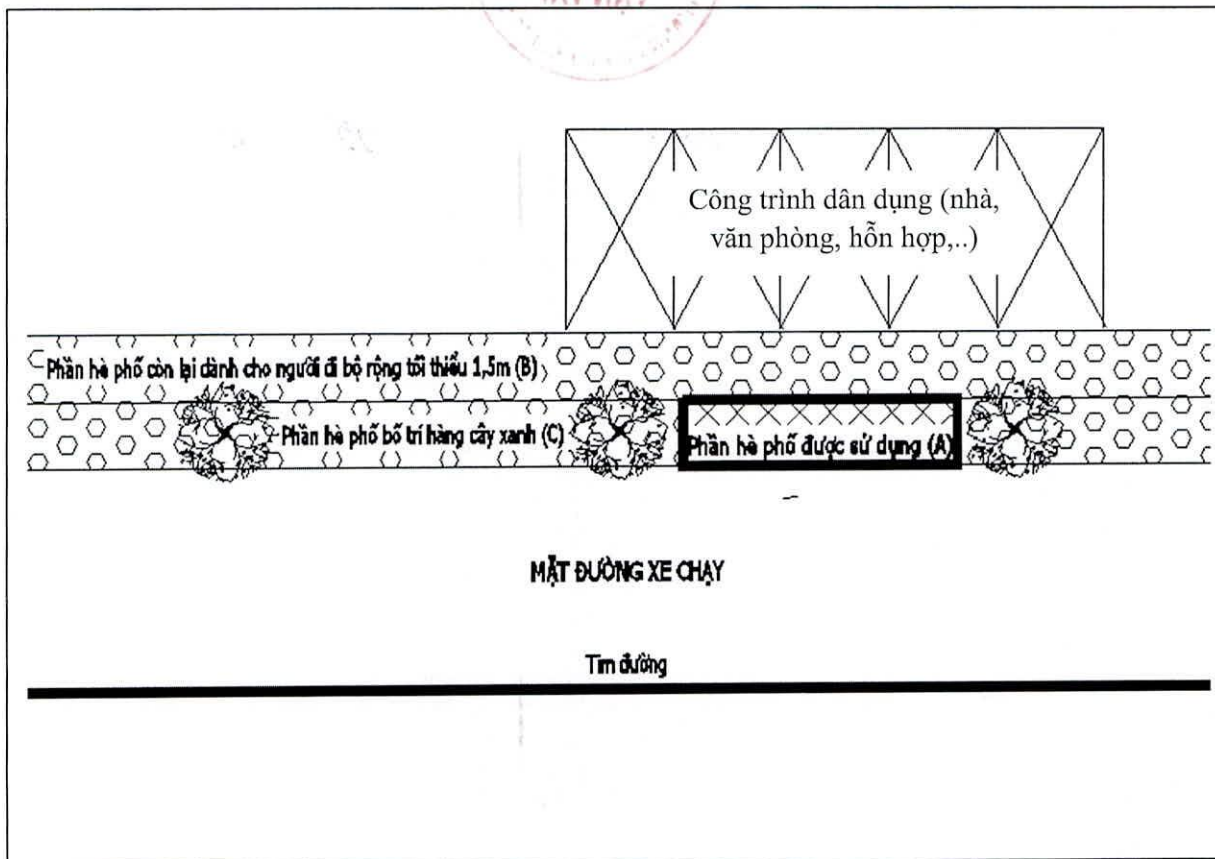
1. Kinh doanh dịch vụ, mua, bán hàng hóa (Khoản 2 Điều 7)

Hình 1, hình 2: Mẫu 1 - Bố trí phía trước sát mép nhà dân

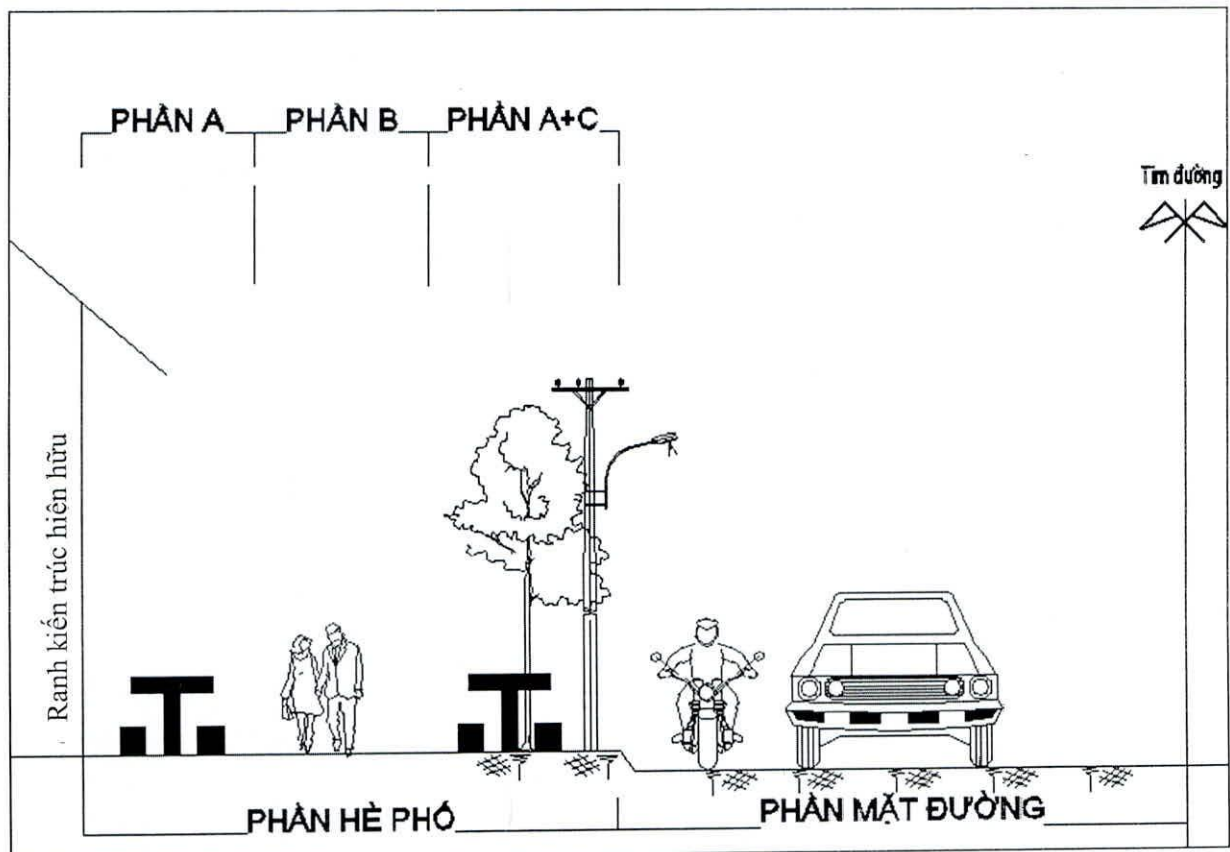
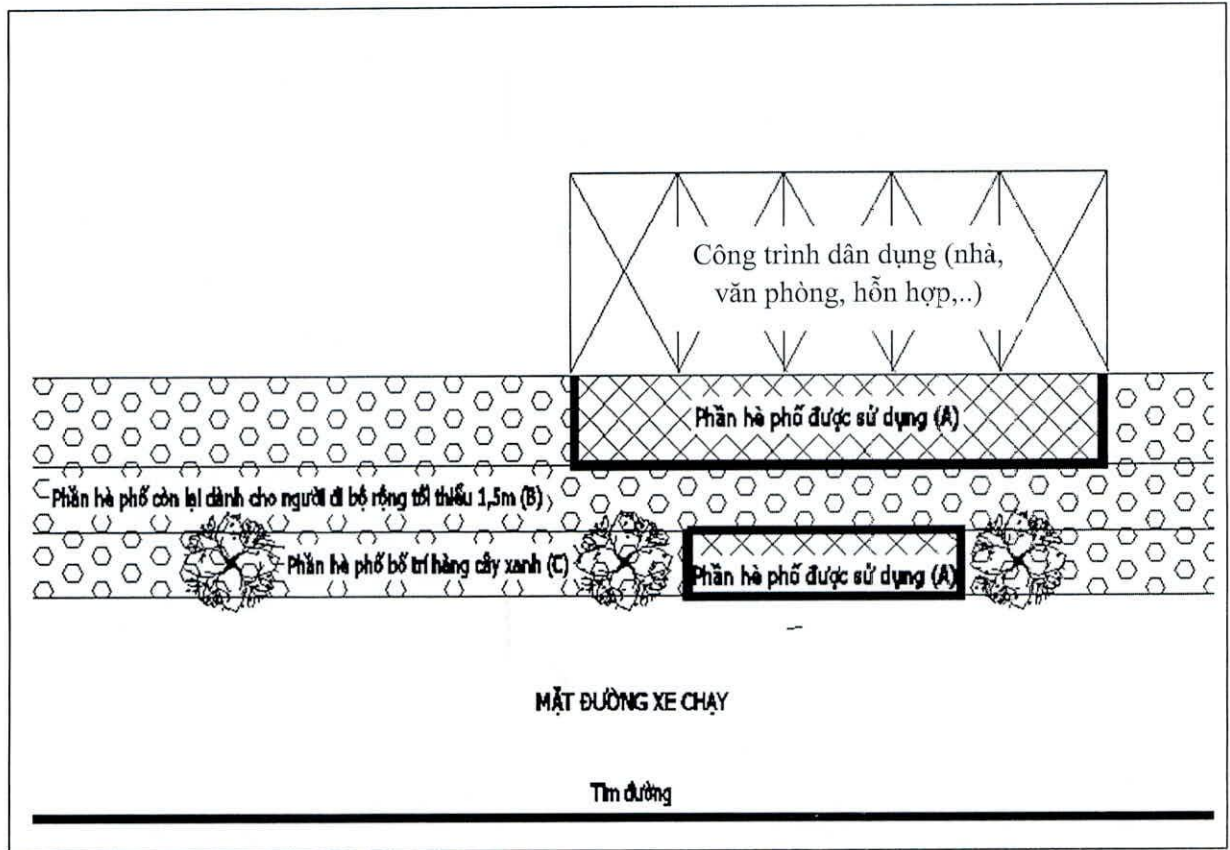




Hình 3, hình 4: Mẫu 2 - Bố trí phía trước sát mép hè phố

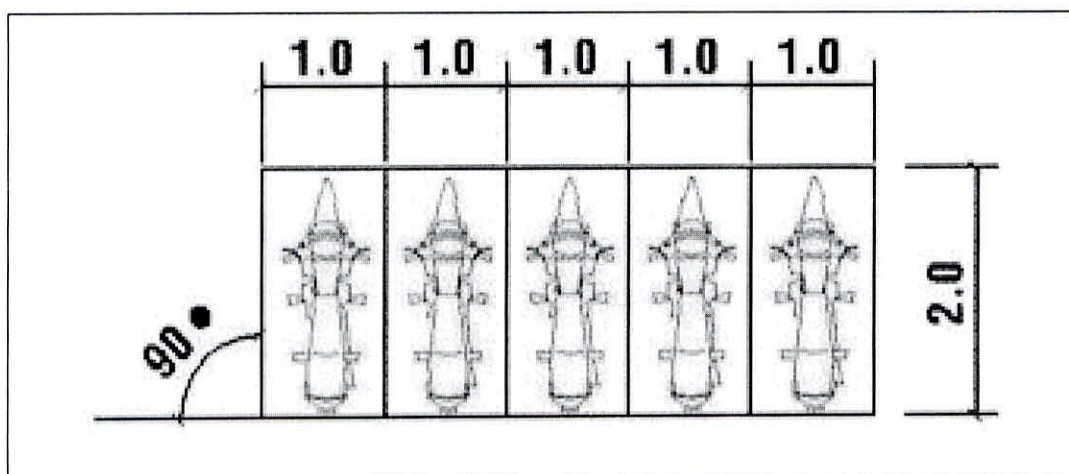


Hình 5, hình 6: Mẫu 3 - Bố trí phía trước tại 02 khu vực (sát mép nhà dân và sát mép hè phố), có thể kết hợp điểm đỗ xe hai bánh không thu tiền dịch vụ trông, giữ xe

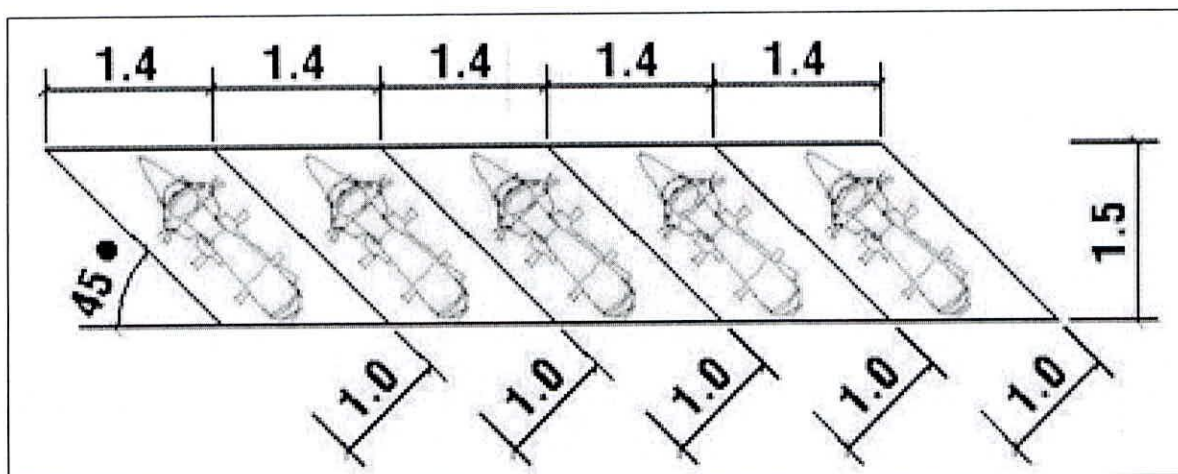


2. Đỗ xe hai bánh không thu tiền dịch vụ trông, giữ xe (Khoản 3 Điều 7)

Hình 7: Phương án xếp xe hai bánh vuông góc 90° so với chiều lưu thông

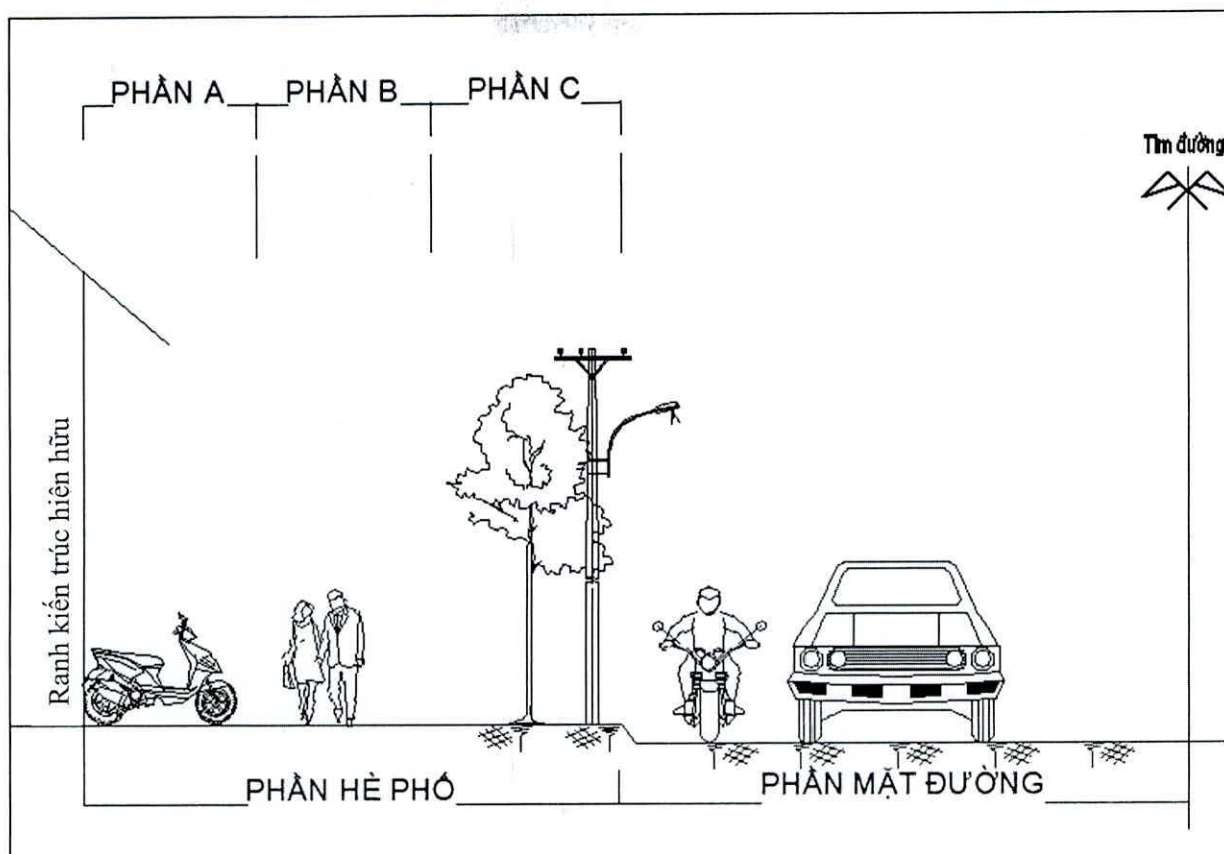


Hình 8: Phương án xếp xe hai bánh nghiêng góc 45° (về phía cùng hoặc ngược chiều) so với chiều lưu thông

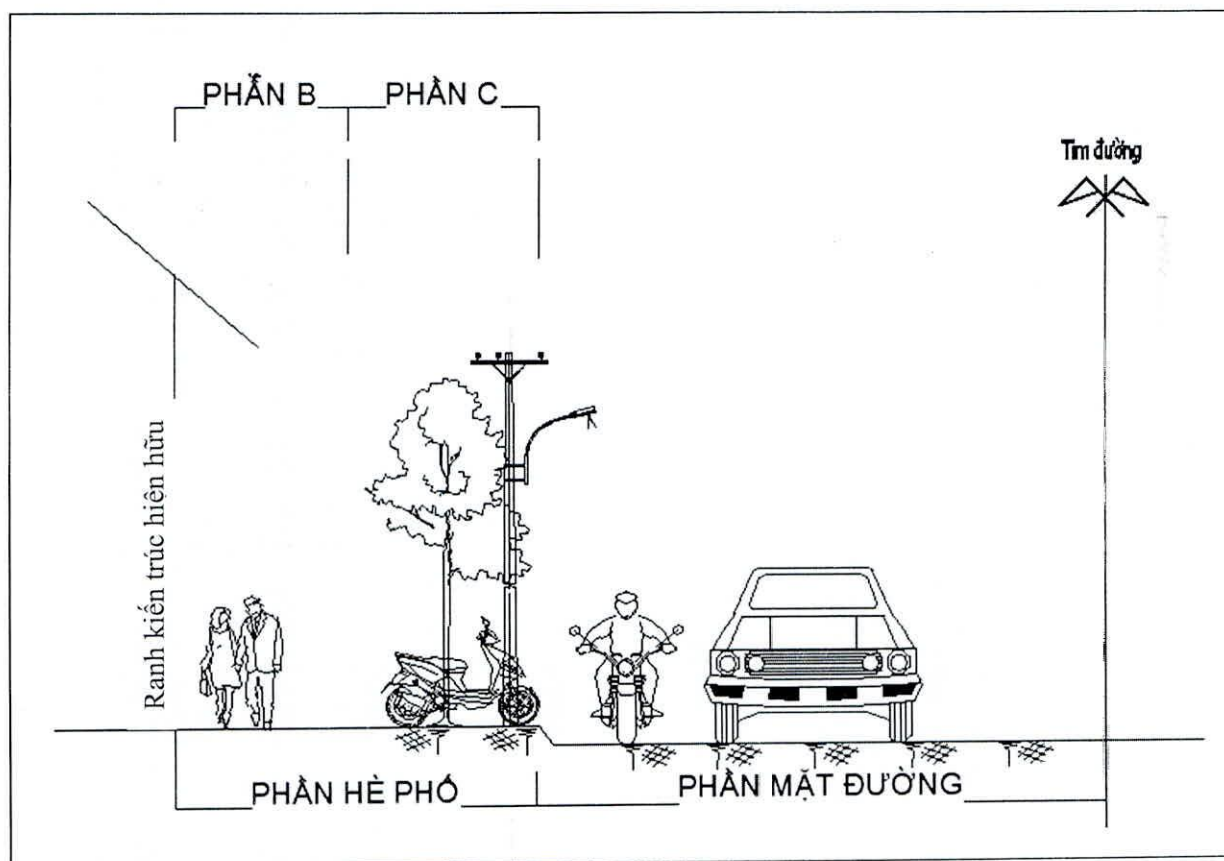


- Một số mẫu hình thức bố trí: Tương tự như các trường hợp tổ chức kinh doanh dịch vụ, mua, bán hàng hóa (Khoản 2 Điều 7).

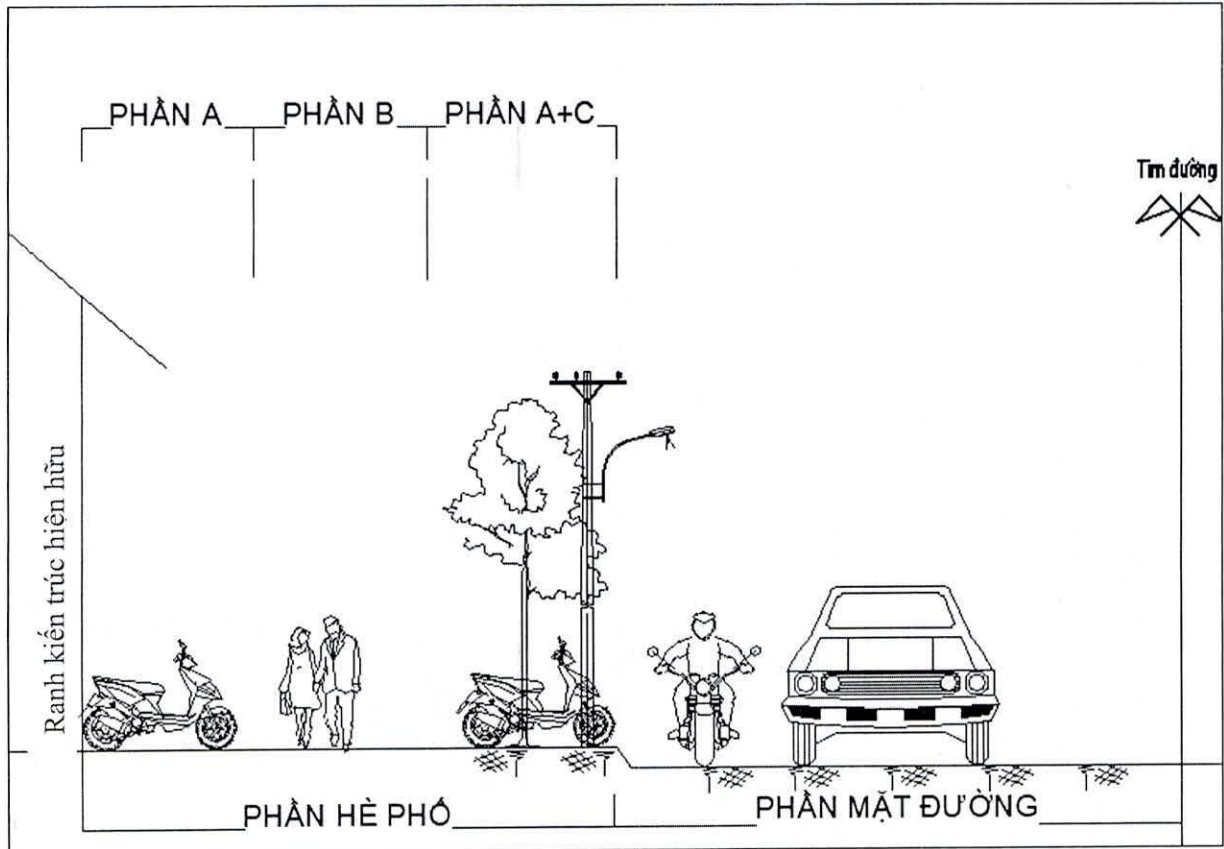
Hình 9: Mẫu 1- Bố trí phía trước sát mép nhà dân



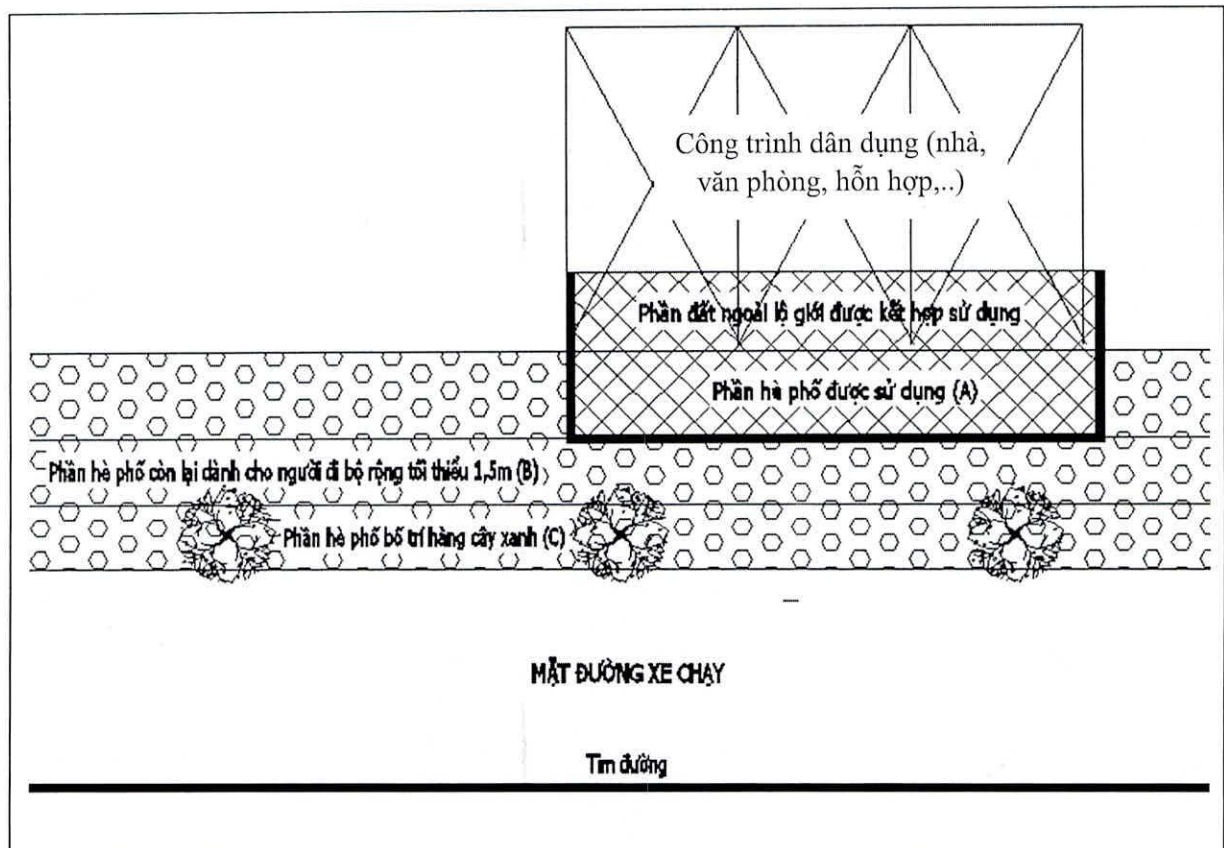
Hình 10: Mẫu 2 - Bố trí phía trước sát mép hè phố

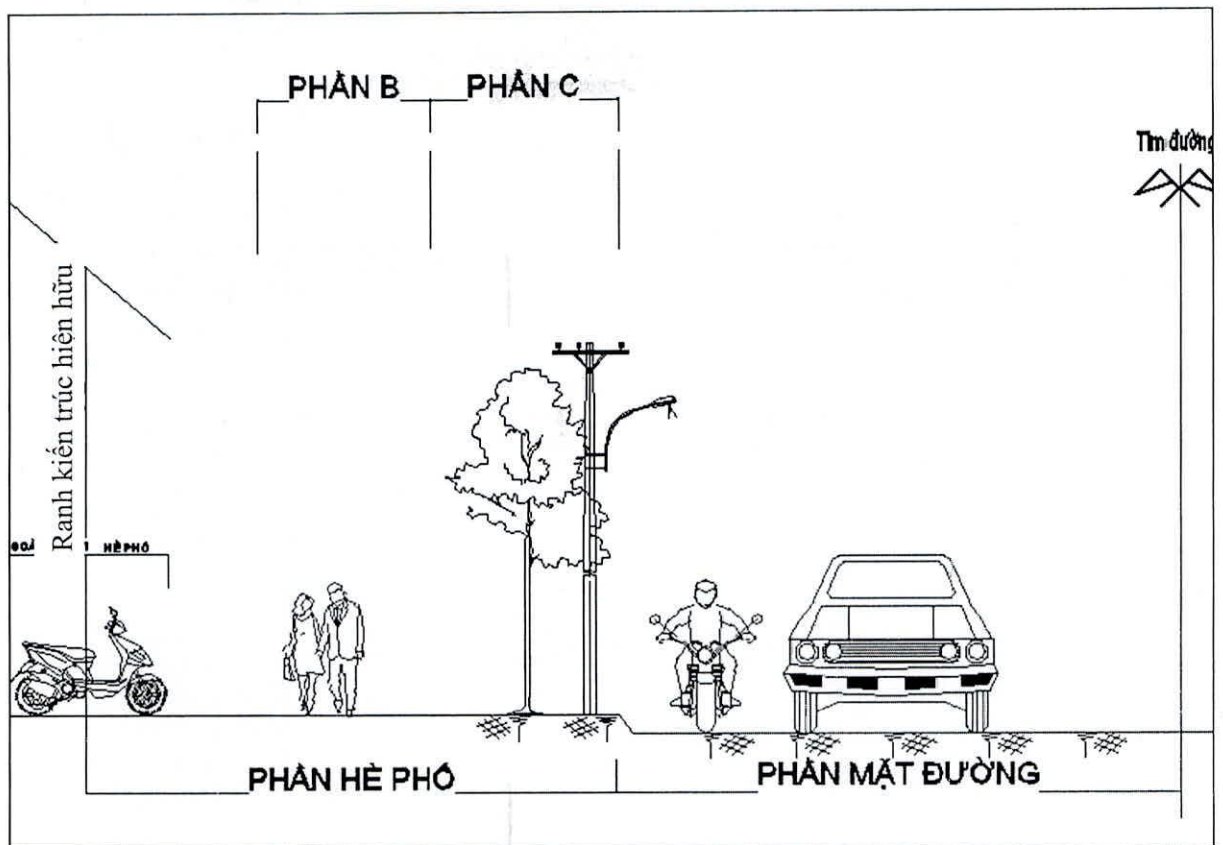


Hình 11: Mẫu 3 - Bố trí phía trước tại 02 khu vực (sát mép nhà dân và sát mép hè phố), có thể kết hợp điểm kinh doanh, mua, bán hàng hóa.



Hình 12, hình 13: Mẫu 4 - Bố trí 1 phần trên hè phố và 1 phần trong ranh lộ giới (khoảng lùi xây dựng)



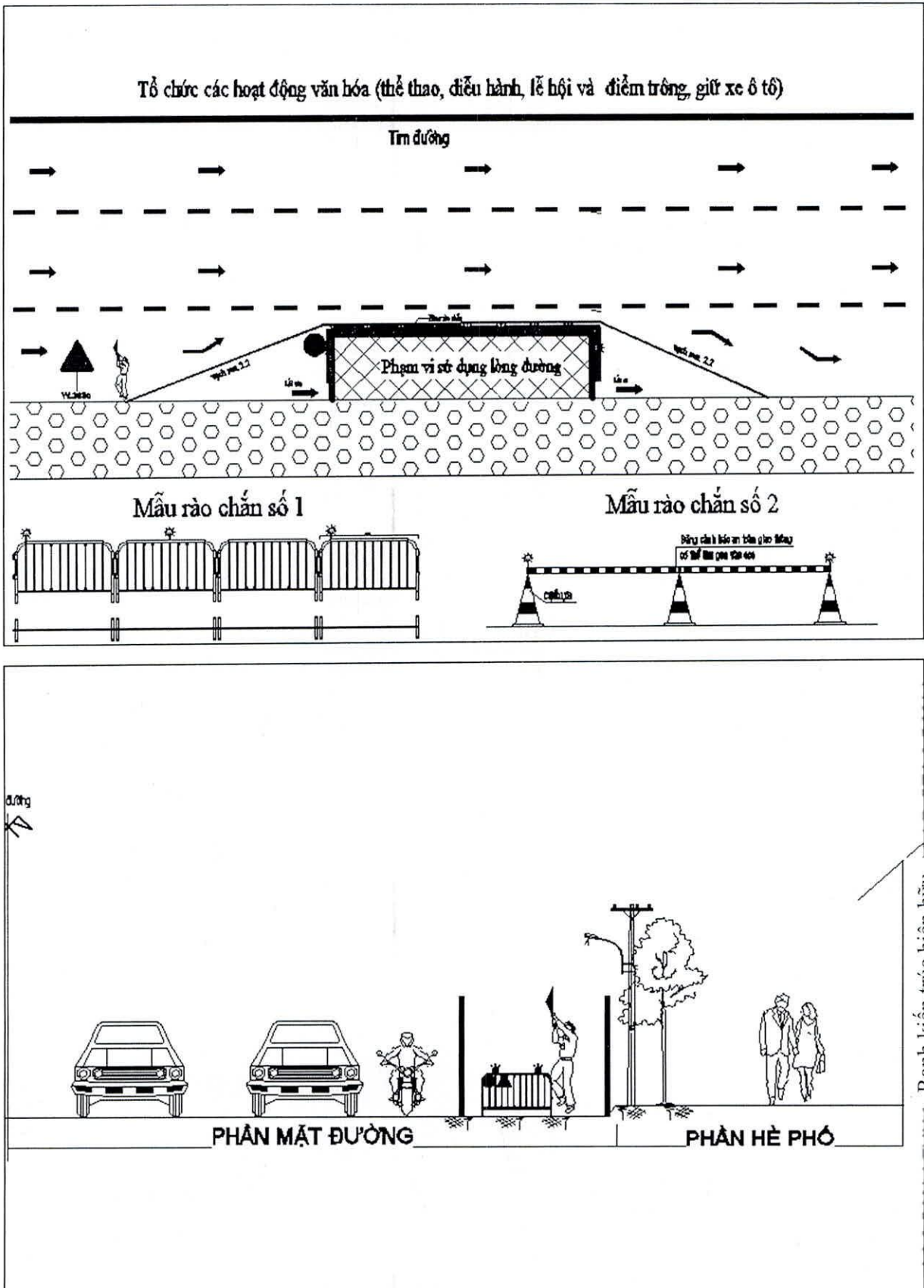


V. Hướng dẫn Giải pháp tăng cường bảo đảm an toàn giao thông

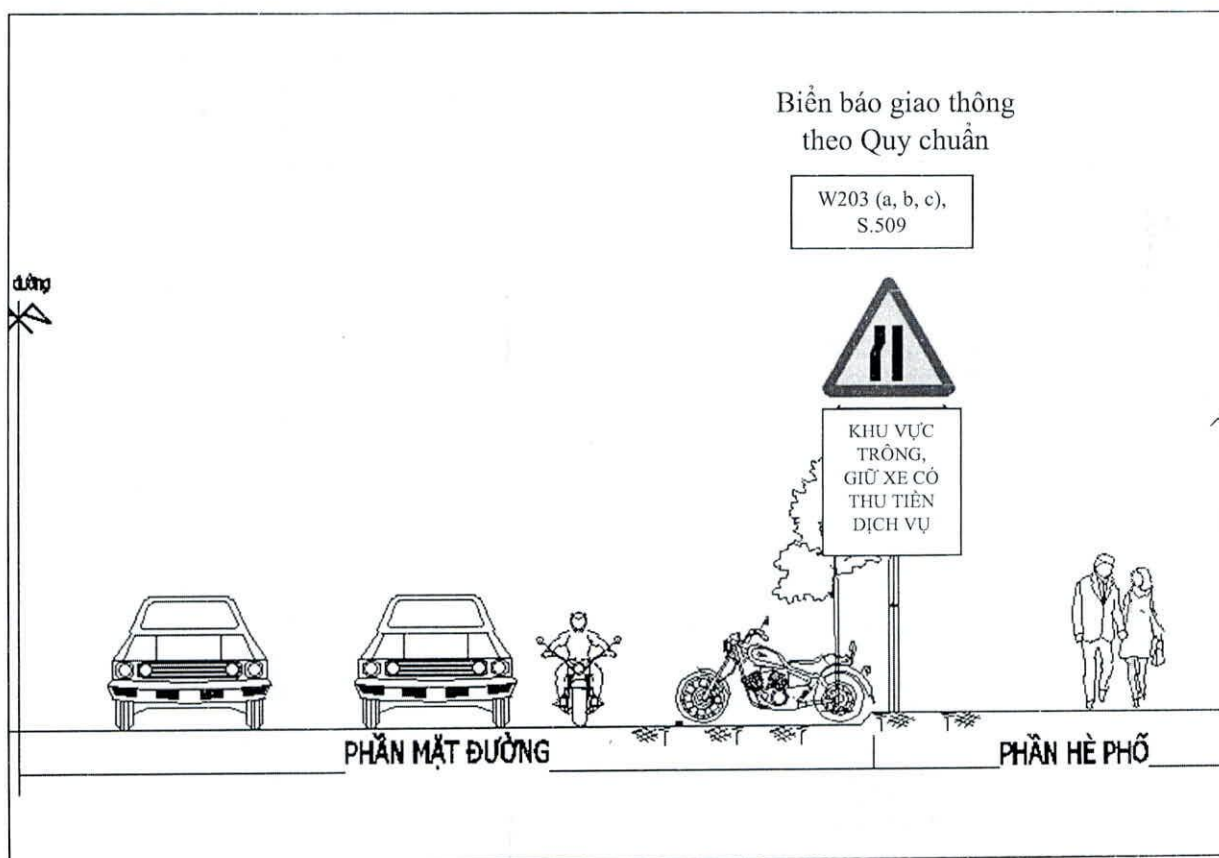
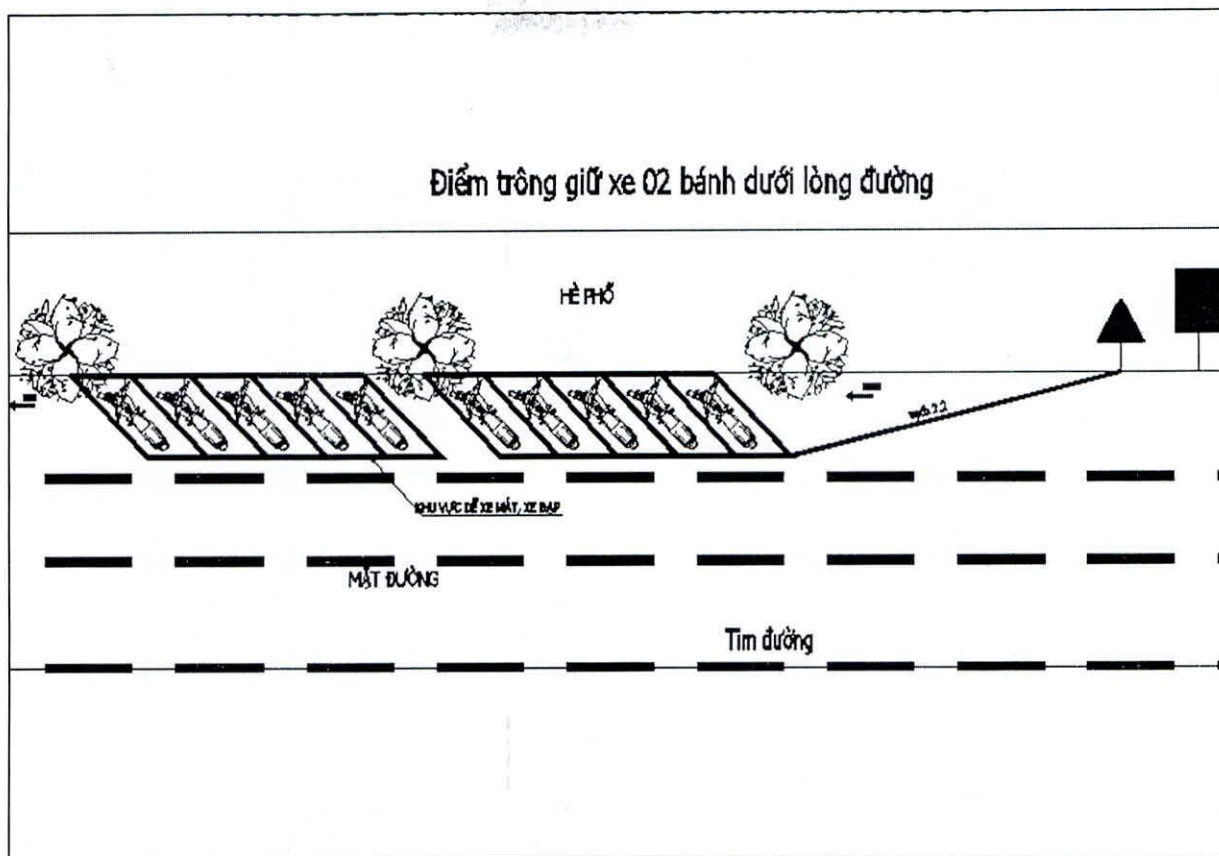
1. Hướng dẫn triển khai thực hiện việc kẻ vạch giới hạn, lắp đặt biển báo đối với các trường hợp sử dụng tạm thời lòng đường, hè phố

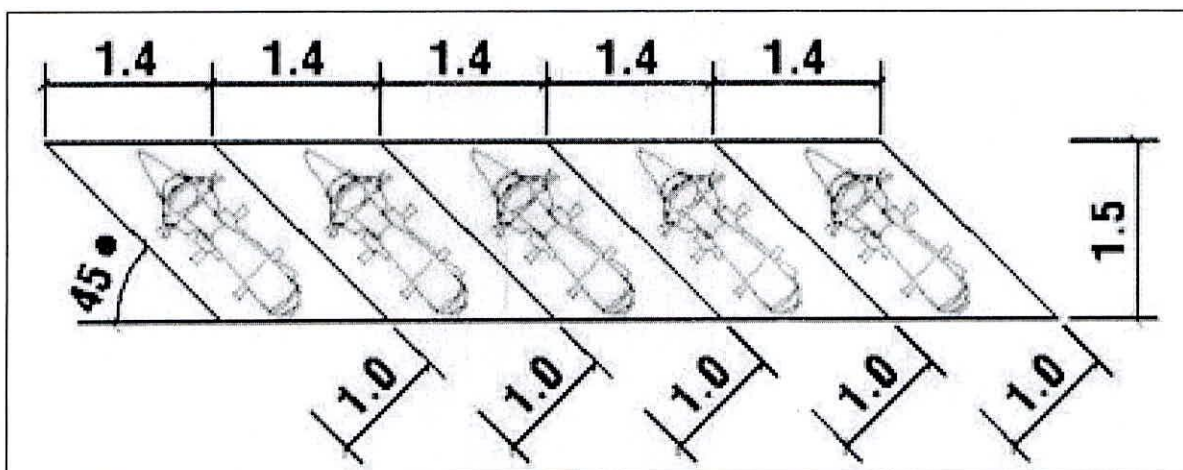
1.1. Các trường hợp sử dụng tạm thời lòng đường, hè phố

Hình 14, hình 15: Tổ chức các hoạt động văn hóa, thể thao, lễ hội và điếm trưng, giữ xe ô tô dưới lòng đường



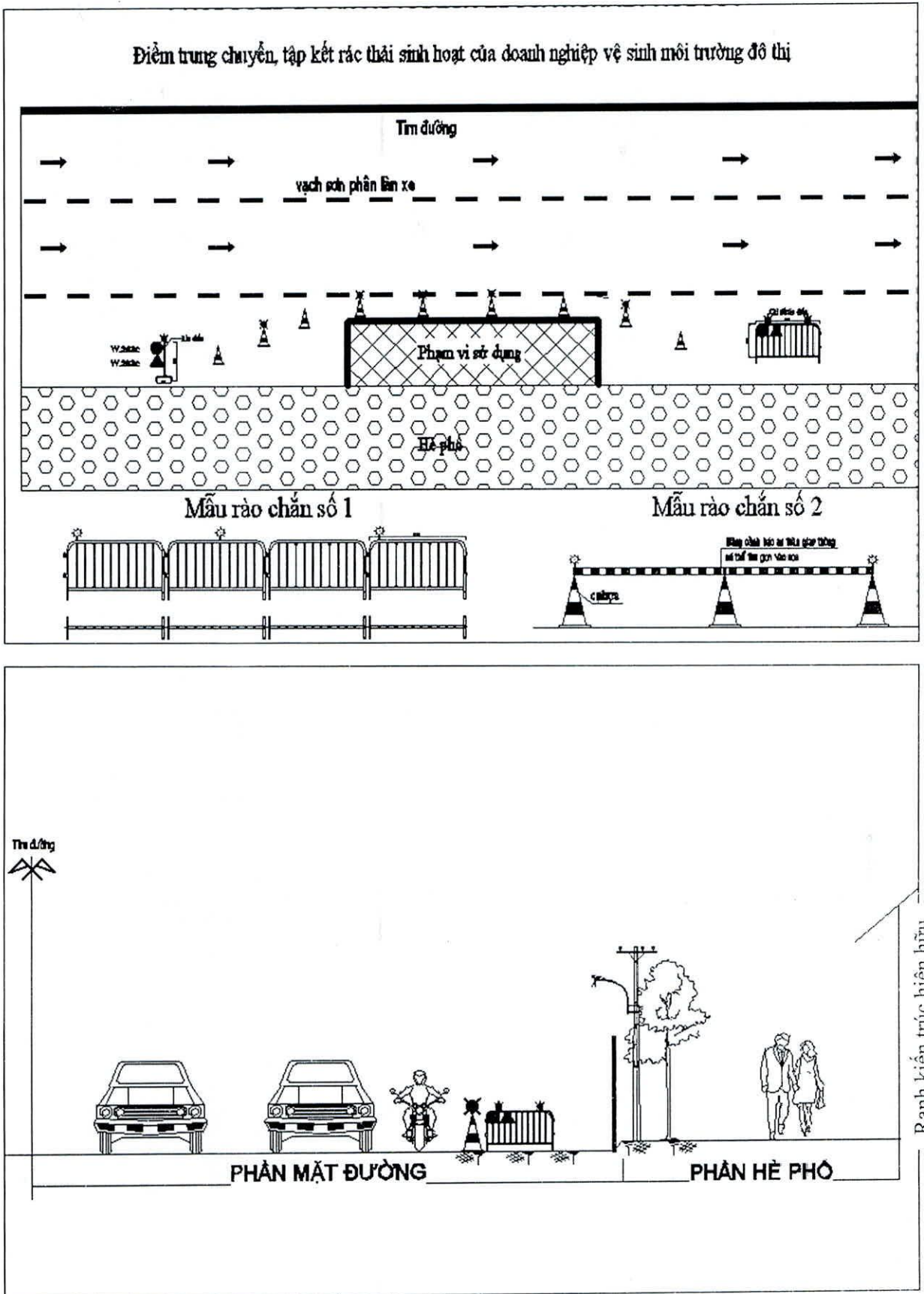
Hình 16, hình 17: (2) Tổ chức trông, giữ xe 02 bánh dưới lòng đường



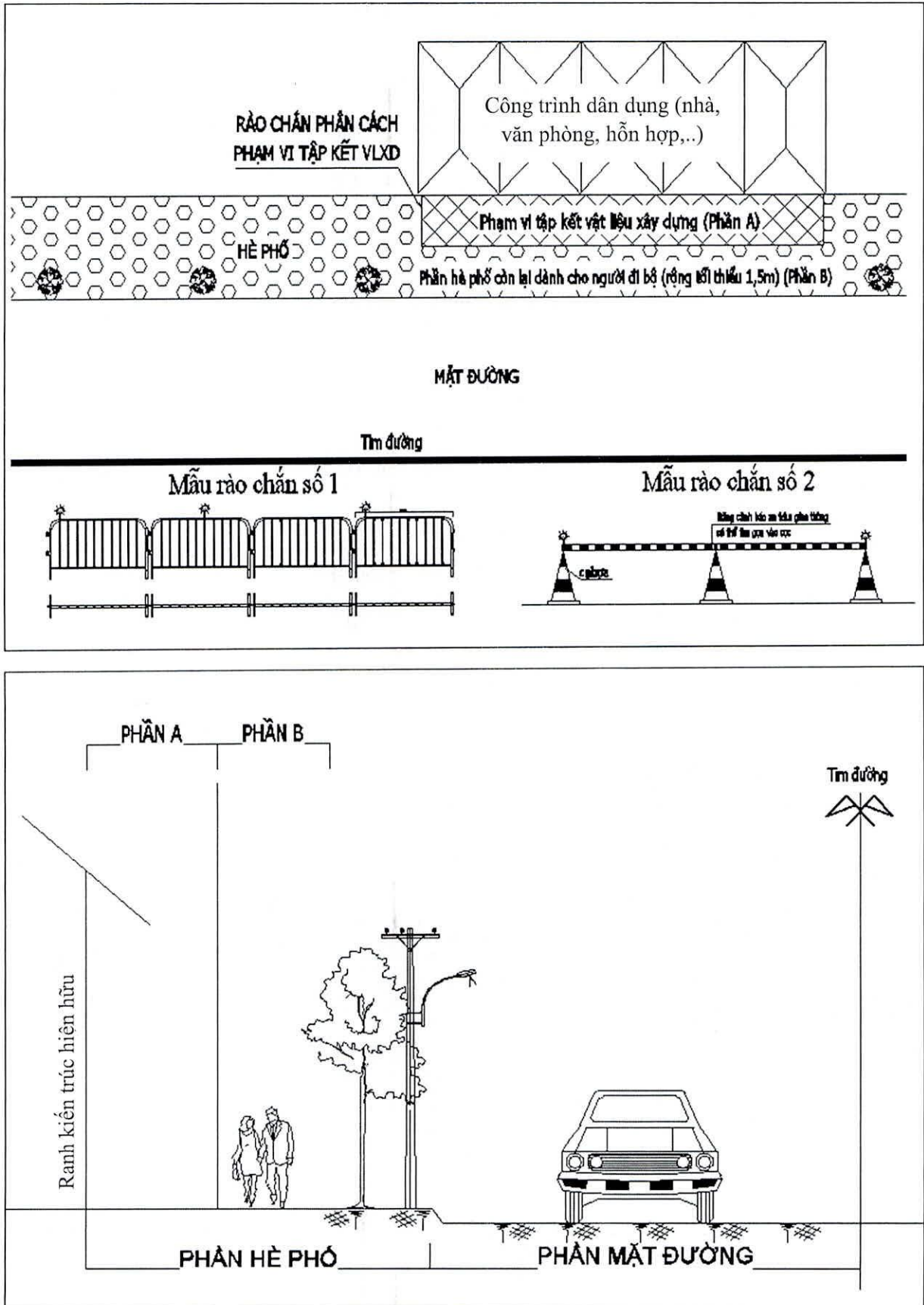


Xếp xe hai bánh nghiêng góc dưới 45° so với chiều lưu thông.

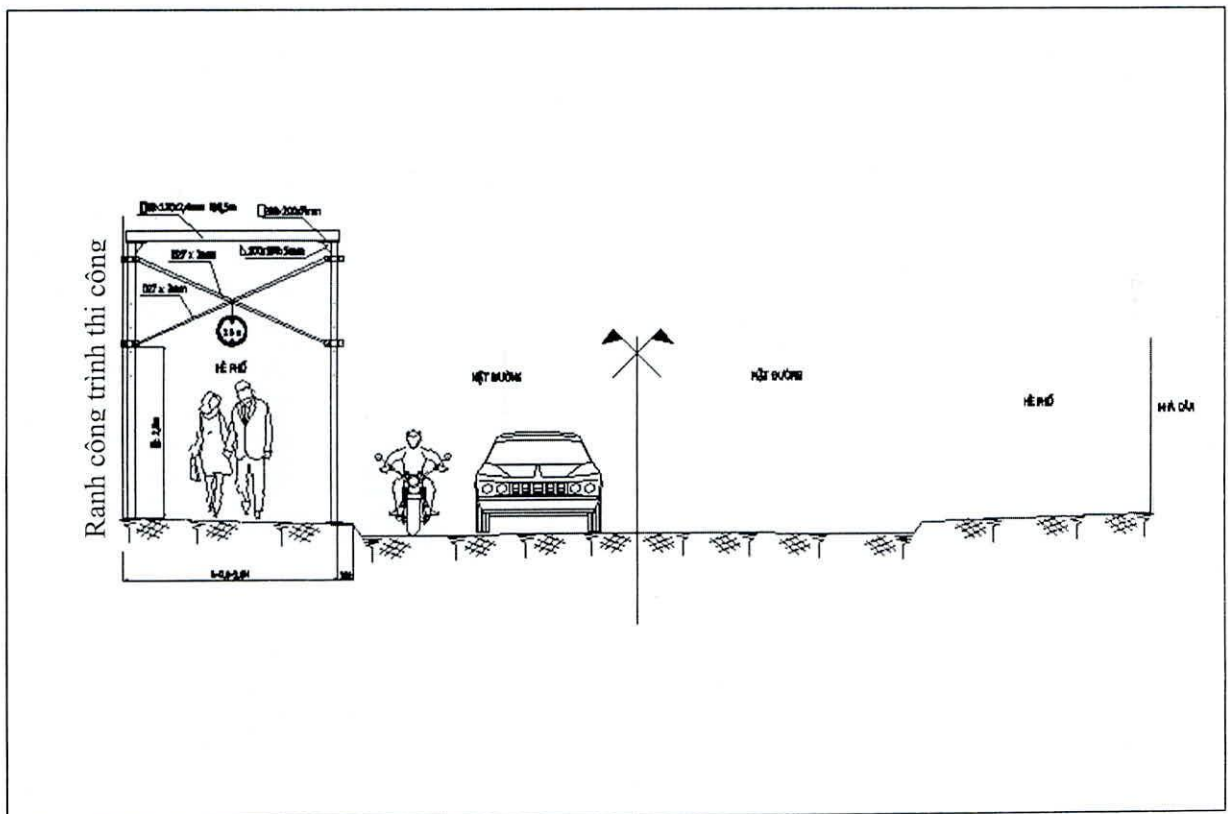
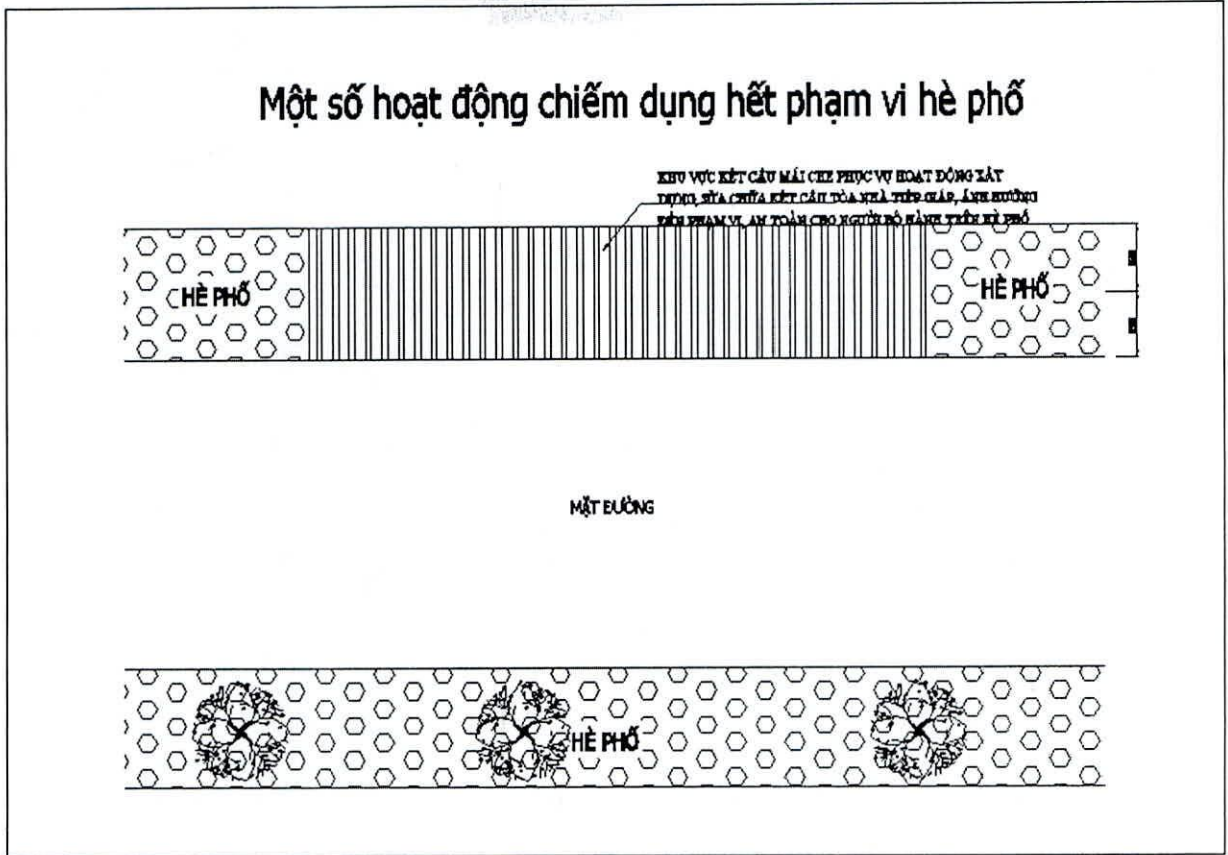
Hình 18, hình 19: (3) Điểm trung chuyển rác thải sinh hoạt của doanh nghiệp vệ sinh môi trường đô thị



Hình 20, hình 21: (4) Điểm trung chuyển vật liệu, phế thải xây dựng để phục vụ thi công công trình



Hình 22, hình 23: (5) Phương án che chắn không gian bên trên hè phố

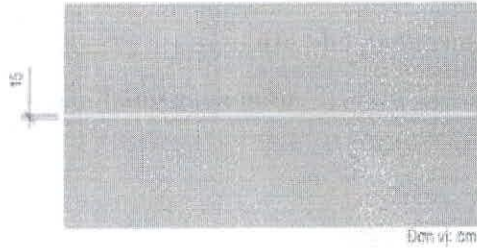


Hình 24, hình 25: (7) Đường giới hạn phạm vi sử dụng tạm hè phố

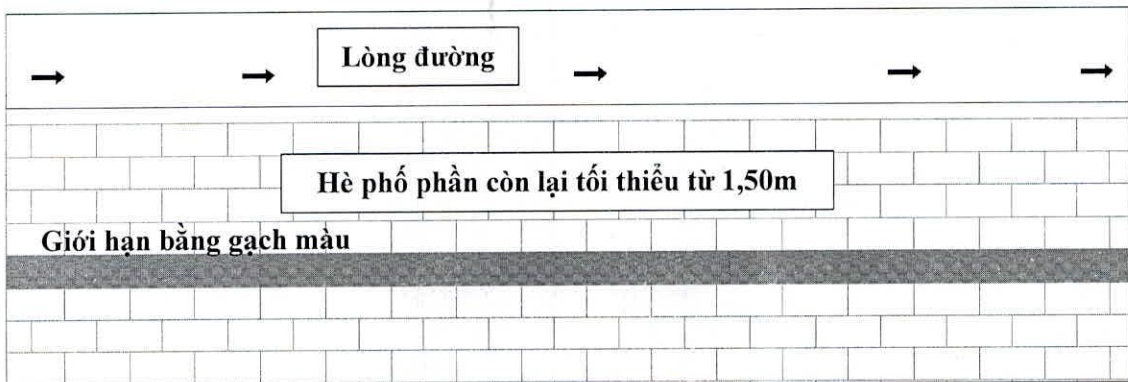
+ Dùng vạch sơn hoặc gạch màu để kẻ đường giới hạn sử dụng tạm hè phố.

+ Phần còn lại của hè phố tối thiểu phải đảm bảo từ 1,50m trở lên.

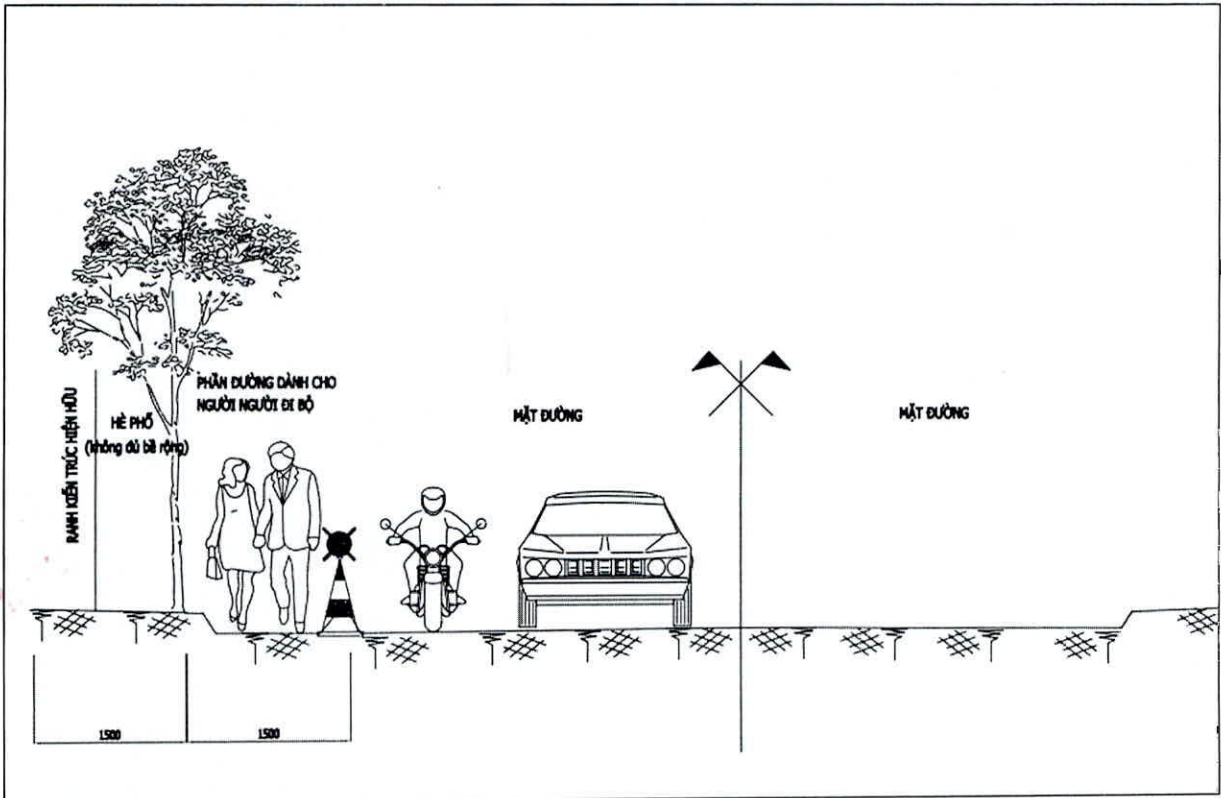
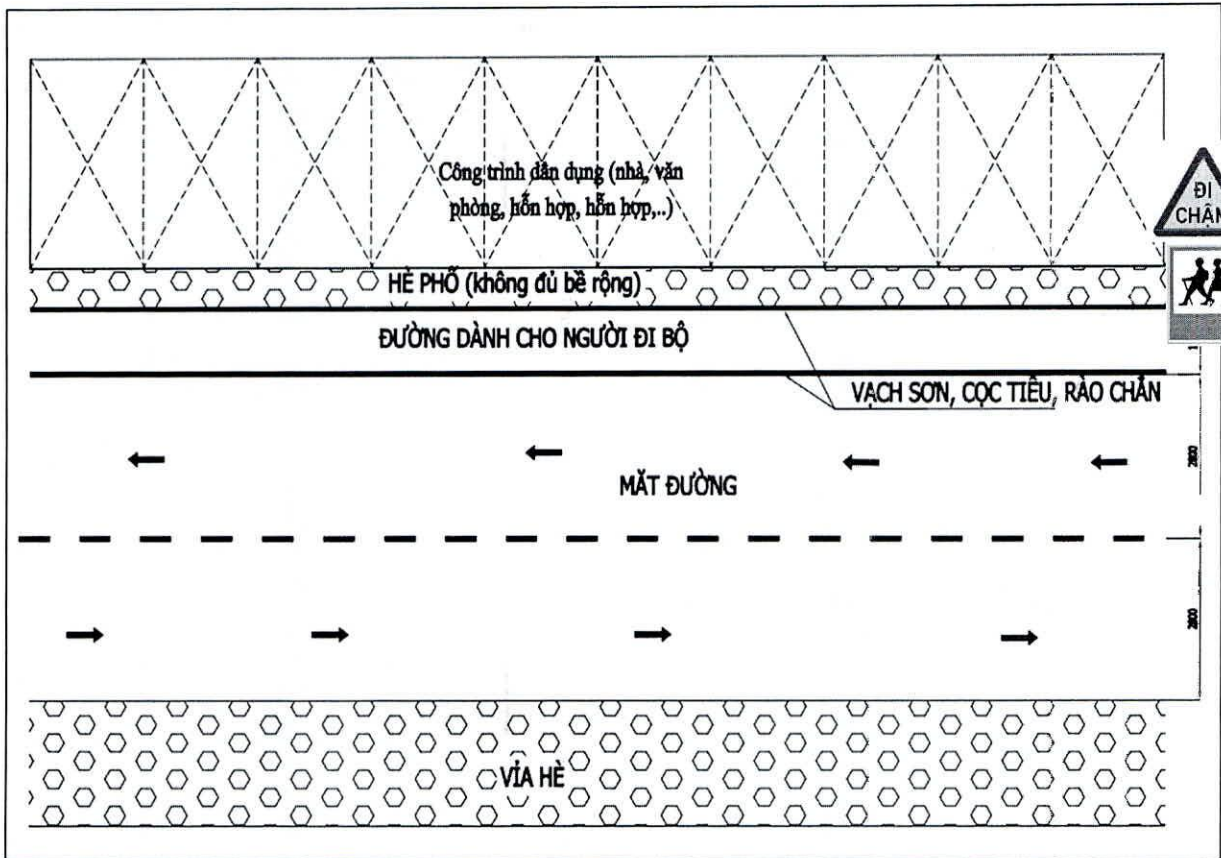
+ Vạch sơn đường loại 1.2 (màu vàng, trắng):



Hình 28: Gạch màu:



Hình 26, hình 27: Giải pháp cách ly phân đường đi bộ với phân đường dành cho phương tiện giao thông cơ giới



SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI.



Phụ lục III

DANH MỤC NĂM KHU VỰC VÀ CÁC TUYẾN ĐƯỜNG TRUNG TÂM TRÊN ĐỊA BÀN 05 KHU VỰC

(Kèm theo Hướng dẫn số 15858/HD-SGTVT ngày 25 tháng 12 năm 2023 của Sở Giao thông vận tải)

I. Khu vực và mức phí (Theo Nghị quyết số 15/2023/NQ-HĐND ngày 19 tháng 9 năm 2023 của Hội đồng nhân dân Thành phố)

Khu vực	Mức phí					
	STT	Khu vực	Mức thu phí cho các hoạt động (đồng/m ² /tháng)		Mức thu phí cho hoạt động trông giữ xe (đồng/m ² /tháng)	
			Các tuyến đường Trung tâm	Các tuyến đường còn lại	Các tuyến đường Trung tâm	Các tuyến đường còn lại
– Khu vực 1, gồm: Quận 1, Quận 3, Quận 4, Quận 5, Quận 10, quận Phú Nhuận, khu A khu đô thị mới Nam thành phố, khu đô thị mới Thủ Thiêm. – Khu vực 2, gồm: Quận 2 (nay thuộc TP Thủ Đức, trừ khu đô thị mới Thủ Thiêm), Quận 6, Quận 7 (trừ khu A khu đô thị mới Nam thành phố), Quận 11, quận Bình Thạnh, quận Tân Bình, quận Bình Tân. – Khu vực 3, gồm: Quận 8, Quận 9 (nay thuộc TP Thủ Đức), Quận 12, quận Thủ Đức (nay thuộc TP Thủ Đức), quận Tân Phú, quận Gò Vấp. – Khu vực 4, gồm: huyện Bình Chánh, huyện Hóc Môn, huyện Nhà Bè, huyện Củ Chi. – Khu vực 5, gồm huyện cần Giờ.	1	Khu vực 1	100.000	50.000	350.000	180.000
	2	Khu vực 2	30.000	20.000	100.000	70.000
	3	Khu vực 3	20.000	20.000	60.000	60.000
	4	Khu vực 4	20.000	20.000	60.000	60.000
	5	Khu vực 5	20.000	20.000	50.000	50.000



II. Danh mục các tuyến đường trung tâm trên địa bàn 05 khu vực¹

Ghi chú: Các tuyến đường không đề cập trong danh mục sau sẽ thuộc vào các tuyến đường còn lại.

1. Khu vực 1

STT	TÊN ĐƯỜNG (Khu vực 1)	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT	QUẬN/ HUYỆN
		TỪ	ĐẾN		
1	2	3	4	5	6
1	Alexandre De Rhodes	Trộn Đường		92.4	1
2	Bùi Thị Xuân	Trộn Đường		59.8	1
3	Bùi Viện	Trộn Đường		52.8	1
4	Calmette	Trộn Đường		57.8	1
5	Cao Bá Quát	Trộn Đường		46.2	1
6	Chu Mạnh Trinh	Trộn Đường		52.8	1
7	Cách Mạng Tháng Tám	Trộn Đường		66	1
8	Cổng Quỳnh	Trộn Đường		58.1	1
9	Công Trường Lam Sơn	Trộn Đường		115.9	1
10	Công Trường Mê Linh			96.8	1
11	Công Xã Paris	Trộn Đường		96.8	1
12	Đình Tiên Hoàng	Điện Biên Phủ	Võ Thị Sáu	45.2	1
		Đình Tiên Hoàng	Hai Bà Trưng	45.5	1
13	Đặng Thị Nhu	Trộn Đường		56.7	1
14	Đặng Trần Côn	Trộn Đường		37.4	1
15	Đồng Khởi	Trộn Đường		162	1
16	Đỗ Quang Đầu	Trộn Đường		39.6	1
17	Đồng Du	Trộn Đường		88	1
18	Hai Bà Trưng	Bến Bạch Đằng	Nguyễn Thị Minh Khai	96.8	1

STT	TÊN ĐƯỜNG (Khu vực 1)	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT	QUẬN/ HUYỆN
		TỪ	ĐẾN		
		Nguyễn Thị Minh Khai	Võ Thị Sáu	65.6	1
		Võ Thị Sáu	Ngã ba Trần Quang Khải	72.7	1
		Ngã ba Trần Quang Khải	Cầu Kiệu	58.2	1
19	Huyện Trần Công Chúa	Trộn Đường		44	1
20	Huỳnh Thúc Kháng	Nguyễn Huệ	Nam Kỳ Khởi Nghĩa	92.4	1
		Nam Kỳ Khởi Nghĩa	Quách Thị Trang	70	1
21	Hàm Nghi	Trộn Đường		101.2	1
22	Hàn Thuyên	Trộn Đường		92.4	1
23	Hải Triều	Trộn Đường		86	1
24	Hồ Huân Nghiệp	Trộn Đường		92.4	1
25	Hồ Tùng Mậu	Võ Văn Kiệt	Hàm Nghi	41.3	1
		Hàm Nghi	Tôn Thất Thiệp	68.9	1
26	Ký Con	Trộn Đường		58.2	1
27	Lý Tự Trọng	Ngã Sáu Phù Đổng	Hai Bà Trưng	101.2	1
		Hai Bà Trưng	Tôn Đức Thắng	78.5	1
28	Lương Hữu Khánh	Trộn Đường		38.8	1
29	Lê Anh Xuân	Trộn Đường		66	1

¹ Căn cứ trên Quyết định số 02/2020/QĐ-UBND ngày 16 tháng 01 năm 2023 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành Bảng giá đất trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2020 – 2024. Đơn vị giá đất trong bảng là triệu đồng/m²

STT	TÊN ĐƯỜNG (Khu vực 1)	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT	QUẬN/ HUYỆN
		TỪ	ĐẾN		
30	Lê Công Kiều	Trộn Đường		46.6	1
31	Lê Duẩn	Trộn Đường		110	1
32	Lê Lai	Chợ Bến Thành	Nguyễn Thị Nghĩa	88	1
		Nguyễn Thị Nghĩa	Nguyễn Trãi	79.2	1
33	Lê Lợi	Trộn Đường		162	1
34	Lê Thánh Tôn	Phạm Hồng Thái	Hai Bà Trưng	115.9	1
		Hai Bà Trưng	Tôn Đức Thắng	110	1
35	Lê Thị Hồng Gấm	Nguyễn Thái Học	Calmette	48.4	1
		Calmette	Phó Đức Chính	59.4	1
36	Lê Thị Riêng	Trộn Đường		66	1
37	Lưu Văn Lang	Trộn Đường		83.6	1
38	Lê Văn Hưu	Trộn Đường		57.2	1
39	Mai Thị Lựu	Trộn Đường		40.6	1
40	Mạc Thị Bưởi	Trộn Đường		88	1
41	Mạc Đĩnh Chi	Trộn Đường		59.4	1
42	Nguyễn Thị Minh Khai	Cầu Thị Nghè	Hai Bà Trưng	61.4	1
		Hai Bà Trưng	Cống Quỳnh	77	1
		Cống Quỳnh	Ngã Sáu Nguyễn Văn Cừ	66	1
43	Nam Kỳ Khởi Nghĩa	Võ Văn Kiệt	Hàm Nghi	79.2	1
		Hàm Nghi	Nguyễn Thị Minh Khai	75.6	1
44	Nguyễn An Ninh	Trộn Đường		79.2	1
45	Nguyễn Cảnh Chân	Trộn Đường		44.8	1
46	Nguyễn Công Trứ	Nguyễn Thái Học	Phó Đức Chính	57.2	1
		Phó Đức Chính	Hồ Tùng Mậu	73	1
47	Nguyễn Cư Trinh	Trộn Đường		57.5	1

STT	TÊN ĐƯỜNG (Khu vực 1)	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT	QUẬN/ HUYỆN
		TỪ	ĐẾN		
48	Nguyễn Du	Cách Mạng Tháng Tám	Nam Kỳ Khởi Nghĩa	57.2	1
		Nam Kỳ Khởi Nghĩa	Hai Bà Trưng	66	1
		Hai Bà Trưng	Tôn Đức Thắng	57.2	1
49	Nguyễn Huệ	Trộn Đường		162	1
50	Nguyễn Văn Bình	Trộn Đường		57.2	1
51	Nguyễn Khắc Nhu	Trộn Đường		37	1
52	Nam Quốc Cang	Trộn Đường		44	1
53	Nguyễn Siêu	Trộn Đường		46.2	1
54	Nguyễn Thiệp	Trộn Đường		74.8	1
55	Nguyễn Thái Bình	Trộn Đường		57.1	1
56	Nguyễn Thái Học	Trần Hưng Đạo	Phạm Ngũ Lão	61.6	1
		Đoạn Còn Lại		48.4	1
57	Nguyễn Thị Nghĩa	Trộn Đường		61.6	1
58	Nguyễn Trung Ngạn	Trộn Đường		37	1
59	Nguyễn Trung Trực	Lê Lợi	Lê Thánh Tôn	82.2	1
		Lê Thánh Tôn	Nguyễn Du	77	1
60	Nguyễn Trãi	Ngã sáu Phú Đông	Cống Quỳnh	88	1
		Cống Quỳnh	Nguyễn Văn Cừ	66	1
61	Nguyễn Văn Chiêm	Trộn Đường		66	1
62	Nguyễn Văn Cừ	Trần Hưng Đạo	Ngã sáu Nguyễn Văn Cừ	42.7	1
63	Nguyễn Văn Giai	Trộn Đường		44	1
64	Nguyễn Văn Thủ	Hai Bà Trưng	Mạc Đĩnh Chi	48.4	1

STT	TÊN ĐƯỜNG (Khu vực 1)	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT	QUẬN/ HUYỆN
		TỪ	ĐẾN		
		Mạc Đình Chi	Hoàng Sa	44	1
65	Nguyễn Văn Tráng	Trộn Đường		44	1
66	Nguyễn Đình Chiêu	Hai Bà Trưng	Nguyễn Bình Khiêm	66	1
		Nguyễn Bình Khiêm	Hoàng Sa	45	1
67	Nguyễn Bình Khiêm	Trộn Đường		48.8	1
68	Ngô Văn Năm	Trộn Đường		47.7	1
69	Ngô Đức Kế	Trộn Đường		88	1
70	Pasteur	Nguyễn Thị Minh Khai	Hàm Nghi	79.5	1
		Hàm Nghi	Võ Văn Kiệt	69.6	1
71	Phan Bội Châu	Trộn Đường		88	1
72	Phan Châu Trinh	Trộn Đường		88	1
73	Phan Kế Bính	Trộn Đường		37.3	1
74	Phan Văn Đạt	Trộn Đường		57.2	1
75	Phạm Hồng Thái	Trộn Đường		83.6	1
76	Phạm Ngọc Thạch	Trộn Đường		65	1
77	Phạm Ngũ Lão	Phó Đức Chính	Nguyễn Thị Nghĩa	51.2	1
		Nguyễn Thị Nghĩa	Nguyễn Trãi	70.4	1
78	Phạm Viết Chánh	Trộn Đường		44	1
79	Phó Đức Chính	Trộn Đường		63.2	1
80	Phùng Khắc Khoan	Trộn Đường		38.4	1
81	Sương Nguyệt Ánh	Trộn Đường		77	1

STT	TÊN ĐƯỜNG (Khu vực 1)	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT	QUẬN/ HUYỆN
		TỪ	ĐẾN		
82	Thi Sách	Trộn Đường		57.2	1
83	Thái Văn Lung	Trộn Đường		79.7	1
84	Thủ Khoa Huân	Nguyễn Du	Lý Tự Trọng	88	1
		Lý Tự Trọng	Lê Thánh Tôn	88	1
85	Trần Cao Vân	Trộn Đường		63.2	1
86	Trần Hưng Đạo	Quách Thị Trang	Nguyễn Thái Học	68.9	1
		Nguyễn Thái Học	Nguyễn Khắc Nhu	76	1
		Nguyễn Khắc Nhu	Nguyễn Văn Cừ	58.7	1
87	Trần Quang Khải	Trộn Đường		38.7	1
88	Trịnh Văn Cấn	Trộn Đường		37.4	1
89	Trương Định	Trộn Đường		88	1
90	Tôn Thất Thiệp	Trộn Đường		68.2	1
91	Tôn Thất Tùng	Trộn Đường		63.2	1
92	Tôn Thất Đạm	Tôn Thất Thiệp	Hàm Nghi	79.2	1
		Hàm Nghi	Võ Văn Kiệt	63.2	1
93	Tôn Đức Thắng	Lê Duẩn	Công Trường Mê Linh	89.3	1
		Công Trường Mê Linh	Cầu Nguyễn Tất Thành	105.6	1
94	Võ Thị Sáu	Trộn Đường		56	1
95	Yersin	Trộn Đường		63.8	1
96	Nguyễn Hữu Cảnh	Tôn Đức Thắng	Nguyễn Bình Khiêm	79.2	1
97	Bà Huyện Thanh Quan	Trộn Đường		46.4	3
98	Cách Mạng Tháng Tám	Nguyễn Thị Minh Khai	Võ Thị Sáu	61.6	3

STT	TÊN ĐƯỜNG (Khu vực 1)	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT	QUẬN/ HUYỆN
		TỪ	ĐẾN		
		Võ Thị Sáu	Ranh Quận Tân Bình	43.8	3
99	Cao Thắng	Trộn Đường		57.2	3
100	Công Trường Quốc Tế	Trộn Đường		79.2	3
101	Điện Biên Phủ	Ngã Bảy	Cách Mạng Tháng Tám	38.4	3
		Cách Mạng Tháng Tám	Hai Bà Trưng	45.5	3
102	Hai Bà Trưng	Nguyễn Thị Minh Khai	Võ Thị Sáu	65.6	3
		Võ Thị Sáu	Lý Chính Thắng	72.7	3
		Lý Chính Thắng	Cầu Kiệu	58.8	3
103	Hồ Xuân Hương	Trộn Đường		42.6	3
104	Kỳ Đồng	Trộn Đường		44	3
105	Lê Ngô Cát	Trộn Đường		44	3
106	Lê Quý Đôn	Trộn Đường		55	3
107	Lê Văn Sỹ	Cầu Lê Văn Sỹ	Trần Quang Diệu	42.6	3
		Trần Quang Diệu	Ranh Quận Phú Nhuận	39.6	3
108	Lý Chính Thắng	Ranh Quận 10	Nam Kỳ Khởi Nghĩa	37.4	3
		Nam Kỳ Khởi Nghĩa	Ranh Quận 1	41.4	3
109	Lý Thái Tô	Trộn Đường		52.8	3
110	Nam Kỳ Khởi Nghĩa	Trộn Đường		64.6	3
111	Ngô Thời Nhiệm	Trộn Đường		44	3
112	Nguyễn Đình Chiểu	Trộn Đường		61.5	3

STT	TÊN ĐƯỜNG (Khu vực 1)	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT	QUẬN/ HUYỆN
		TỪ	ĐẾN		
113	Nguyễn Gia Thiều	Trộn Đường		39.6	3
114	Nguyễn Thị Diệu	Trộn Đường		47	3
115	Nguyễn Thị Minh Khai	Hai Bà Trưng	Cao Thắng	77	3
		Cao Thắng	Ngã Sáu Nguyễn Văn Cừ	66	3
116	Nguyễn Thiện Thuật	Nguyễn Thị Minh Khai	Nguyễn Đình Chiểu	44	3
		Nguyễn Đình Chiểu	Điện Biên Phủ	39.6	3
117	Nguyễn Thông	Hồ Xuân Hương	Kỳ Đồng	44	3
118	Pasteur	Trần Quốc Toàn	Võ Thị Sáu	49.5	3
		Võ Thị Sáu	Ranh Quận 1	63.3	3
119	Phạm Đình Toái	Trộn Đường		37.6	3
120	Phạm Ngọc Thạch	Trộn Đường		63	3
121	Trần Cao Văn	Trộn Đường		60	3
122	Trần Quốc Thảo	Võ Văn Tần	Lý Chính Thắng	55	3
		Lý Chính Thắng	Cầu Lê Văn Sỹ	48.4	3
123	Trần Quốc Toàn	Nam Kỳ Khởi Nghĩa	Ranh Quận 1	41	3
124	Trương Định	Trộn Đường		57.2	3
125	Tú Xương	Trộn Đường		44	3
126	Võ Thị Sáu	Trộn Đường		52.8	3
127	Võ Văn Tần	Hồ Con Rùa	Cách Mạng Tháng Tám	63.8	3
		Cách Mạng Tháng Tám	Cao Thắng	55	3
128	An Dương Vương	Nguyễn Văn Cừ	Nguyễn Tri Phương	58.2	5
129	Bùi Hữu Nghĩa	Trộn Đường		37	5



STT	TÊN ĐƯỜNG (Khu vực 1)	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT	QUẬN/ HUYỆN
		TỪ	ĐẾN		
130	Châu Văn Liêm	Trộn Đường		49.3	5
131	Công Trường An Đông	Trộn Đường		38.6	5
132	Hải Thượng Lân Ông	Võ Văn Kiệt (Trần Văn Kiêu Cũ)	Châu Văn Liêm	38.4	5
		Châu Văn Liêm	Học Lạc	45.5	5
133	Hồng Bàng	Trộn Đường		42.6	5
134	Học Lạc	Trộn Đường		37	5
135	Hùng Vương	Trộn Đường		39.6	5
136	Lê Hồng Phong	Hùng Vương	Nguyễn Trãi	39.6	5
137	Nguyễn Trãi	Nguyễn Văn Cừ	Nguyễn Tri Phương	66	5
		Nguyễn Tri Phương	Học Lạc	48.4	5
		Học Lạc	Hồng Bàng	41.8	5
138	Nguyễn Tri Phương			22.3	5
		Trần Hưng Đạo	Nguyễn Chí Thanh	41.7	5
139	Nguyễn Văn Cừ			33.6	5
		Trần Hưng Đạo	Ngã Sáu Nguyễn Văn Cừ	42.7	5
140	Nhiêu Tâm	Trộn Đường		37.4	5
141	Phước Hưng	Trộn Đường		41.8	5
		Trịnh Hoài Đức	Hồng Bàng	37.4	5
142	Tạ Uyên	Hồng Bàng	Nguyễn Chí Thanh	48.4	5
143	Tân Đà	Trộn Đường		40.4	5
144	Trần Bình Trọng	Trộn Đường		39.6	5
145	Trần Hưng Đạo	Nguyễn Văn Cừ	Nguyễn Tri Phương	58.7	5

STT	TÊN ĐƯỜNG (Khu vực 1)	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT	QUẬN/ HUYỆN
		TỪ	ĐẾN		
		Nguyễn Tri Phương	Châu Văn Liêm	38.4	5
		Châu Văn Liêm	Học Lạc	46.7	5
146				29.1	5
	Trần Phú	Nguyễn Trãi	An Dương Vương	39.6	5
		An Dương Vương	Ngã Sáu Nguyễn Văn Cừ	33.9	5
147	Trịnh Hoài Đức	Trộn Đường		37.4	5
148	Vũ Chí Hiếu	Trộn Đường		37.4	5
149	Cao Thắng	Điện Biên Phủ	Ba Tháng Hai	39.6	10
150	Nguyễn Giản Thanh	Trộn Đường		15	10
151	Cách Mạng Tháng Tám	Ba Tháng Hai	Giáp Ranh Quận Tân Bình	42.3	10
152	Ba Tháng Hai	Lý Thường Kiệt	Nguyễn Tri Phương	39.6	10
		Nguyễn Tri Phương	Lê Hồng Phong	44	10
		Lê Hồng Phong	Ngã Sáu Công Trường Dân Chú	48.4	10
153	Hùng Vương	Lý Thái Tô	Nguyễn Chí Thanh	38	10
154	Lý Thường Kiệt	Nguyễn Chí Thanh	Ranh Quận Tân Bình	39.6	10
155	Ngô Gia Tự	Ngã Bảy Lý Thái Tô	Ngã Sáu	42.2	10
156	Nguyễn Tri Phương	Ba Tháng Hai	Nguyễn Chí Thanh	40.6	10
157	Thành Thái	Tô Hiến Thành	Bắc Hải	44	10

STT	TÊN ĐƯỜNG (Khu vực 1)	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT	QUẬN/ HUYỆN
		TỪ	ĐẾN		
158	Tô Hiến Thành	Lý Thường Kiệt	Thành Thái	34.4	10
		Thành Thái	Cách Mạng Tháng Tám	39.6	10
159	Nguyễn Văn Trỗi	Trọng Đường		48	PN

Khu A (Khu Đô Thị Nam Thành Phố)

160	Nguyễn Văn Linh	Rạch Thầy Tiêu	Lê Văn Lương	23.5	7
		Lê Văn Lương	Rạch Ông Lớn	13	7
161	Bertrand Russell (Cr2102+C22102)	Trọng Đường		18.9	7
162	Bùi Bằng Đoàn (Bắc Park Way)	Trọng Đường		17.2	7
163	Cao Triều Phát (R2102)	Trọng Đường		19.2	7
164	Đặng Đại Độ (R2105)	Trọng Đường		18.7	7
165	Đặng Đức Thuật (H2103)	Trọng Đường		15.3	7
166	Đô Đốc Tuyết (Cn2106)	Trọng Đường		15	7
167	Đường 10	Trọng Đường		14.2	7
168	Đường 16	Trọng Đường		14.2	7
169	Đường 17	Trọng Đường		14.2	7
170	Đường 2	Trọng Đường		14.3	7
171	Đường 20	Trọng Đường		15.3	7
172	Đường 22	Trọng Đường		14.1	7
173	Đường 23	Trọng Đường		15.8	7
174	Đường 6	Trọng Đường		16.6	7
175	Đường C	Hoàng Văn Thái	Rạch Cà Cắm	16.1	7
				12.5	7
176	Đường G	Trọng Đường		15.8	7
177	Đường N			13.3	7

STT	TÊN ĐƯỜNG (Khu vực 1)	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT	QUẬN/ HUYỆN
		TỪ	ĐẾN		
		Nguyễn Văn Linh	Nguyễn Đông Chi	17.6	7
178	Đường O	Trọng Đường		13.9	7
179	Đường P	Nguyễn Văn Linh	Hà Huy Tập	15.7	7
		Đường 10	Trần Văn Trà	17	7
180	Đường U	Trọng Đường		16.9	7
181	Hoàng Văn Thái (Cr2101+C2101)	Trọng Đường		16.3	7
182	Hưng Long	Trọng Đường		14.3	7
183	Lê Văn Thêm (R2103)	Trọng Đường		16.3	7
184	Luther King (Cr2106)	Trọng Đường		19.8	7
185	Lý Long Tường (H2105)	Trọng Đường		18.2	7
186	Morison	Trọng Đường		18.6	7
187	(Cr2103+C2103)				7
188	Nguyễn Bình (H2109)	Trọng Đường		18.6	7
189	Nguyễn Cao (R2106)	Trọng Đường		19.4	7
190	Nguyễn Đức Cảnh (Nam Park Way)	Trọng Đường		18.8	7
191	Nguyễn Đông Chi	Rạch Kịch	Phan Văn Nghị	18.4	7
		Phan Văn Nghị	Đường N (Bắc)	19	7
		Đường N (Bắc)	Nguyễn Lương Băng	17.7	7
192	Nguyễn Khắc Viện (C2105)	Trọng Đường		19.2	7

STT	TÊN ĐƯỜNG (Khu vực 1)	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT	QUẬN/ HUYỆN
		TỪ	ĐẾN		
193	Nguyễn Lương Bằng (Broad Way)	Trộn Đường		20.7	7
194	Nguyễn Phan Chánh (H2106)	Trộn Đường		20.1	7
195	Phạm Thái Bường (H2101)	Trộn Đường		21.9	7
196	Phạm Thiều (Cr2104+C2104)	Trộn Đường		13.8	7
197	Phạm Văn Nghị (H2108)	Trộn Đường		17.1	7
198	Phan Khiêm Ích (R2101)	Trộn Đường		19.8	7
199	Phan Văn Chương (R2107)	Trộn Đường		19.8	7
200	Phố Tiểu Bắc	Trộn Đường		20.2	7

STT	TÊN ĐƯỜNG (Khu vực 1)	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ ĐẤT	QUẬN/ HUYỆN
		TỪ	ĐẾN		
201	Phố Tiểu Đông	Trộn Đường		15.8	7
202	Phố Tiểu Nam	Trộn Đường		15.8	7
203	Raymondienne (C2104)	Trộn Đường		22	7
204	Tân Phú (C2109)	Nguyễn Văn Linh	Cầu Cà Cắm 1	24.2	7
		Cầu Cà Cắm 1	Đường 23	21.4	7
205	Tân Trào (Market Street)	Trộn Đường		17.8	7
206	Tôn Dật Tiên (Cr2105)	Nguyễn Văn Linh	Trần Văn Trà	22	7
207	Trần Văn Trà (C2401+C2404 Roi River Drive)	Tân Phú	Phan Văn Chương	17.8	7
		Đô Đốc Tuyết	Tôn Dật Tiên	16.9	7

2. Khu vực 2

STT	TÊN ĐƯỜNG (Khu vực 2)	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ	QUẬN/ HUYỆN
		TỪ	ĐẾN		
1	2	3	4	5	6
1	Trần Não	Xa Lộ Hà Nội	Lương Định Cửa	22	2
		Lương Định Cửa	Cuối Đường	13.2	2
2	Thảo Điền, Phường Thảo Điền	Xa Lộ Hà Nội	Đường 4, Phường Thảo Điền (Khu Báo Chí)	14.6	2

STT	TÊN ĐƯỜNG (Khu vực 2)	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ	QUẬN/ HUYỆN
		TỪ	ĐẾN		
3	Xa Lộ Hà Nội	Chân Cầu Sài Gòn	Cầu Rạch Chiếc	14.4	2
4	Đường Số 1, Phường An Phú (Dự Án Sài Gòn Riviera)	Trộn Đường		19.5	2

STT	TÊN ĐƯỜNG (Khu vực 2)	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ	QUẬN/ HUYỆN
		TỪ	ĐẾN		
5	Đường Số 2, Phường An Phú (Dự Án Sài Gòn Riviera)	Trộn Đường		19.5	2
6	Đường Số 3, Phường An Phú (Dự Án Sài Gòn Riviera)	Trộn Đường		19.5	2
7	Đường Số 4 (Dự Án Sài Gòn Riviera)	Trộn Đường		19.5	2
8	Đường Số 5, Phường An Phú (Dự Án Sài Gòn Riviera)	Trộn Đường		19.5	2
9	Đường Số 6, Phường An Phú (Dự Án Sài Gòn Riviera)	Đường Giang Văn Minh	Cuối Đường	21	2
10	Đường Song Hành (Dự Án 131ha), Phường An Phú	Trần Nãi	Mai Chí Thọ	15	2
11	Nguyễn Hoàng	Xa Lộ Hà Nội	Lương Định Cửa	14	2
12	Nguyễn Quý Đức	Đường Song Hành (Dự Án 131ha), Phường An Phú	Cuối Đường	14.4	2
13	Bà Hom	Kinh Dương Vương	Hẻm 76 Bà Hom	17	6

STT	TÊN ĐƯỜNG (Khu vực 2)	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ	QUẬN/ HUYỆN
		TỪ	ĐẾN		
		Hẻm 76 Bà Hom	An Dương Vương	13.8	6
14	Bãi Sậy	Ngô Nhân Tịnh	Mai Xuân Thường	18.8	6
		Mai Xuân Thường	Bình Tiên	18.8	6
15	Bình Phú	Trộn Đường		14.5	6
16	Bình Tây	Trộn Đường		18.6	6
17	Bình Tiên	Trộn Đường		22.8	6
18	Cao Văn Lâu	Lê Quang Sung	Bãi Sậy	19	6
		Bãi Sậy	Võ Văn Kiệt	17.7	6
19	Chu Văn An	Lê Quang Sung	Bãi Sậy	28.2	6
		Bãi Sậy	Võ Văn Kiệt	19.2	6
20	Gia Phú	Ngô Nhân Tịnh	Phạm Phú Thứ	18	6
21	Hậu Giang	Phạm Đình Hồ	Minh Phụng	34.2	6
		Minh Phụng	Nguyễn Văn Luông	20.4	6
		Nguyễn Văn Luông	Mũi Tàu	18.2	6
22	Hồng Bàng	Nguyễn Thị Nhỏ	Cầu Phú Lâm	24.3	6
		Cầu Phú Lâm	Vòng Xoay Phú Lâm	22.7	6
23	Kinh Dương Vương	Vòng Xoay Phú Lâm	Mũi Tàu	18.4	6
24	Lê Quang Sung	Ngô Nhân Tịnh	Mai Xuân Thường	27.8	6
		Mai Xuân Thường	Minh Phụng	19.1	6
25	Lê Tân Kế	Trộn Đường		36.4	6
26	Lê Trực	Trộn Đường		16.6	6

STT	TÊN ĐƯỜNG (Khu vực 2)	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ	QUẬN/ HUYỆN
		TỪ	ĐẾN		
27	Mai Xuân Thường	Lê Quang Sung	Phan Văn Khỏe	18.7	6
		Phan Văn Khỏe	Võ Văn Kiệt	15.2	6
28	Minh Phụng	Phan Văn Khỏe	Hồng Bàng	22.5	6
29	Ngô Nhân Tĩnh	Lê Quang Sung	Võ Văn Kiệt	30	6
30	Nguyễn Hữu Thận	Trộn Đường		32.5	6
31	Nguyễn Thị Nhỏ	Lê Quang Sung	Hồng Bàng	26	6
32	Nguyễn Văn Luông	Vòng Xoay Phú Lâm	Hậu Giang	23.3	6
		Hậu Giang	Đường Số 26	19.4	6
33	Nguyễn Văn Luông	Lý Chiêu Hoàng	Võ Văn Kiệt	9.8	6
34	(Nguyễn Ngọc Cung Theo Bảng Giá Đất 2014)				6
35	Nguyễn Xuân Phụng	Trộn Đường		23.7	6
36	Phạm Đình Hồ	Hồng Bàng	Bãi Sậy	25.6	6
		Bãi Sậy	Phạm Văn Chí	18.5	6
37	Phạm Phú Thứ	Trộn Đường		14.9	6
38	Phạm Văn Chí	Bình Tây	Bình Tiên	23.2	6
		Bình Tiên	Lý Chiêu Hoàng	14.3	6
39	Phan Văn Khỏe	Ngô Nhân Tĩnh	Mai Xuân Thường	21.4	6
		Mai Xuân Thường	Bình Tiên	14.9	6
40	Tân Hòa Đông	Vòng Xoay Phú Lâm	Đặng Nguyên Cần	14.3	6

STT	TÊN ĐƯỜNG (Khu vực 2)	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ	QUẬN/ HUYỆN
		TỪ	ĐẾN		
41	Tân Hòa	Hồng Bàng	Đặng Nguyên Cần	14	6
42	Tháp Mười	Phạm Đình Hồ	Ngô Nhân Tĩnh	43.6	6
43	Trần Bình	Trộn Đường		31.5	6
44	Trần Trung Lập	Trộn Đường		17.9	6
45	Võ Văn Kiệt	Ngô Nhân Tĩnh (P1)	Cầu Lò Gốm (P7)	24.4	6
		Cầu Lò Gốm (P7)	Rạch Nhảy (P10)	19.8	6
46	Trang Tử	Đỗ Ngọc Thạch	Phạm Đình Hồ	22.1	6
47	Văn Thân	Bình Tiên	Bà Lái	14.6	6
48	Trần Văn Kiểu (Đường Số 11 Kdc Bình Phú)	Hậu Giang	Lý Chiêu Hoàng	13.6	6
49	Đường Số 26	Trộn Đường		14	6
50	Âu Cơ	Bình Thới	Ranh Quận Tân Bình	20.2	11
51	Bình Thới	Lê Đại Hành	Minh Phụng	19.4	11
		Minh Phụng	Lạc Long Quân	17.01	11
52	Các Đường Còn Lại Trong Cư Xá Lữ Gia			14.04	11
53	Công Chúa Ngọc Hân	Trộn Đường		14.04	11
54	Đặng Minh Khiêm	Trộn Đường		17.2	11
55	Đào Nguyên Phổ	Trộn Đường		17.2	11
56	Đỗ Ngọc Thạch	Trộn Đường		19.4	11
57	Đội Cung (Quân Sự Cũ)	Trộn Đường		14.04	11

STT	TÊN ĐƯỜNG (Khu vực 2)	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ	QUẬN/ HUYỆN
		TỪ	ĐẾN		
58	Đường 281 Lý Thường Kiệt	Lý Thường Kiệt	Nguyễn Thị Nhỏ	17.2	11
59	Ba Tháng Hai	Lý Thường Kiệt	Lê Đại Hành	36.45	11
		Lê Đại Hành	Minh Phụng	34.29	11
60	Đường Số 2 Cư Xá Lữ Gia	Đường 52 Cư Xá Lữ Gia	Lý Thường Kiệt	21.2	11
61	Đường Số 3 Cư Xá Lữ Gia	Lý Thường Kiệt	Nguyễn Thị Nhỏ	21.2	11
62	Đường Số 2. 5. 9	Cư Xá Bình Thới		17.55	11
63	Đường Số 3. 7	Cư Xá Bình Thới		17.55	11
64	Đường Số 3a	Cư Xá Bình Thới		15.12	11
65	Đường Số 4.6.8	Cư Xá Bình Thới		15.12	11
66	Đường Số 5a	Cư Xá Bình Thới		15.12	11
67	Đường Số 7a	Cư Xá Bình Thới		15.12	11
68	Dương Đình Nghệ	Trộn Đường		18.9	11
69	Dương Tử Giang	Trộn Đường		19	11
70	Hà Tôn Quyền	Trộn Đường		19	11
71	Hàn Hải Nguyên	Trộn Đường		22	11
72	Hàn Hải Nguyên (Nối Dài)	Phú Thọ	Cuối Đường	16.2	11
73	Hồng Bàng	Nguyễn Thị Nhỏ	Tân Hóa	24.3	11
74	Hoàng Đức Tương	Trộn Đường		15.66	11
75	Hòa Bình	Lạc Long Quân	Ranh Quận Tân Phú	19.8	11
76	Hòa Hảo	Trộn Đường		26.4	11
77	Khuông Việt	Trộn Đường		14.04	11

STT	TÊN ĐƯỜNG (Khu vực 2)	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ	QUẬN/ HUYỆN
		TỪ	ĐẾN		
78	Lạc Long Quân	Lạc Long Quân (Nối Dài)	Hòa Bình	20.6	11
		Hòa Bình	Âu Cơ	22	11
79	Lạc Long Quân (Nối Dài)	Trộn Đường		15.12	11
80	Lãnh Binh Thăng	Đường Ba Tháng Hai	Bình Thới	22	11
81	Lê Đại Hành	Nguyễn Chí Thanh	Đường Ba Tháng Hai	22	11
		Đường Ba Tháng Hai	Bình Thới	36.6	11
82	Lê Thị Bạch Cát	Trộn Đường		15.12	11
83	Lữ Gia	Lý Thường Kiệt	Nguyễn Thị Nhỏ	34.8	11
84	Lò Siêu	Đường Ba Tháng Hai	Hồng Bàng	18	11
85	Lý Nam Đế	Đường Ba Tháng Hai	Nguyễn Chí Thanh	22	11
86	Lý Thường Kiệt	Thiên Phước	Nguyễn Chí Thanh	39.6	11
87	Minh Phụng	Trộn Đường		23.8	11
88	Nguyễn Bá Học	Trộn Đường		19.4	11
89	Nguyễn Chí Thanh	Lý Thường Kiệt	Lê Đại Hành	35.1	11
		Lê Đại Hành	Nguyễn Thị Nhỏ	32.4	11
		Nguyễn Thị Nhỏ	Đường Ba Tháng Hai	23.76	11
90	Nguyễn Thị Nhỏ	Đường Ba Tháng Hai	Hồng Bàng	24.3	11

STT	TÊN ĐƯỜNG (Khu vực 2)	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ	QUẬN/ HUYỆN
		TỪ	ĐẾN		
91	Nguyễn Thị Nhỏ (Núi Dài)	Bình Thới	Thiên Phước	19.4	11
92	Nhật Tào	Lý Thường Kiệt	Lý Nam Đế	21.6	11
		Lý Nam Đế	Cuối Đường	14.04	11
93	Phó Cơ Điều	Trần Quý	Nguyễn Chí Thanh	24.2	11
94	Ông Ích Khiêm	Trọng Đường		25.6	11
95	Phan Xích Long	Trọng Đường		18	11
96	Phó Cơ Điều	Đường Ba Tháng Hai	Trần Quý	26.4	11
97	Phú Thọ	Trọng Đường		15.39	11
98	Quân Sự	Trọng Đường		14.04	11
99	Tân Khai	Trọng Đường		19	11
100	Tân Phước	Lý Thường Kiệt	Lý Nam Đế	17.6	11
		Lê Đại Hành	Lê Thị Riêng	22	11
101	Tân Thành	Nguyễn Thị Nhỏ	Lò Siêu	14.04	11
102	Tạ Uyên	Trọng Đường		37.4	11
103	Thái Phiên	Đội Cung	Đường Ba Tháng Hai	14.04	11
		Đường Ba Tháng Hai	Hồng Bàng	19	11
104	Thiên Phước	Nguyễn Thị Nhỏ (Núi Dài)	Lý Thường Kiệt	13.5	11
105	Thuận Kiều	Trọng Đường		20.2	11
106	Tôn Thất Hiệp	Trọng Đường		20.2	11
107	Tổng Văn Trân	Trọng Đường		14.04	11
108	Trần Quý	Lê Đại Hành	Tạ Uyên	24.6	11
		Tạ Uyên	Nguyễn Thị Nhỏ	20.6	11
109	Tuệ Tĩnh	Trọng Đường		19.4	11
110	Vinh Viễn	Trọng Đường		22	11

STT	TÊN ĐƯỜNG (Khu vực 2)	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ	QUẬN/ HUYỆN
		TỪ	ĐẾN		
111	Xóm Đất	Trọng Đường		20.2	11
112	Đường Kênh Tân Hóa	Hòa Bình	Đường Tân Hóa	12.87	11
113	Âu Cơ	Mũi Tàu Đường Trường Chinh - Âu Cơ	Vòng Xoay Lê Đại Hành	18	Tân Bình
114	Ba Gia	Trần Triệu Luật	Lê Minh Xuân	17.6	Tân Bình
		Lê Minh Xuân	Cuối Đường	14.1	Tân Bình
115	Bắc Hải	Cách Mạng Tháng Tám	Lý Thường Kiệt	15.4	Tân Bình
116	Bạch Đằng 2	Vòng Xoay Trường Sơn	Ranh Quận Gò Vấp	14.2	Tân Bình
117	Bàu Cát	Trương Công Định	Đồng Đen	24.4	Tân Bình
		Đồng Đen	Võ Thành Trang	15.4	Tân Bình
118	Bàu Cát 1	Trương Công Định	Hẻm 273 Bàu Cát	15	Tân Bình
119	Bàu Cát 2	Trương Công Định	Hẻm 273 Bàu Cát	15	Tân Bình
120	Bàu Cát 3	Trương Công Định	Hẻm 273 Bàu Cát	15	Tân Bình
121	Bàu Cát 4	Trương Công Định	Đồng Đen	15	Tân Bình
122	Bàu Cát 5	Nguyễn Hồng Đào	Đồng Đen	15	Tân Bình
123	Bàu Cát 6	Nguyễn Hồng Đào	Đồng Đen	15	Tân Bình
124	Bàu Cát 7	Nguyễn Hồng Đào	Đồng Đen	15	Tân Bình
125	Bàu Cát 8	Âu Cơ	Đồng Đen	14	Tân Bình

STT	TÊN ĐƯỜNG (Khu vực 2)	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ	QUẬN/ HUYỆN
		TỪ	ĐẾN		
126	Bảy Hiền	Hẻm 1129 Lạc Long Quân	1017 Lạc Long Quân	19.8	Tân Bình
127	Bể Văn Đàn	Nguyễn Hồng Đào	Đồng Đen	15	Tân Bình
128	Bình Giã	Trường Chinh	Cộng Hòa	16.8	Tân Bình
129	Ca Văn Thỉnh	Võ Thành Trang	Đồng Đen	15	Tân Bình
130	Cách Mạng Tháng Tám	Ngã Tư Bảy Hiền	Ranh Quận 3, Quận 10	30.8	Tân Bình
131	Cộng Hòa	Trường Chinh	Lăng Cha Cà	26.4	Tân Bình
132	Cửu Long	Trường Sơn	Yên Thế	18.3	Tân Bình
133	Dương Văn Nga	Nguyễn Bạc	Ngô Thị Thu Minh	15.7	Tân Bình
134	Duy Tân	Lý Thường Kiệt	Tân Tiến	17.6	Tân Bình
135	Đồng Nai	Trường Sơn	Lam Sơn	17.6	Tân Bình
136	Đồng Đen	Trường Chinh	Âu Cơ	17.6	Tân Bình
137	Đồng Sơn	Vân Côi	Ba Gia	15.4	Tân Bình
138	Đồng Xoài	Bình Giã	Hoàng Hoa Thám	15.7	Tân Bình
139	Đường A4	Cộng Hòa	Trường Chinh	16.8	Tân Bình
140	Đường B6	Trọng Đường		14.6	Tân Bình
141	Ngô Thị Thu Minh	Phạm Văn Hai	Lê Văn Sỹ	18.4	Tân Bình
142	Đường C18	Cộng Hòa	Hoàng Kế Viêm	15.4	Tân Bình
143	Đường C22	Đường A4	Đường C18	14.6	Tân Bình
144	Đổng Đa	Cửu Long	Tiền Giang	15.4	Tân Bình
145	Giải Phóng	Thăng Long	Cuối Đường	13.2	Tân Bình
146	Gò Cẩm Đệm	Lạc Long Quân	Trần Văn Quang	8.8	Tân Bình
147	Hậu Giang	Thăng Long	Trường Sơn	17.4	Tân Bình
148	Hồng Hà	Trường Sơn	Công Viên Gia Định	14	Tân Bình

STT	TÊN ĐƯỜNG (Khu vực 2)	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ	QUẬN/ HUYỆN
		TỪ	ĐẾN		
149	Hồng Lạc	Lạc Long Quân	Võ Thành Trang	15.8	Tân Bình
150	Hoàng Hoa Thám	Trường Chinh	Cộng Hòa	23.4	Tân Bình
		Cộng Hòa	Ranh Sân Bay	16.2	Tân Bình
151	Hoàng Kế Viêm (C21)	Đường A4	Cuối Đường	14.6	Tân Bình
152	Hoàng Sa	Lê Bình	Giáp Ranh Quận 3	16.6	Tân Bình
153	Hoàng Văn Thụ	Nguyễn Văn Trỗi	Ngã Tư Bảy Hiền	28.6	Tân Bình
154	Hoàng Việt	Hoàng Văn Thụ	Lê Bình	22.4	Tân Bình
155	Huỳnh Lan Khanh	Phan Đình Giót	Tường Rào Qk7	18.3	Tân Bình
156	Lạc Long Quân	Lý Thường Kiệt	Âu Cơ	25.5	Tân Bình
157	Lam Sơn	Sông Nhuệ	Hồng Hà	14	Tân Bình
158	Lê Bình	Trọng Đường		14	Tân Bình
159	Lê Minh Xuân	Lạc Long Quân	Lý Thường Kiệt	24.6	Tân Bình
		Lý Thường Kiệt	Vân Côi	17.2	Tân Bình
		Đường A4	Quách Văn Tuấn	14.6	Tân Bình
160	Lê Văn Sỹ	Lăng Cha Cà	Ranh Quận Phú Nhuận	28.6	Tân Bình
161	Lý Thường Kiệt	Ngã Tư Bảy Hiền	Trần Triệu Luật	39.6	Tân Bình
		Trần Triệu Luật	Ranh Quận 10	32.2	Tân Bình
162	Nghĩa Phát	Bến Cát	Bành Văn Trân	14.2	Tân Bình
163	Nguyễn Bạc	Phạm Văn Hai	Dương Văn Nga	18.3	Tân Bình
164	Nguyễn Hồng Đào	Trường Chinh	Âu Cơ	16	Tân Bình
165	Nguyễn Minh Hoàng (C25)	Hoàng Hoa Thám	Quách Văn Tuấn	14.6	Tân Bình

STT	TÊN ĐƯỜNG (Khu vực 2)	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ	QUẬN/ HUYỆN
		TỪ	ĐẾN		
166	Nguyễn Thái Bình	Trường Chinh	Cộng Hòa	19.8	Tân Bình
167	Nguyễn Thế Lộc	Đường A4	Đường C18	14.6	Tân Bình
168	Nguyễn Thị Nhỏ	Âu Cơ	Thiên Phước	15.4	Tân Bình
169	Nguyễn Trọng Tuyên	Hẻm 429 Hoàng Văn Thụ	Ranh Quận Phú Nhuận	24.7	Tân Bình
170	Nguyễn Văn Mại	Số 1 Trường Sơn	Số 1/54 Trường Sơn	14.4	Tân Bình
171	Nguyễn Văn Trỗi	Hoàng Văn Thụ	Ranh Quận Phú Nhuận	39.6	Tân Bình
172	Ni Sư Huỳnh Liên	Lạc Long Quân	Hồng Lạc	14	Tân Bình
173	Phạm Văn Hai	Cách Mạng Tháng Tám	Lê Văn Sỹ	30.8	Tân Bình
		Lê Văn Sỹ	Hoàng Văn Thụ	22.4	Tân Bình
174	Phan Bá Phiến	Đường A4	Quách Văn Tuấn	14.6	Tân Bình
175	Phan Đình Giót	Phổ Quang	Trường Sơn	19.8	Tân Bình
176	Phan Thúc Duyệt	Thăng Long	Phan Đình Giót	18.3	Tân Bình
177	Phổ Quang	Phan Đình Giót	Hồ Văn Huê (Quận Phú Nhuận)	20.2	Tân Bình
178	Phú Hòa			12.6	Tân Bình
		Lý Thường Kiệt	Lạc Long Quân	28.6	Tân Bình
179	Quách Văn Tuấn	Cộng Hòa	Cuối Đường	14.6	Tân Bình
180	Sầm Sơn	Trọng Đường		14.4	Tân Bình
181	Sông Đà	Trọng Đường		15.6	Tân Bình
182	Sông Đáy	Trọng Đường		15.6	Tân Bình
183	Sông Nhuệ	Trọng Đường		15.6	Tân Bình
184	Sông Thao	Lam Sơn	Đống Đa	15.6	Tân Bình

STT	TÊN ĐƯỜNG (Khu vực 2)	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ	QUẬN/ HUYỆN
		TỪ	ĐẾN		
185	Sông Thương	Trọng Đường		15.6	Tân Bình
186	Tân Canh	Nguyễn Trọng Tuyên	Lê Văn Sỹ	20.9	Tân Bình
187	Tân Sơn Hòa	Trọng Đường		25.6	Tân Bình
188	Tân Tạo	Lý Thường Kiệt	Tân Xuân	13.2	Tân Bình
189	Tân Tiến	Tân Thọ	Đông Hồ	18.8	Tân Bình
190	Tân Viên	Sông Đáy	Đông Nai	16.6	Tân Bình
191	Thăng Long	Cộng Hòa	Hậu Giang	17.6	Tân Bình
192	Thích Minh Nguyệt	Trọng Đường		15.2	Tân Bình
193	Thiên Phước	Nguyễn Thị Nhỏ	Lý Thường Kiệt	15	Tân Bình
194	Thủ Khoa Huân	Phú Hòa	Đông Hồ	15.7	Tân Bình
195	Tiền Giang	Trường Sơn	Lam Sơn	17	Tân Bình
196	Trần Mai Ninh	Trường Chinh	Bàu Cát	15	Tân Bình
197	Trần Quốc Hoàn	Cộng Hòa	Trường Sơn	23.5	Tân Bình
198	Trần Văn Quang	Lạc Long Quân	Âu Cơ	14.4	Tân Bình
199	Trà Khúc	Trọng Đường		14.5	Tân Bình
200	Trương Công Định	Trường Chinh	Âu Cơ	17.6	Tân Bình
201	Trường Chinh	Ngã Tư Bảy Hiền	Mũi Tàu Đường Trường Chinh-Cộng Hòa	26.4	Tân Bình
		Mũi Tàu Đường Trường Chinh-Cộng Hòa	Cầu Tham Lương	18.3	Tân Bình
202	Trường Sa	Út Tịch	Giáp Ranh Quận Phú Nhuận	16.6	Tân Bình
203	Trường Sơn	Trọng Đường		23.5	Tân Bình
204	Út Tịch	Cộng Hòa	Lê Bình	17.6	Tân Bình
205	Xuân Diệu	Hoàng Văn Thụ	Nguyễn Thái Bình	28.2	Tân Bình

STT	TÊN ĐƯỜNG (Khu vực 2)	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ	QUẬN/ HUYỆN
		TỪ	ĐẾN		
206	Xuân Hồng	Trường Chinh	Xuân Diệu	28.2	Tân Bình
207	Bạch Đằng	Ngã Ba Hàng Xanh	Chợ Bà Chiểu	38	Bình Thạnh
208	Bình Lợi	Trọng Đường		15.3	Bình Thạnh
209	Bình Quới	Cầu Kinh	Thanh Đa	16.8	Bình Thạnh
210	Bùi Hữu Nghĩa	Cầu Bùi Hữu Nghĩa	Ngã Ba Thánh Mẫu	25.4	Bình Thạnh
		Ngã Ba Thánh Mẫu	Bạch Đằng	28.1	Bình Thạnh
211	Bùi Đình Túy	Trọng Đường		23.6	Bình Thạnh
212	Chu Văn An	Ngã Năm Bình Hòa	Cầu Chu Văn An	20.8	Bình Thạnh
		Cầu Chu Văn An	Đình Bộ Lĩnh	23.6	Bình Thạnh
213	Công Trường Hòa Bình	Trọng Đường		20.5	Bình Thạnh
214	Công Trường Tự Do	Trọng Đường		20.5	Bình Thạnh
215	Diên Hồng	Trọng Đường		23	Bình Thạnh
216	Điện Biên Phủ	Cầu Điện Biên Phủ	Cầu Sài Gòn	38	Bình Thạnh
217	Đình Bộ Lĩnh	Cầu Bình Triệu	Nguyễn Xí	22.1	Bình Thạnh
		Nguyễn Xí	Điện Biên Phủ	23.1	Bình Thạnh
218	Đình Tiên Hoàng	Cầu Bông	Phan Đăng Lưu	38	Bình Thạnh
219	Đường 12ab Khu Miếu Nổi	Trọng Đường		22	Bình Thạnh
220	Đường 16 Khu Miếu Nổi	Trọng Đường		19.2	Bình Thạnh
221	Nguyễn Văn Thương	Trọng Đường		27.6	Bình Thạnh
222	Nguyễn Gia Trí	Trọng Đường		27.6	Bình Thạnh
223	Võ Oanh	Trọng Đường		24	Bình Thạnh
224	Đường D5	Trọng Đường		19.2	Bình Thạnh

STT	TÊN ĐƯỜNG (Khu vực 2)	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ	QUẬN/ HUYỆN
		TỪ	ĐẾN		
225	Đặng Thùy Trâm	Trọng Đường		14.6	Bình Thạnh
226	Hồ Xuân Hương	Trọng Đường		22	Bình Thạnh
227	Hồng Bàng	Vũ Tùng	Diên Hồng	25.6	Bình Thạnh
228	Hoàng Hoa Thám	Nguyễn Thượng Hiền	Nguyễn Văn Đậu	17.6	Bình Thạnh
		Nguyễn Văn Đậu	Phan Đăng Lưu	20.6	Bình Thạnh
229	Huỳnh Mẫn Đạt	Công Trường Tự Do	Nguyễn Ngọc Phương	22	Bình Thạnh
230	Huỳnh Đình Hai	Trọng Đường		24.7	Bình Thạnh
231	Huỳnh Tịnh Của	Trọng Đường		21.3	Bình Thạnh
232	Lam Sơn	Trọng Đường		24.8	Bình Thạnh
233	Lê Quang Định	Chợ Bà Chiểu	Nơ Trang Long	31.2	Bình Thạnh
		Nơ Trang Long	Nguyễn Văn Đậu	24	Bình Thạnh
		Nguyễn Văn Đậu	Giáp Ranh Quận Gò Vấp	20.4	Bình Thạnh
234	Lê Trực	Trọng Đường		13.8	Bình Thạnh
235	Lương Ngọc Quyển	Bình Lợi	Ranh Quận Gò Vấp	12	Bình Thạnh
236	Mai Xuân Thương	Trọng Đường		11.6	Bình Thạnh
237	Mê Linh	Trọng Đường		24	Bình Thạnh
238	Nguyễn Ngọc Phương	Trọng Đường		24	Bình Thạnh
239	Ngô Tất Tố	Trọng Đường		21.1	Bình Thạnh
240	Đường Phú Mỹ	Trọng Đường		14.4	Bình Thạnh
241	Nguyễn Xí	Trọng Đường		21.7	Bình Thạnh
242	Nguyễn Công Trứ	Trọng Đường		17.6	Bình Thạnh
243	Nguyễn Cửu Vân	Xô Viết Nghệ Tĩnh	Điện Biên Phủ	24	Bình Thạnh

STT	TÊN ĐƯỜNG (Khu vực 2)	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ	QUẬN/ HUYỆN
		TỪ	ĐẾN		
244	Nguyễn Hữu Cảnh	Trọng Đường		32	Bình Thạnh
245	Nguyễn Huy Lượng	Trọng Đường		22	Bình Thạnh
246	Nguyễn Huy Tường	Trọng Đường		17.6	Bình Thạnh
247	Nguyễn Thiệp Thuật	Trọng Đường		18.5	Bình Thạnh
248	Nguyễn Văn Lạc	Trọng Đường		21	Bình Thạnh
249	Nguyễn Văn Đậu	Giáp Ranh Quận Phú Nhuận	Lê Quang Định	24	Bình Thạnh
		Lê Quang Định	Phan Văn Trị	18.1	Bình Thạnh
250	Nơ Trang Long	Phan Đăng Lưu	Lê Quang Định	32.4	Bình Thạnh
		Lê Quang Định	Nguyễn Xí	24.3	Bình Thạnh
		Nguyễn Xí	Bình Lợi	18	Bình Thạnh
251	Phạm Viết Chánh	Trọng Đường		24	Bình Thạnh
252	Phan Huy Ôn	Trọng Đường		14.4	Bình Thạnh
253	Phan Bội Châu	Trọng Đường		20.9	Bình Thạnh
254	Phan Chu Trinh	Trọng Đường		22	Bình Thạnh
255	Phan Đăng Lưu	Lê Quang Định	Giáp Quận Phú Nhuận	38	Bình Thạnh
256	Phan Xích Long	Trọng Đường		31.7	Bình Thạnh
257	Phan Văn Hân	Điện Biên Phủ	Xô Viết Nghệ Tĩnh	19.2	Bình Thạnh
		Xô Viết Nghệ Tĩnh	Công Trường Tự Do	24	Bình Thạnh
258	Phan Văn Trị	Lê Quang Định	Nơ Trang Long	19.2	Bình Thạnh
		Nơ Trang Long	Giáp Quận Gò Vấp	18	Bình Thạnh
259	Quốc Lộ 13	Đài Liệt Sĩ	Cầu Bình Triệu	24	Bình Thạnh
260	Tăng Bạt Hồ	Trọng Đường		14.4	Bình Thạnh

STT	TÊN ĐƯỜNG (Khu vực 2)	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ	QUẬN/ HUYỆN
		TỪ	ĐẾN		
261	Trần Quý Cáp	Trọng Đường		14.4	Bình Thạnh
262	Trần Văn Kỳ	Trọng Đường		14	Bình Thạnh
263	Trịnh Hoài Đức	Trọng Đường		22	Bình Thạnh
264	Trương Sa	Cầu Điện Biên Phủ	Xô Viết Nghệ Tĩnh	19.2	Bình Thạnh
		Cầu Điện Biên Phủ	Cầu Bông	14.4	Bình Thạnh
265	Ung Văn Khiêm	Trọng Đường		22	Bình Thạnh
266	Vạn Kiếp	Trọng Đường		19	Bình Thạnh
267	Võ Duy Ninh	Trọng Đường		15.1	Bình Thạnh
268	Võ Trường Toàn	Trọng Đường		22	Bình Thạnh
269	Vũ Huy Tấn	Trọng Đường		16.8	Bình Thạnh
270	Vũ Tùng	Trọng Đường		23	Bình Thạnh
271	Xô Viết Nghệ Tĩnh	Cầu Thị Nghè	Vòng Xoay Hàng Xanh	38	Bình Thạnh
		Vòng Xoay Hàng Xanh	Đài Liệt Sĩ	27	Bình Thạnh
		Đài Liệt Sĩ	Cầu Kinh	20.6	Bình Thạnh
		Dạ Cầu Thị Nghè		13.8	Bình Thạnh
272	Phạm Văn Đồng	Trọng Đường Thuộc Địa Bàn Quận Bình Thạnh		18	Bình Thạnh
273	Trần Quang Long	Ngô Tất Tố	Phạm Viết Chánh	16.8	Bình Thạnh
274	Tân Cảng	Điện Biên Phủ	Ung Văn Khiêm	26.6	Bình Thạnh
275	Kinh Dương Vương	Mũi Tàu	Cầu An Lạc	14	Bình Tân
276	Nguyễn Thị Thập	Huỳnh Tấn Phát	Cầu Him Lam	16.3	7
277	Nguyễn Văn Linh	Huỳnh Tấn Phát	Rạch Thầy Tiêu	15.4	7

3. Khu vực 3

STT	TÊN ĐƯỜNG (Khu vực 3)	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ	QUẬN/ HUYỆN
		TỪ	ĐẾN		
1	2	3	4	5	6
1	An Dương Vương	Cảng Phú Định	Cầu Mỹ Thuận	8.6	8
2	Âu Dương Lân	Trộn Đường		14	8
3	Ba Đình	Trộn Đường		9.8	8
4	Bến Cần Giuộc	Trộn Đường		10.4	8
5	Bến Xóm Cũi	Trộn Đường		8.4	8
6	Bình Đông	Cuối Đường (Phường 11)	Cầu Chà Và	9.8	8
		Cầu Chà Và	Cầu Số 1	14.6	8
		Cầu Số 1	Cầu Vĩnh Mậu	7.2	8
7	Bùi Minh Trực	Bông Sao	Quốc Lộ 50	11.2	8
		Quốc Lộ 50	Cuối Đường	10.5	8
8	Cao Lỗ	Phạm Thế Hiển	Cuối Đường	11.2	8
9	Cao Xuân Dục	Trộn Đường		12.6	8
10	Các Đường Số Chấn Phường 4, 5	Trộn Đường		9.8	8
11	Các Đường Số Lê Phường 4, 5	Trộn Đường		8.8	8
12	Các Đường Trong Khu Dân Cư Mới Báo Thanh Niên Phường 1	Đường Lộ Giới \geq 12m		9.6	8
		Đường Lộ Giới $<$ 12m		8.4	8

STT	TÊN ĐƯỜNG (Khu vực 3)	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ	QUẬN/ HUYỆN
		TỪ	ĐẾN		
13	Các Đường Trong Khu Dân Cư Mới Phường 4	Đường Lộ Giới \geq 12m		9.6	8
		Đường Lộ Giới $<$ 12m		8.4	8
14	Các Đường Trong Khu Dân Cư Mới Phường 5	Đường Lộ Giới \geq 12m		11	8
		Đường Lộ Giới $<$ 12m		9.2	8
		Đường Lộ Giới $<$ 12m		3.9	8
15	Dạ Nam	Trộn Đường		12.6	8
16	Dã Tượng	Trộn Đường		10.6	8
17	Dương Bá Trạc	Phạm Thế Hiển	Cầu Sông Xáng	25.8	8
		Trường Rạch Ông	Cảng Phường 1	15.4	8
18	Đặng Chất	Trộn Đường		14.3	8
19	Đào Cam Mộc	Trộn Đường		9.8	8
20	Đại Lộ Võ Văn Kiệt (Đại Lộ Đông Tây Cũ)	Trộn Đường		12.6	8
21	Đình Hòa	Trộn Đường		12.6	8
22	Đông Hồ (Đường Số 11)	Trộn Đường		10.1	8



STT	TÊN ĐƯỜNG (Khu vực 3)	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ	QUẬN/ HUYỆN
		TỪ	ĐẾN		
23	Dương Quang Đông (Đường Số 1011 Phạm Thế Hiển Cũ)	Phạm Thế Hiển	Đường Số 394 Tạ Quang Bửu	13.6	8
24	Dương Bạch Mai (Đường Số 1107 Phạm Thế Hiển Cũ)	Phạm Thế Hiển	Đường Số 394 Tạ Quang Bửu	11	8
25	Hoàng Minh Đạo	Trộn Đường		11	8
26	Hưng Phú	Trộn Đường		14.6	8
27	Huỳnh Thị Phụng	Trộn Đường		10.4	8
28	Lương Ngọc Quyển	Trộn Đường		10.6	8
29	Nguyễn Chế Nghĩa	Trộn Đường		12.6	8
30	Nguyễn Quyền	Trộn Đường		10.2	8
31	Nguyễn Thị Thập	Trộn Đường		11.2	8
32	Nguyễn Thị Tần	Trộn Đường		19.8	8
33	Nguyễn Văn Cù	Trộn Đường		12.2	8
34	Phạm Hùng (P4, P5)	Phạm Thế Hiển	Chân Cầu Chánh Hưng	12.8	8
		Chân Cầu Chánh Hưng	Ranh Huyện Bình Chánh	25.8	8
35	Phạm Hùng (P9, P10)	Ba Đình	Hưng Phú	12.8	8
36	Phạm Thế Hiển	Cầu Rạch Ông	Cầu Nhị Thiên Đường	13.6	8

STT	TÊN ĐƯỜNG (Khu vực 3)	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ	QUẬN/ HUYỆN
		TỪ	ĐẾN		
		Cầu Nhị Thiên Đường	Cầu Bà Tăng	12	8
37	Phong Phú	Trộn Đường		12.6	8
38	Quốc Lộ 50	Phạm Thế Hiển	Chân Cầu Nhị Thiên Đường	9.8	8
		Chân Cầu Nhị Thiên Đường	Ranh Huyện Bình Chánh	16.4	8
39	Tạ Quang Bửu	Cảng Phường 1	Dương Bá Trạc	11.2	8
		Dương Bá Trạc	Âu Dương Lân	11.2	8
		Âu Dương Lân	Phạm Hùng	11.2	8
		Phạm Hùng	Bông Sao	16.2	8
		Bông Sao	Quốc Lộ 50	14.6	8
		Quốc Lộ 50	Rạch Bà Tăng	9.8	8
40	Trần Nguyên Hân	Trộn Đường		12.2	8
41	Trần Văn Thành	Trộn Đường		9.2	8
42	Tùng Thiện Vương	Cầu Nhị Thiên Đường (2 Bên Hồng Cầu)	Nguyễn Văn Cù	9.9	8
		Nguyễn Văn Cù	Đình Hòa	18.2	8
		Đình Hòa	Cuối Đường	12.6	8
43	Tuy Lý Vương	Trộn Đường		12.6	8
44	Ưu Long	Trộn Đường		10.2	8
45	Vạn Kiếp	Trộn Đường		12.1	8
46	Vĩnh Nam	Trộn Đường		10.2	8
47	Võ Trứ	Trộn Đường		10.2	8
48	Bùi Điền (Đường Số 8 Cũ)	Hồ Thành Biên	Cuối Tuyến (Cát Qua)	9.8	8

STT	TÊN ĐƯỜNG (Khu vực 3)	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ	QUẬN/ HUYỆN
		TỪ	ĐẾN		
			Đường Phạm Hùng)		
49	Châu Thị Hóa (Đường Số 198 Cao Lỗ Cũ)	Đường Số 783 Tạ Quang Bửu	Cao Lỗ	9.8	8
50	Đặng Thúc Liên (Đường Số 10 Cũ)	Đỗ Ngọc Quang	Cuối Tuyến (Cắt Qua Đường Phạm Hùng)	9.8	8
51	Đỗ Ngọc Quang (Đường Số 23 Cũ)	Phạm Thế Hiển	Hồ Thành Biên	8.8	8
52	Hồ Thành Biên (Đường Số 16 Cũ)	Phạm Hùng	Rạch Du	9.8	8
53	Hoàng Kim Giao (Đường Số 332 Phạm Hùng Cũ)	Phạm Hùng	Dương Bạch Mai	9.6	8
54	Lê Ninh (Đường Số 4 Cũ)	Huỳnh Thị Phụng	Đường Số 31	9.8	8
55	Lê Quyên (Đường Số 12 Cũ)	Dương Quang Đông	Đông Hồ	9.8	8
56	Nguyễn Đức Ngữ (Đường Số 2 Cũ)	Đường Số 31	Đông Hồ	9.8	8
57	Nguyễn Thị Mười (Đường Số 204 Cao Lỗ Cũ)	Đường Số 783 Tạ Quang Bửu	Cao Lỗ	9.6	8

STT	TÊN ĐƯỜNG (Khu vực 3)	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ	QUẬN/ HUYỆN
		TỪ	ĐẾN		
58	Phạm Nhữ Tăng (Đường Số 643 Tạ Quang Bửu Cũ)	Tạ Quang Bửu	Trần Thị Ngôi	9.6	8
59	Phạm Thị Tánh (Đường Số 152 Cao Lỗ Cũ)	Đường Số 783 Tạ Quang Bửu	Cao Lỗ	9.6	8
60	Tám Danh (Đường Số 13 Cũ)	Bùi Điền	Hẻm Lô Đường Phạm Hùng (Cắt Qua Đường Tạ Quang Bửu)	8.8	8
61	Trần Thị Nơ (Đường Số 130 Cao Lỗ Cũ)	Đường Số 715 Tạ Quang Bửu	Cao Lỗ	9.6	8
62	Trần Thị Ngôi (Đường Số 284 Cao Lỗ Cũ)	Đường Số 715 Tạ Quang Bửu	Cao Lỗ	9.6	8
63	Thanh Loan (Đường Số 318 Phạm Hùng Cũ)	Phạm Hùng	Dương Quang Đông	9.6	8
64	Võ Liêm Sơn (Đường Số 715 Tạ Quang Bửu Cũ)	Tạ Quang Bửu	Trần Thị Ngôi	9.6	8
65	Lê Văn Việt	Ngã Tư Thủ Đức	Ngã Ba Lã Xuân Oai	13.5	9
		Ngã Ba Lã Xuân Oai	Cầu Bến Nọc	9	9
66	Trương Chính	Cầu Tham Lương	Ngã Tư An Sương	8.75	12

STT	TÊN ĐƯỜNG (Khu vực 3)	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ	QUẬN/ HUYỆN
		TỪ	ĐẾN		
67	Âu Cơ	Trọng Đường		15	Tân Phú
68	Bác Ái	Nguyễn Xuân Khoát	Cuối Đường (Hết Nhà Số 98 Đường Bác Ái)	9.4	Tân Phú
69	Bình Long	Trọng Đường		9.6	Tân Phú
70	Bùi Cầm Hồ	Lũy Bán Bích	Kênh Tân Hóa	9.7	Tân Phú
71	Cầu Xéo	Trọng Đường		10.4	Tân Phú
72	Cách Mạng	Lũy Bán Bích	Nguyễn Xuân Khoát	10.8	Tân Phú
73	Chân Lý	Độc Lập	Nguyễn Trường Tộ	9.4	Tân Phú
74	Chế Lan Viên	Trường Chinh	Cuối Đường	9.6	Tân Phú
75	Chu Thiên	Nguyễn Mỹ Ca	Tô Hiệu	9.4	Tân Phú
76	Chu Văn An	Nguyễn Xuân Khoát	Cuối Đường	9.4	Tân Phú
77	Cộng Hòa 3	Phan Đình Phùng	Nguyễn Văn Huyền	8.6	Tân Phú
78	Dân Chủ	Phan Đình Phùng	Nguyễn Xuân Khoát	9.4	Tân Phú
79	Dân Tộc	Trọng Đường		10.8	Tân Phú
80	Dương Khuê	Lũy Bán Bích	Tô Hiệu	10.2	Tân Phú
81	Dương Đức Hiền	Lê Trọng Tấn	Chế Lan Viên	9.6	Tân Phú
82	Dương Văn Dương	Tân Kỳ Tân Quý	Đỗ Thừa Luông	10	Tân Phú
83	Diệp Minh Châu	Tân Sơn Nhì	Trương Vĩnh Ký	10.8	Tân Phú
84	Đàm Thận Huy	Trọng Đường		9.4	Tân Phú
85	Đình Liệt	Trọng Đường		9.7	Tân Phú

STT	TÊN ĐƯỜNG (Khu vực 3)	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ	QUẬN/ HUYỆN
		TỪ	ĐẾN		
86	Đoàn Kết	Nguyễn Xuân Khoát	Diệp Minh Châu	9.4	Tân Phú
87	Đỗ Bí	Trọng Đường		9.4	Tân Phú
88	Đỗ Đức Dục	Trọng Đường		10	Tân Phú
89	Đỗ Thừa Luông	Trọng Đường		10.4	Tân Phú
90	Đỗ Thừa Tự	Trọng Đường		9.4	Tân Phú
91	Đỗ Nhuận	Lê Trọng Tấn	Cuối Hẻm Số 01 Sơn Kỳ	8.6	Tân Phú
92	Độc Lập	Trọng Đường		12	Tân Phú
93	Đường Cn1	Đường Kênh 19/5	Lê Trọng Tấn	11	Tân Phú
94	Đường Cn6	Đường Cn1	Đường Cn11	9.6	Tân Phú
95	Đường Cn11	Đường Cn1	Tây Thạnh	8.8	Tân Phú
96	Đường 30/4	Trọng Đường		9.4	Tân Phú
97	Đường Bờ Bao Tân Thắng	Bình Long	Đường Kênh 19/5	9.4	Tân Phú
98	Đường Cây Keo	Lũy Bán Bích	Tô Hiệu	10.8	Tân Phú
99	Gò Dầu	Trọng Đường		12	Tân Phú
100	Hàn Mặc Tử	Thống Nhất	Nguyễn Trường Tộ	9.4	Tân Phú
101	Hiền Vương	Văn Cao	Phan Văn Năm	10.8	Tân Phú
		Phan Văn Năm	Cuối Đường	7.2	Tân Phú
102	Hồ Đắc Di	Trọng Đường		9.4	Tân Phú
103	Hồ Ngọc Cẩn	Trần Hưng Đạo	Thống Nhất	9.4	Tân Phú
104	Hoa Bằng	Nguyễn Cửu Đàm	Cuối Đường	9.4	Tân Phú
105	Hòa Bình	Khuông Việt	Lũy Bán Bích	16.8	Tân Phú
		Lũy Bán Bích	Ngã Tư 4 Xã	12	Tân Phú

STT	TÊN ĐƯỜNG (Khu vực 3)	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ	QUẬN/ HUYỆN
		TỪ	ĐẾN		
106	Hoàng Ngọc Phách	Nguyễn Sơn	Lê Thúc Hoạch	10	Tân Phú
107	Hoàng Thiều Hoa	Thạch Lam	Hòa Bình	10.2	Tân Phú
108	Hoàng Xuân Nhị	Âu Cơ	Khuông Việt	10.8	Tân Phú
109	Huỳnh Văn Chính	Khuông Việt	Chung Cư Huỳnh Văn Chính 1	10.8	Tân Phú
110	Huỳnh Văn Một	Lũy Bán Bích	Tô Hiệu	9.4	Tân Phú
111	Huỳnh Thiện Lộc	Lũy Bán Bích	Kênh Tân Hoá	9.6	Tân Phú
112	Ích Thiện	Phố Chợ	Nguyễn Trường Tộ	9.4	Tân Phú
113	Khuông Việt	Âu Cơ	Hòa Bình	10.8	Tân Phú
114	Lê Cao Lãng	Trọng Đường		9.3	Tân Phú
115	Lê Cảnh Tuân	Trọng Đường		9.4	Tân Phú
116	Lê Khôi	Trọng Đường		10	Tân Phú
117	Lê Lâm	Trọng Đường		10	Tân Phú
118	Lê Lãng	Trọng Đường		9.4	Tân Phú
119	Lê Liễu	Trọng Đường		8.7	Tân Phú
120	Lê Lư	Trọng Đường		10	Tân Phú
121	Lê Lộ	Trọng Đường		10	Tân Phú
122	Lê Đại	Trọng Đường		9.4	Tân Phú
123	Lê Ngã	Trọng Đường		10.8	Tân Phú
124	Lê Niệm	Trọng Đường		10	Tân Phú
125	Lê Quang Chiêu	Trọng Đường		10	Tân Phú
126	Lê Quốc Trinh	Trọng Đường		9	Tân Phú
127	Lê Sao	Trọng Đường		9.1	Tân Phú

STT	TÊN ĐƯỜNG (Khu vực 3)	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ	QUẬN/ HUYỆN
		TỪ	ĐẾN		
128	Lê Sát	Trọng Đường		9.5	Tân Phú
129	Lê Thiệt	Trọng Đường		10	Tân Phú
130	Lê Thúc Hoạch	Trọng Đường		12	Tân Phú
131	Lê Trọng Tấn	Trọng Đường		10	Tân Phú
132	Lê Văn Phan	Trọng Đường		10	Tân Phú
133	Lương Minh Nguyệt	Trọng Đường		10.8	Tân Phú
134	Lương Đắc Bằng	Trọng Đường		9.4	Tân Phú
135	Lương Thế Vinh	Trọng Đường		10.8	Tân Phú
136	Lương Trúc Đàm	Trọng Đường		10.8	Tân Phú
137	Lũy Bán Bích	Trọng Đường		15.6	Tân Phú
138	Lý Thái Tông	Trọng Đường		10.2	Tân Phú
139	Lý Thánh Tông	Trọng Đường		9.4	Tân Phú
140	Ngô Quyền	Trọng Đường		9.4	Tân Phú
141	Nguyễn Bá Tông	Trọng Đường		9.9	Tân Phú
142	Nguyễn Chích	Trọng Đường		10	Tân Phú
143	Nguyễn Cửu Đàm	Trọng Đường		10.8	Tân Phú
144	Nguyễn Hậu	Trọng Đường		10.8	Tân Phú
145	Nguyễn Hữu Dật	Trọng Đường		8.6	Tân Phú
146	Nguyễn Hữu Tiên	Trọng Đường		7.2	Tân Phú
147	Nguyễn Lộ Trạch	Trọng Đường		7.2	Tân Phú
148	Nguyễn Lý	Trọng Đường		10	Tân Phú

STT	TÊN ĐƯỜNG (Khu vực 3)	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ	QUẬN/ HUYỆN
		TỪ	ĐẾN		
149	Nguyễn Minh Châu	Âu Cơ	Hẻm 25 Nguyễn Minh Châu	10.2	Tân Phú
150	Nguyễn Mỹ Ca	Đường Cây Keo	Trần Quang Quá	9.4	Tân Phú
151	Nguyễn Nhữ Lâm	Nguyễn Sơn	Phú Thọ Hòa	10	Tân Phú
152	Nguyễn Sơn	Trọng Đường		12.8	Tân Phú
153	Nguyễn Suý	Trọng Đường		10.4	Tân Phú
154	Nguyễn Thái Học	Trọng Đường		10.7	Tân Phú
155	Nguyễn Thế Truyền	Trương Vĩnh Ký	Cuối Đường	9.4	Tân Phú
156	Nguyễn Trường Tô	Trọng Đường		11.6	Tân Phú
157	Nguyễn Văn Dững	Trọng Đường		7.2	Tân Phú
158	Nguyễn Văn Huyền	Trọng Đường		9.4	Tân Phú
159	Nguyễn Văn Ngọc	Trọng Đường		9.9	Tân Phú
160	Nguyễn Văn Sáng	Trọng Đường		10.8	Tân Phú
161	Nguyễn Văn Tố	Trọng Đường		10.8	Tân Phú
162	Nguyễn Xuân Khoát	Trọng Đường		10.8	Tân Phú
163	Phạm Văn	Trọng Đường		9.4	Tân Phú
164	Phạm Văn Xảo	Trọng Đường		10	Tân Phú
165	Phan Anh	Trọng Đường		9.6	Tân Phú
166	Phan Chu Trinh	Trọng Đường		9.4	Tân Phú
167	Phan Đình Phùng	Trọng Đường		10.8	Tân Phú

STT	TÊN ĐƯỜNG (Khu vực 3)	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ	QUẬN/ HUYỆN
		TỪ	ĐẾN		
168	Phan Văn Năm	Trọng Đường		9.4	Tân Phú
169	Phố Chợ	Trọng Đường		9.4	Tân Phú
170	Phú Thọ Hòa	Trọng Đường		12	Tân Phú
171	Quách Đình Bảo	Trọng Đường		10	Tân Phú
172	Quách Vũ	Trọng Đường		10.2	Tân Phú
173	Sơn Kỳ	Trọng Đường		9.4	Tân Phú
174	Tân Hương	Trọng Đường		10.8	Tân Phú
175	Tân Kỳ Tân Quý	Trọng Đường		10	Tân Phú
176	Tân Sơn Nhi	Trọng Đường		12.8	Tân Phú
177	Tân Thành	Trọng Đường		12	Tân Phú
178	Tây Thạnh	Trọng Đường		9.6	Tân Phú
179	Thâm Mỹ	Trọng Đường		9.4	Tân Phú
180	Thạch Lam	Trọng Đường		11.6	Tân Phú
181	Thành Công	Trọng Đường		11.6	Tân Phú
182	Thoại Ngọc Hầu	Âu Cơ	Lũy Bán Bích	12	Tân Phú
		Lũy Bán Bích	Phan Anh	9.6	Tân Phú
183	Thống Nhất	Trọng Đường		12	Tân Phú
184	Tô Hiệu	Trọng Đường		10.8	Tân Phú
185	Tự Do 1	Trọng Đường		9.4	Tân Phú
186	Tự Quyết	Nguyễn Xuân Khoát	Cuối Đường	9.4	Tân Phú
187	Trần Hưng Đạo	Trọng Đường		13.2	Tân Phú
188	Trần Quang Cơ	Trọng Đường		10	Tân Phú
189	Trần Tấn	Trọng Đường		9.6	Tân Phú
190	Trần Thủ Độ	Văn Cao	Phan Văn Năm	10	Tân Phú
191	Trần Văn Ơn	Trọng Đường		9.4	Tân Phú

STT	TÊN ĐƯỜNG (Khu vực 3)	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ	QUẬN/ HUYỆN
		TỪ	ĐẾN		
192	Trịnh Đình Thảo	Trọng Đường		9.6	Tân Phú
193	Trịnh Đình Trọng	Trọng Đường		9.6	Tân Phú
194	Trương Vĩnh Ký	Trọng Đường		12.2	Tân Phú
195	Trương Văn Lĩnh	Trương Vĩnh Ký	Dân Tộc	8.6	Tân Phú
196	Trương Chinh	Trọng Đường		15.6	Tân Phú
197	Văn Cao	Trọng Đường		10	Tân Phú
198	Vạn Hạnh	Trọng Đường		9.4	Tân Phú
199	Võ Văn Dũng	Trọng Đường		10	Tân Phú
200	Vườn Lài	Trọng Đường		13.2	Tân Phú
201	Vũ Trọng Phụng	Trọng Đường		9.3	Tân Phú
202	Yên Đỗ	Trọng Đường		9.4	Tân Phú
203	Ý Lan	Trọng Đường		9.9	Tân Phú
204	Nguyễn Văn Khôi	Phạm Văn Chiêu	Lê Văn Thọ	9.2	Gò Vấp
		Lê Văn Thọ	Đường Số 8	9.2	Gò Vấp
205	Hạnh Thông	Trọng Đường		11	Gò Vấp
206	Hoàng Hoa Thám	Trọng Đường		9.9	Gò Vấp
207	Hoàng Minh Giám	Giáp Ranh Quận Phú Nhuận	Nguyễn Kiệt	18.8	Gò Vấp
208	Huỳnh Khương An	Trọng Đường		10.2	Gò Vấp
209	Lê Đức Thọ	Phan Văn Trị	Nguyễn Oanh	11.9	Gò Vấp
		Nguyễn Oanh	Thống Nhất	11.3	Gò Vấp
210	Lê Hoàng Phái	Trọng Đường		9.6	Gò Vấp
211	Lê Lai	Trọng Đường		10.4	Gò Vấp

STT	TÊN ĐƯỜNG (Khu vực 3)	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ	QUẬN/ HUYỆN
		TỪ	ĐẾN		
212	Lê Lợi	Nguyễn Văn Nghi	Lê Lai	11.5	Gò Vấp
		Lê Lai	Phạm Văn Đồng	10.7	Gò Vấp
213	Lê Quang Định	Cầu Hàng	Giáp Ranh Quận Bình Thạnh	15.2	Gò Vấp
214	Lê Thị Hồng	Trọng Đường		10.2	Gò Vấp
215	Lê Văn Thọ	Quang Trung	Phạm Văn Chiêu	9.7	Gò Vấp
		Phạm Văn Chiêu	Lê Đức Thọ	9.5	Gò Vấp
216	Lý Thường Kiệt	Trọng Đường		9.9	Gò Vấp
217	Nguyễn Du	Trọng Đường		10.4	Gò Vấp
218	Nguyễn Hồng	Lê Quang Định	Giáp Ranh Quận Bình Thạnh	11	Gò Vấp
219	Nguyễn Kiệt	Trọng Đường		18.8	Gò Vấp
220	Nguyễn Oanh	Ngã Sáu	Phan Văn Trị	19.2	Gò Vấp
		Phan Văn Trị	Lê Đức Thọ	16.8	Gò Vấp
		Lê Đức Thọ	Cầu An Lộc	14.4	Gò Vấp
221	Nguyễn Thái Sơn	Giáp Ranh Quận Tân Bình	Nguyễn Kiệt	16.8	Gò Vấp
		Nguyễn Kiệt	Phạm Ngũ Lão	18	Gò Vấp
		Phạm Ngũ Lão	Phan Văn Trị	20	Gò Vấp
		Phan Văn Trị	Dương Quảng Hàm	11.8	Gò Vấp
		Dương Quảng Hàm	Cuối Đường	11.8	Gò Vấp
222	Nguyễn Thượng Hiền	Trọng Đường		12	Gò Vấp
223	Nguyễn Tuân	Trọng Đường		9.2	Gò Vấp

STT	TÊN ĐƯỜNG (Khu vực 3)	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ	QUẬN/ HUYỆN
		TỪ	ĐẾN		
224	Nguyễn Văn Bảo	Trộn Đường		11.5	Gò Vấp
225	Nguyễn Văn Công	Trộn Đường		10.7	Gò Vấp
226	Nguyễn Văn Lượng	Thống Nhất	Nguyễn Oanh	15.4	Gò Vấp
		Nguyễn Oanh	Công Viên Văn Hóa	15.4	Gò Vấp
227	Nguyễn Văn Nghi	Trộn Đường		16.8	Gò Vấp
228	Phạm Huy Thông	Phan Văn Trị	Dương Quang Hàm	12	Gò Vấp
229	Phạm Ngũ Lão	Trộn Đường		13	Gò Vấp
230	Phạm Văn Bạch	Trộn Đường		8.8	Gò Vấp
231	Phan Huy Ích	Trộn Đường		10.2	Gò Vấp
232	Phan Văn Trị	Phạm Văn Đồng	Nguyễn Thái Sơn	18	Gò Vấp
		Nguyễn Thái Sơn	Nguyễn Oanh	15.8	Gò Vấp
		Nguyễn Oanh	Thống Nhất	13	Gò Vấp
233	Quang Trung	Ngã Sáu Gò Vấp	Lê Văn Thọ	19.4	Gò Vấp
		Lê Văn Thọ	Tân Sơn	15.6	Gò Vấp
		Tân Sơn	Chợ Cầu	13.2	Gò Vấp
234	Tân Sơn	Quang Trung	Giáp Ranh Quận Tân Bình	8.8	Gò Vấp
235	Thống Nhất	Nguyễn Văn Lượng	Lê Đức Thọ	11	Gò Vấp
		Lê Đức Thọ	Cầu Bến Phận	9.6	Gò Vấp

STT	TÊN ĐƯỜNG (Khu vực 3)	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ	QUẬN/ HUYỆN
		TỪ	ĐẾN		
		Sân Bay Tân Sơn Nhất	Nguyễn Văn Lượng	10	Gò Vấp
236	Thông Tây Hội	Trộn Đường		6.4	Gò Vấp
237	Trần Bình Trọng	Trộn Đường		9.6	Gò Vấp
238	Trần Phú Cường	Trộn Đường		10.2	Gò Vấp
239	Trần Quốc Tuấn	Trộn Đường		9.6	Gò Vấp
240	Trần Thị Nghi	Trộn Đường		11.8	Gò Vấp
241	Trung Nữ Vương	Trộn Đường		10.4	Gò Vấp
242	Phạm Văn Đồng			16.8	Gò Vấp
243	Kha Vạn Cân	Ngã Năm Chợ Thủ Đức	Cầu Ngang	17.3	Thủ Đức
244	Lê Văn Ninh	Ngã Năm Thủ Đức	Dương Văn Cam	19.5	Thủ Đức
245	Võ Văn Ngân	Kha Vạn Cân	Ngã Tư Thủ Đức	17.6	Thủ Đức
246	Xa Lộ Hà Nội (Quốc Lộ 52)	Ngã Tư Thủ Đức	Nút Giao Thông Thủ Đức (Trạm 2)	4.4	Thủ Đức
247	Các Đường Nhánh Lên Cầu Vượt Gò Dưa. Phường Tam Bình			3.22	Thủ Đức
248	Phạm Văn Đồng	Cầu Bình Lợi	Cầu Gò Dưa	12.6	Thủ Đức
		Cầu Gò Dưa	Quốc Lộ 1	10.5	Thủ Đức

4. Khu vực 4

STT	TÊN ĐƯỜNG (Khu vực 4)	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ	QUẬN/ HUYỆN
		TỪ	ĐẾN		
1	2	3	4	5	6
1	Phạm Hùng	Ranh Quận 8	Nguyễn Văn Linh	13.8	Bình Chánh
		Nguyễn Văn Linh	Cổng Đồn Ông Vinh	9	Bình Chánh
		Cổng Đồn Ông Vinh	Cách Ranh Huyện Nhà Bè 1km	6.6	Bình Chánh
				3.6	Bình Chánh
2	Đường 11a. Khu Dân Cư Him Lam 6a	Đường Số 16	Đường Số 14	10.2	Bình Chánh
3	Đường 13a. Khu Dân Cư Him Lam 6a	Đường Số 18	Đường Số 20	10.2	Bình Chánh
4	Đường Số 1. Khu Dân Cư Bình Hưng	Đường Số 2	Đường Số 24	8.2	Bình Chánh
5	Đường Số 1. Khu Dân Cư Gia Hòa	Quốc Lộ 50	Đường Số 5	5.4	Bình Chánh
6	Đường Số 1. Khu Dân Cư Trung Sơn	Đường Số 9a	Đường Số 4	10.9	Bình Chánh
7	Đường Số 1a. Khu Dân Cư Gia Hòa	Đường Số 1		5.4	Bình Chánh
8	Đường Số 1. Khu Tái Định Cư Tân Túc	Nguyễn Hữu Trí	Đường Số 6	4.5	Bình Chánh
9	Đường Số 1a. Khu Dân Cư Trung Sơn	Đường Số 1	Đường Số 1	10	Bình Chánh

STT	TÊN ĐƯỜNG (Khu vực 4)	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ	QUẬN/ HUYỆN
		TỪ	ĐẾN		
10	Đường Số 1b. Khu Dân Cư Trung Sơn	Đường Số 6	Đường Số 1c	10	Bình Chánh
11	Đường Số 1c. Khu Dân Cư Trung Sơn	Đường Số 7	Đường Số 4a	10	Bình Chánh
12	Đường Số 1d. Khu Dân Cư Trung Sơn	Đường Số 6d	Đường Số 6a	10	Bình Chánh
13	Đường Số 1e. Khu Dân Cư Trung Sơn	Đường Số 8a	Đường Số 7	10	Bình Chánh
14	Đường Số 1f. Khu Dân Cư Trung Sơn	Trộn Đường		10	Bình Chánh
15	Đường Số 2. Khu Dân Cư Bình Hưng	Đường Số 1	Đường Số 21	5.8	Bình Chánh
16	Đường Số 2. Khu Dân Cư Gia Hòa	Đường Số 1a	Đường Số 5	5.9	Bình Chánh
17	Đường Số 2. Khu Dân Cư Trung Sơn	Đường 9 A	Đường Số 4	10.6	Bình Chánh
18	Đường Số 2. Khu Tái Định Cư Tân Túc	Đường Số 5	Cuối Đường	4.5	Bình Chánh
19	Đường Số 2a. Khu Dân Cư Trung Sơn	Đường Số 2	Đường Số 2	10	Bình Chánh
20	Đường Số 2b. Khu Dân Cư Trung Sơn	Đường Số 2	Đường Số 2	9.2	Bình Chánh

STT	TÊN ĐƯỜNG (Khu vực 4)	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ	QUẬN/ HUYỆN
		TỪ	ĐẾN		
21	Đường Số 3. Khu Dân Cư Bình Hưng	Đường Số 8	Đường 4	5.7	Bình Chánh
22	Đường Số 3. Khu Dân Cư Trung Sơn	Đường Số 4	Đường Số 12	13.3	Bình Chánh
23	Đường Số 4. Khu Dân Cư Bình Hưng	Đường Số 1	Đường Số 7	5.8	Bình Chánh
24	Đường Số 4. Khu Dân Cư Trung Sơn	Trộn Đường		13.5	Bình Chánh
25	Đường Số 4a. Khu Dân Cư Trung Sơn	Đường Số 3	Đường 1b	12.6	Bình Chánh
26	Đường Số 5. Khu Dân Cư Bình Hưng	Đường Số 8	Đường Số 4	7.3	Bình Chánh
27	Đường Số 5. Khu Dân Cư Him Lam 6b	Đường Số 6	Phạm Hùng	11.7	Bình Chánh
28	Đường Số 5. Khu Dân Cư Trung Sơn	Đường Số 7	Đường Số 1e	11.1	Bình Chánh
29	Đường Số 5 A.B.C. Khu Dân Cư Bình Hưng	Đường Số 6	Đường Số 4	5.8	Bình Chánh
30	Đường Số 5a. Khu Dân Cư Trung Sơn	Đường Số 6	Đường Số 4	9.2	Bình Chánh
31	Đường Số 5b. Khu Dân Cư Trung Sơn	Đường Số 8c	Đường Số 8	9.2	Bình Chánh

STT	TÊN ĐƯỜNG (Khu vực 4)	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ	QUẬN/ HUYỆN
		TỪ	ĐẾN		
32	Đường Số 5c. Khu Dân Cư Trung Sơn	Đường Số 1e	Đường Số 10a	9.2	Bình Chánh
33	Đường Số 6. Khu Dân Cư Bình Hưng	Đường Số 5	Đường Số 21	5.8	Bình Chánh
34	Đường Số 6. Khu Dân Cư Gia Hòa	Đường Số 1a	Đường Số 5	4.1	Bình Chánh
35	Đường Số 6. Khu Dân Cư Him Lam	Trộn Đường		9.6	Bình Chánh
36	Đường Số 6. Khu Dân Cư Trung Sơn	Đường Số 9a	Đường Số 1	13.3	Bình Chánh
37	Đường Số 6a. Khu Dân Cư Trung Sơn	Đường Số 1a	Đường Số 3	10.5	Bình Chánh
38	Đường Số 6b. Khu Dân Cư Trung Sơn	Đường Số 5	Đường Số 7	10.5	Bình Chánh
39	Đường Số 6c. Khu Dân Cư Trung Sơn	Đường Số 5	Đường Số 7	10.5	Bình Chánh
40	Đường Số 6d. Khu Dân Cư Trung Sơn	Đường Số 1a	Đường Số 3	10.5	Bình Chánh
41	Đường Số 7. Khu Dân Cư Bình Hưng	Đường Số 10	Đường Số 2	6.3	Bình Chánh
42	Đường Số 7. Khu Dân Cư Trung Sơn	Đường Số 12	Đường Số 1c	13	Bình Chánh

STT	TÊN ĐƯỜNG (Khu vực 4)	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ	QUẬN/ HUYỆN
		TỪ	ĐẾN		
43	Đường Số 7a. Khu Dân Cư Trung Sơn	Đường Số 9a	Nguyễn Văn Linh	9.2	Bình Chánh
44	Đường Số 8. Khu Dân Cư Bình Hưng	Đường Số 1	Đường Số 19	6.3	Bình Chánh
45	Đường Số 8. Khu Dân Cư Trung Sơn	Đường Số 12	Đường Số 9a	15.6	Bình Chánh
46	Đường Số 8. Khu Tái Định Cư Tân Túc	Đường Số 3	Đường Số 1	4.5	Bình Chánh
47	Đường Số 8a. Khu Dân Cư Trung Sơn	Đường Số 12	Đường Số 3	10.5	Bình Chánh
48	Đường Số 8b. Khu Dân Cư Trung Sơn	Đường Số 1e	Đường Số 1f	10.5	Bình Chánh
49	Đường Số 8c. Khu Dân Cư Trung Sơn	Đường Số 7	Đường Số 5	10.5	Bình Chánh
50	Đường Số 9. Khu Dân Cư Bình Hưng	Đường Số 10	Đường Số 24	6.7	Bình Chánh
51	Đường Số 9. Khu Dân Cư Him Lam 6b	Đường Số 6	Phạm Hùng	11.7	Bình Chánh
52	Đường Số 9. Khu Dân Cư Trung Sơn	Đường Số 4	Đường Số 10	10.9	Bình Chánh
53	Đường Số 9a. Khu Dân Cư Trung Sơn	Nguyễn Văn Linh	Cầu Kênh Xáng	16	Bình Chánh

STT	TÊN ĐƯỜNG (Khu vực 4)	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ	QUẬN/ HUYỆN
		TỪ	ĐẾN		
54	Đường Số 10. Khu Dân Cư Bình Hưng	Quốc Lộ 50	Ranh Xã Phong Phú	12.1	Bình Chánh
55	Đường Số 10. Khu Dân Cư Trung Sơn	Đường Số 9a	Đường Số 3	12.8	Bình Chánh
56	Đường Số 10. Khu Tái Định Cư Tân Túc	Đường Số 3	Đường Số 1	4.5	Bình Chánh
57	Đường Số 10a. Khu Dân Cư Trung Sơn	Đường Số 5	Đường Số 7	12	Bình Chánh
58	Đường Số 10b. Khu Dân Cư Trung Sơn	Đường Số 9a	Đường Số 1	12	Bình Chánh
59	Đường Số 11. Khu Dân Cư Bình Hưng	Đường Số 10	Đường Số 24	6.6	Bình Chánh
60	Đường Số 11. Khu Dân Cư Him Lam 6a	Nguyễn Văn Linh	Đường Số 14	13.8	Bình Chánh
61	Đường Số 12. Khu Dân Cư Bình Hưng	Đường Số 11	Đường Số 19	5.7	Bình Chánh
62	Đường Số 12. Khu Dân Cư Gia Hòa	Đường Số 3	Đường Số 5	4.7	Bình Chánh
63	Đường Số 13. Khu Dân Cư Bình Hưng	Đường Số 24	Đường Số 14	5.8	Bình Chánh
64	Đường Số 13. Khu Dân Cư Him Lam 6a	Đường Số 14	Đường Số 24	12	Bình Chánh

STT	TÊN ĐƯỜNG (Khu vực 4)	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ	QUẬN/ HUYỆN
		TỪ	ĐẾN		
65	Đường Số 14. Khu Dân Cư Bình Hưng	Đường Số 1	Đường Số 15	7.1	Bình Chánh
66	Đường Số 14. Khu Dân Cư Him Lam 6a	Đường Số 11	Đường Số 15	11.5	Bình Chánh
67	Đường Số 15. Khu Dân Cư Bình Hưng	Đường Số 10	Đường Số 18	5.7	Bình Chánh
68	Đường Số 15. Khu Dân Cư Him Lam 6a	Đường Số 26	Đường Số 14	9.2	Bình Chánh
69	Đường Số 16. Khu Dân Cư Bình Hưng	Đường Số 21	Đường Số 13	5.7	Bình Chánh
70	Đường Số 16. Khu Dân Cư Him Lam 6a	Đường Số 11	Đường Số 15	12	Bình Chánh
71	Đường Số 17. Khu Dân Cư Bình Hưng	Đường Số 22	Đường Số 12	5.8	Bình Chánh
72	Đường Số 18. Khu Dân Cư Bình Hưng	Đường Số 1	Đường Số 19	7.2	Bình Chánh
73	Đường Số 18. Khu Dân Cư Him Lam 6a	Đường Số 11	Đường Số 15	12	Bình Chánh
74	Đường Số 19. Khu Dân Cư Bình Hưng	Đường Số 2	Đường Số 22	7.7	Bình Chánh
75	Đường Số 20. Khu Dân Cư Bình Hưng	Đường Số 13	Đường Số 17	5.8	Bình Chánh

STT	TÊN ĐƯỜNG (Khu vực 4)	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ	QUẬN/ HUYỆN
		TỪ	ĐẾN		
76	Đường Số 20. Khu Dân Cư Him Lam 6a	Đường Số 11	Đường Số 15	11.5	Bình Chánh
77	Đường Số 21. Khu Dân Cư Bình Hưng	Đường Số 2	Đường Số 22	7.1	Bình Chánh
78	Đường Số 22. Khu Dân Cư Bình Hưng	Đường Số 21	Đường Số 1	5.8	Bình Chánh
79	Đường Số 22. Khu Dân Cư Him Lam 6a	Đường Số 11	Đường Số 15	13.2	Bình Chánh
80	Đường Số 24. Khu Dân Cư Bình Hưng	Trộn Đường		5.7	Bình Chánh
81	Đường Số 24. Khu Dân Cư Him Lam 6a	Đường Số 11	Đường Số 15	11.7	Bình Chánh
82	Đường Số 26. Khu Dân Cư Him Lam 6a	Đường Số 11	Đường Số 15	12	Bình Chánh
83	Nguyễn Thị Tú	Vĩnh Lộc	Ranh Quận Bình Tân	4.4	Bình Chánh
84	Nguyễn Văn Linh	Ranh Quận 7	Cao Tốc Sài Gòn - Trung Lương	6.8	Bình Chánh
85	Quốc Lộ 1	Ranh Quận Bình Tân	Cầu Bình Điền	6.2	Bình Chánh
		Cầu Bình Điền	Ngã Ba Quán Chuối	4.7	Bình Chánh
				4	Bình Chánh
				3.7	Bình Chánh
86	Quốc Lộ 50	Ranh Quận 8	Nguyễn Văn Linh	10.8	Bình Chánh

STT	TÊN ĐƯỜNG (Khu vực 4)	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ	QUẬN/ HUYỆN
		TỪ	ĐẾN		
		Nguyễn Văn Linh	Hết Ranh Xã Phong Phú	7.8	Bình Chánh
		Hết Ranh Xã Phong Phú	Hết Ranh Xã Đa Phước	6.3	Bình Chánh
		Hết Ranh Xã Đa Phước	Cầu Ông Thìn	4.5	Bình Chánh
				3.5	Bình Chánh
87	Trần Đại Nghĩa	Quốc Lộ 1	Cầu Kinh B	4.7	Bình Chánh
				1.7	Bình Chánh
				1.7	Bình Chánh
88	Các Đường Trong Khu Dân Cư Conic	Đường Số 12 (Vành Đai Trong Đến Rạch Bà Tàng)		5.3	Bình Chánh
		Đường Số 3a (Đường Số 8 Đến Đường Số 12)		5.3	Bình Chánh
		Đường Số 3b (Đường Số 12 Đến Đường Số 18)		5.3	Bình Chánh
		Đường Số 1 (Nguyễn Văn Linh Đến Rạch Bà Tàng)		6	Bình Chánh
		Đường Số 7 (Nguyễn Văn Linh Đến Đường Số A)		6	Bình Chánh
		Đường Số 7f (Đường Số 8 Đến Đường Số 12)		6	Bình Chánh

STT	TÊN ĐƯỜNG (Khu vực 4)	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ	QUẬN/ HUYỆN
		TỪ	ĐẾN		
		Đường Số 2 (Đường Số 3 Đến Đường Số)		5	Bình Chánh
		Đường Số 4 (Đường Số 9 Đến Đường Số 11)		5	Bình Chánh
		Đường Số 5 (Đường Số 2 Đến Đường 3a)		5	Bình Chánh
		Đường Số 8 (Vành Đai Trong Đến Đường Số 11)		5	Bình Chánh
		Đường Số 8a (Đường Số 9 Đến Đường Số 11)		5	Bình Chánh
		Đường Số 9 (Đường Số 2 Đến Đường Số 10)		5	Bình Chánh
		Đường Số 10 (Vành Đai Trong Đến Đường Số 11)		5	Bình Chánh
		Đường Số 11 (Đường Số 6 Đến Đường Số 10)		5	Bình Chánh
		Đường Số 12a (Đường Số 3b Đến Đường Số 7)		5	Bình Chánh
		Đường Số 14 (Vành Đai Trong Đến Đường Số 7)		5	Bình Chánh

STT	TÊN ĐƯỜNG (Khu vực 4)	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ	QUẬN/ HUYỆN
		TỪ	ĐẾN		
		Đường Số 16 (Vành Đai Trong Đến Đường Số 7)		5	Bình Chánh
89	Các Đường Trong Khu Dân Cư Tân Bình	Đường Số 1 (Nguyễn Văn Linh Đến Vành Đai Trong)		5.3	Bình Chánh
		Đường Số 1a (Nguyễn Văn Linh Đến Đường Số 1)		5.3	Bình Chánh
		Đường Số 1b (Đường Số 8 Đến Đường Số 10)		5.3	Bình Chánh
		Đường Số 1c (Đường Số 14 Đến Cuối Đường)		5.3	Bình Chánh
		Đường Số 1d (Đường Số 14 Đến Đường Số 16)		5.3	Bình Chánh
		Đường Số 1e (Đường Số 18 Đến Cuối Đường)		5.3	Bình Chánh
		Đường Số 2 (Đường Số 1 Đến Đường 3a)		5.3	Bình Chánh
		Đường Số 3 (Đường Số 1 Đến Đường 6)		5.3	Bình Chánh
		Đường Số 3a (Đường Số 2. Số 4 Đến Đường Số 10)		5.3	Bình Chánh

STT	TÊN ĐƯỜNG (Khu vực 4)	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ	QUẬN/ HUYỆN
		TỪ	ĐẾN		
		Đường Số 3b (Đường Số 14 Đến Đường Số 16)		5.3	Bình Chánh
		Đường Số 3c (Đường Số 1 Đến Đường Số 18)		5.3	Bình Chánh
		Đường Số 4 (Đường Số 1 Đến Đường 3a)		5.3	Bình Chánh
		Đường Số 6 (Đường Số 1 Đến Vành Đai Trong)		5.3	Bình Chánh
		Đường Số 6a (Đường Số 1 Đến Đường Số 3)		5.3	Bình Chánh
		Đường Số 8 (Đường Số 1 Đến Vành Đai Trong)		5.3	Bình Chánh
		Đường Số 10 (Đường Số 1 Đến Vành Đai Trong)		5.3	Bình Chánh
		Đường Số 12 (Đường Số 1 Đến Vành Đai Trong)		5.3	Bình Chánh
		Đường Số 16 (Đường Số 1 Đến Vành Đai Trong)		5.3	Bình Chánh
		Đường Số 14 (Đường Số 1 Đến Vành Đai Trong)		5.3	Bình Chánh
		Đường Số 18 (Đường Số 1 Đến Vành Đai Trong)		5.3	Bình Chánh

STT	TÊN ĐƯỜNG (Khu vực 4)	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ	QUẬN/ HUYỆN
		TỪ	ĐẾN		
90	Đường Vành Đai Trong	Đường Vành Đai Trong (Nguyễn Văn Linh Đến Đường Số 1)		6	Bình Chánh
91	Đường Ông Niệm (Xã Phong Phú)	Quốc Lộ 50	Cầu Ông Niệm	5.46	Bình Chánh
92	Đường Xương Cá 1 (Xã Phong Phú)	Quốc Lộ 50	Thửa 48 Tờ 77 (Bđdc)	5.46	Bình Chánh
93	Đường Xương Cá 2 (Xã Phong Phú)	Quốc Lộ 50	Thửa 81 Tờ 84 (Bđdc)	5.46	Bình Chánh
94	Hèm Huy Phong (Xã Phong Phú)	Quốc Lộ 50	Cụt	5.46	Bình Chánh
95	Hèm Văn Phòng Ấp 5 (Xã Phong Phú)	Quốc Lộ 50	Cụt	5.46	Bình Chánh
96	Hèm Thành Nhân (Xã Phong Phú)	Quốc Lộ 50	Cụt	5.46	Bình Chánh
97	Nguyễn Anh Thủ				Hóc Môn
		Quốc Lộ 22 (Ngã Tư Trung Chánh)	Tô Ký	6.26	Hóc Môn
					Hóc Môn
98	Quang Trung	Lý Thường Kiệt	Ngã Ba Chùa (Tỉnh Lộ 15)	6.49	Hóc Môn
99	Quốc Lộ 22 (Quốc Lộ 1)	Cầu Vượt An Sương	Ngã Tư Trung Chánh	4	Hóc Môn
				2.75	Hóc Môn
				1.82	Hóc Môn
100	Trần Bình Trọng	Trộn Đường		6.23	Hóc Môn

STT	TÊN ĐƯỜNG (Khu vực 4)	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ	QUẬN/ HUYỆN
		TỪ	ĐẾN		
101	Trung Nữ Vương	Quang Trung	Trần Khắc Chân	6.75	Hóc Môn
				3.89	Hóc Môn
102	Đặng Nhữ Lâm	Huỳnh Tấn Phát	Kho Dầu B	4.5	Nhà Bè
103	Đào Tông Nguyên	Huỳnh Tấn Phát	Kho Dầu C	4.5	Nhà Bè
104	Dương Cát Lợi	Huỳnh Tấn Phát	Kho Dầu A	4.5	Nhà Bè
105	Đường Nội Bộ Khu Dân Cư Trường Đại Học Khoa Học Xã Hội Và Nhân Văn	Trộn Đường		5.2	Nhà Bè
106	Đường Nội Bộ Khu Tái Định Cư Phước Kiến Giai Đoạn I	Trộn Đường		4.4	Nhà Bè
107	Nguyễn Thị Hương	Trộn Đường		4.2	Nhà Bè
108	Đường Vào Kho Xăng Dầu Lâm Tài Chính	Trộn Đường		4.2	Nhà Bè
109	Đường Vào Kho Xăng Dầu Petechim	Trộn Đường		4.2	Nhà Bè
110	Đường Nội Bộ Trung Tâm Sinh Hoạt Thanh Thiếu Niên	Trộn Đường		4.35	Nhà Bè
111	Huỳnh Tấn Phát	Cầu Phú Xuân	Đào Tông Nguyên	6	Nhà Bè
		Đào Tông Nguyên	Mũi Nhà Bè	4.8	Nhà Bè
112	Lê Văn Lương	Cầu Rạch Đĩa	Cầu Long Kiên	4.2	Nhà Bè

STT	TÊN ĐƯỜNG (Khu vực 4)	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ	QUẬN/ HUYỆN
		TỪ	ĐẾN		
113	Nguyễn Bình	Huỳnh Tấn Phát	Cầu Mương Chuối	4.2	Nhà Bè
114	Nguyễn Hữu Thọ	Cầu Rạch Đĩa 2	Cầu Bà Chiêm	8	Nhà Bè
115	Phạm Thị Kỳ	Nguyễn Bình	Nhà Thiếu Nhi	4.2	Nhà Bè
116	Phạm Thị Quy	Trung Tâm Bồi Dưỡng Chính Trị	Nhà Thiếu Nhi	4.2	Nhà Bè
117	Dương Thị Năm	Nguyễn Bình	Trung Tâm Bồi Dưỡng Chính Trị	4.2	Nhà Bè
118	Đường Vào Dự Án Khu Dân Cư Phú Xuân	Trộn Đường		4.35	Nhà Bè
119	Đường Vào Khu Dân Cư Công Ty Dvtm - Kd Nhà Sài Gòn Mới	Trộn Đường		4.35	Nhà Bè

STT	TÊN ĐƯỜNG (Khu vực 4)	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ	QUẬN/ HUYỆN
		TỪ	ĐẾN		
120	Đường Nội Bộ Khu Dân Cư Trần Thái	Trộn Đường		4.4	Nhà Bè
121	Đường Nội Bộ Khu Dân Cư Tân An Huy	Trộn Đường		4.4	Nhà Bè
122	Đường Nội Bộ Khu Dân Cư Vạn Phát Hưng	Trộn Đường		4.2	Nhà Bè
123	Đường Nội Bộ Khu Dân Cư Vạn Hưng Phú	Trộn Đường		4.2	Nhà Bè
124	Đường Nội Bộ Khu Dân Cư Công Trình Cảng Sài Gòn	Trộn Đường		4.2	Nhà Bè
125	Đường Nội Bộ Khu Dân Cư Cotec	Trộn Đường		4.2	Nhà Bè

5. Khu vực 5

STT	TÊN ĐƯỜNG (Khu vực 5)	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ	QUẬN/ HUYỆN
		TỪ	ĐẾN		
1	2	3	4	5	6
1	Bùi Lâm	Duyên Hải	Biển Đông	1.08	Cần Giờ
2	Đặng Văn Kiều	Bến Đò Cơ Khí	Duyên Hải	1.08	Cần Giờ
3	Đào Cử	Duyên Hải	Tắc Xuất	1.56	Cần Giờ
		Tắc Xuất	Lê Hùng Yên	1.5	Cần Giờ
		Lê Hùng Yên	Giồng Cháy	1.5	Cần Giờ

STT	TÊN ĐƯỜNG (Khu vực 5)	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ	QUẬN/ HUYỆN
		TỪ	ĐẾN		
4	Duyên Hải	Chợ Cần Giờ	Nghĩa Trang Liệt Sĩ Rừng Sác	1.41	Cần Giờ
		Nghĩa Trang Liệt Sĩ Rừng Sác	Cầu Rạch Lỡ	1.2	Cần Giờ
		Cầu Rạch Lỡ	Thạnh Thới	1.23	Cần Giờ

STT	TÊN ĐƯỜNG (Khu vực 5)	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ	QUẬN/ HUYỆN
		TỪ	ĐẾN		
		Thanh Thới	Nguyễn Văn Mạnh	1.06	Cần Giờ
				900	Cần Giờ
5	Lê Thương	Duyên Hải	Đặng Văn Kiều	1.14	Cần Giờ
6	Lê Trọng Mân	Đào Cừ	Cầu Cảng Đông Lạnh	1.14	Cần Giờ
7	Lương Văn Nho	Tắc Xuất	Giồng Cháy	1.41	Cần Giờ
		Giồng Cháy	Phan Trọng Tuệ	1.41	Cần Giờ
8	Rừng Sác	Phả Bình Khánh	Cầu Vượt Bến Lức-Long Thành	1.84	Cần Giờ
		Cầu Vượt Bến Lức-Long Thành	Hà Quang Vóc	1.84	Cần Giờ

STT	TÊN ĐƯỜNG (Khu vực 5)	ĐOẠN ĐƯỜNG		GIÁ	QUẬN/ HUYỆN
		TỪ	ĐẾN		
		Hà Quang Vóc	Cầu Rạch Lá	1.84	Cần Giờ
		Cầu Rạch Lá	Cầu An Nghĩa	1.02	Cần Giờ
		Cầu Hà Thành	Duyên Hải	1.02	Cần Giờ
9	Tắc Xuất			600	Cần Giờ
		Lương Văn Nho	Biển Đông	970	Cần Giờ
10	Trần Quang Đạo	Tắc Sông Chà	Trường Tiểu Học Bình Mỹ	1.19	Cần Giờ
		Trường Tiểu Học Bình Mỹ	Rạch Lấp Vòi	1.19	Cần Giờ
		Rạch Lấp Vòi	Rạch Thủ Huy	1.06	Cần Giờ
11	Giồng Cháy	Giồng Cháy	Duyên Hải	1.2	Cần Giờ

SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI.

